

**BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY GIA LAI**

**C**ẩm nang  
**TUYÊN GIÁO CƠ SỞ**

*Pleiku, tháng 9 năm 2013*

## *Lời nói đầu*

Cơ sở là nơi trực tiếp thực hiện và kiểm nghiệm đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Việc xây dựng lực lượng và tiến hành công tác tuyên giáo ở cơ sở nhằm tuyên truyền, đưa đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với nhân dân, tạo ra sự thống nhất về ý chí và hành động trong Đảng, sự đồng thuận trong nhân dân, phấn đấu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, củng cố quốc phòng-an ninh, xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc, xây dựng hệ thống chính trị cơ sở trong sạch vững mạnh, góp phần thực hiện thành công hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Để giúp cho Ban tuyên giáo các cấp hoàn thành tốt nhiệm vụ, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Gia Lai biên soạn và phát hành cuốn **“Cẩm nang tuyên giáo cơ sở”**.

Cuốn sách gồm các chuyên đề: Khái quát công tác tư tưởng ở cơ sở; nghiệp vụ công tác tuyên truyền cổ động; nghiệp vụ công tác văn hóa văn nghệ; công tác giáo dục lý luận chính trị, giáo dục truyền thống; công tác khoa giáo; công tác xây dựng lực lượng, nắm bắt và định hướng dư luận xã hội; nghiệp vụ công tác tuyên

truyền miệng; công tác Lịch sử Đảng bộ địa phương và hướng dẫn công tác văn bản của tuyên giáo cơ sở. Các chuyên đề được biên soạn dựa trên tài liệu do Ban Tuyên giáo Trung ương phát hành và căn cứ vào tình hình thực tiễn của tỉnh.

Mặc dù có nhiều cố gắng trong khâu biên soạn, biên tập để cuốn sách có nội dung ngắn gọn, thiết thực, tuy nhiên khó tránh khỏi những khiếm khuyết, Ban Biên tập mong nhận được sự góp ý của bạn đọc, nhất là đội ngũ cán bộ tuyên giáo cơ sở. Mọi góp ý xin gửi về Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy - số 02 Hai Bà Trưng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

**Ban Biên tập xin chân thành cảm ơn!**

## *Chuyên đề 1*

# **KHÁI QUÁT CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG Ở CƠ SỞ**

**I- Khái niệm, phương châm, nhiệm vụ, nội dung công tác tư tưởng ở cơ sở**

### *1- Khái niệm công tác tư tưởng ở cơ sở*

Công tác tư tưởng ở cơ sở là một mặt công tác chủ yếu của tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể ở cơ sở, nhằm tác động vào đội ngũ cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân ở cơ sở, củng cố nền tảng tư tưởng, động viên, cổ vũ tích cực, sáng tạo của nhân dân trên địa bàn, tạo sự thống nhất cao trong toàn Đảng bộ cơ sở, sự đồng thuận trong nhân dân, góp phần hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ chính trị của cơ sở và thắng lợi chung của tỉnh, đất nước.

### *2- Phương châm công tác tư tưởng ở cơ sở*

Tiến hành công tác tư tưởng ở cơ sở cần thực hiện 6 phương châm:

*Một là*, công tác tư tưởng phải gắn chặt với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, với phong trào cách mạng của quần chúng, với từng đối tượng.

*Hai là*, kết hợp chặt chẽ ba nội dung giáo dục: chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; kiến thức khoa học, phẩm chất và đạo đức cách mạng; giáo dục lý luận, quan điểm cơ bản và tình hình, nhiệm vụ trước mắt.

*Ba là, kết hợp công tác tư tưởng, công tác tổ chức và các mặt công tác khác.*

*Bốn là, kết hợp giáo dục tư tưởng trong học tập với việc rèn luyện trong thực tiễn cách mạng.*

*Năm là, kết hợp giáo dục tư tưởng trong sinh hoạt của tất cả các tổ chức; công tác tư tưởng trong Đảng với công tác tư tưởng trong xã hội.*

*Sáu là, kết hợp bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm cách mạng với phê phán những biểu hiện tư tưởng lệch lạc; biểu dương ưu điểm đi đôi với phê bình, uốn nắn những khuyết điểm.*

### ***3- Nhiệm vụ công tác tư tưởng ở cơ sở***

Công tác tư tưởng ở cơ sở có 06 nhiệm vụ cơ bản sau:

*Một là, giáo dục độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối quan điểm của Đảng, làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân có nhận thức đúng đắn, kiên định, vững vàng trước mọi khó khăn, thách thức. Kiên quyết đấu tranh chống quan điểm sai trái, thù địch, ngăn ngừa ảnh hưởng của chủ nghĩa cơ hội dưới mọi hình thức.*

*Hai là, đẩy mạnh tổng kết thực tiễn ở cơ sở góp phần phát triển, hoàn thiện đường lối và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam. Tiến hành phổ biến, quán triệt sâu rộng các nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ chính trị của địa phương.*

*Ba là, nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, kiến thức và năng lực thực tiễn của cán bộ, đảng viên và nhân dân, khắc phục những biểu hiện của chủ nghĩa thực dụng, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, thực hiện có hiệu quả việc “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”.*

*Bốn là*, giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa của địa phương, cơ sở, góp phần xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, con người mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, góp phần công nghiệp hoá, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

*Năm là*, xây dựng và phát huy nhân tố con người qua thực hiện tốt các lĩnh vực khoa giáo ở cơ sở. Chỉ đạo, hướng dẫn, cổ vũ thúc đẩy phong trào thi đua yêu nước, nhất là phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, “Xây dựng nông thôn mới” và các phong trào xã hội khác ở cơ sở; coi trọng việc bồi dưỡng, nhân rộng các điển hình, nhân tố mới, góp phần hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ chính trị của địa phương trong từng giai đoạn.

*Sáu là*, giáo dục ý thức cảnh giác, chống các hoạt động “Diễn biến hòa bình”, cơ hội chính trị, lôi kéo, chia rẽ sự đoàn kết toàn dân ở cơ sở. Kịp thời giải quyết các mâu thuẫn nội bộ nhân dân, không để xảy ra khiếu kiện kéo dài, khiếu kiện tập thể, không có điểm nóng ở cơ sở.

#### ***4- Nội dung công tác tư tưởng ở cơ sở trong giai đoạn hiện nay***

Công tác tư tưởng ở cơ sở gồm các nội dung sau: Công tác giáo dục lý luận chính trị, giáo dục truyền thống cách mạng; công tác tuyên truyền, cổ động; công tác văn hóa văn nghệ; thực hiện các lĩnh vực khoa giáo; công tác nắm bắt tình hình tư tưởng, dư luận xã hội và định hướng tư tưởng, dư luận xã hội ở cơ sở; công tác đấu tranh tư tưởng.

Ngoài các nội dung cơ bản trên, công tác tư tưởng ở cơ sở còn có các nội dung khác như giáo dục thẩm mỹ, giáo dục thể lực, giáo dục về sinh thái, môi trường...

## **II- Các hình thức tiến hành công tác tư tưởng ở cơ sở**

1- Tổ chức học tập, quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng.

2- Sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt tổ dân phố, sinh hoạt các đoàn thể để làm công tác giáo dục chính trị tư tưởng.

3- Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, các hội thi nhân các sự kiện lớn của đất nước, của địa phương thông qua đó làm công tác giáo dục.

4- Công tác tuyên truyền miệng là kênh hết sức quan trọng, trong đó có tuyên truyền cá biệt và phối hợp tổ chức được các buổi phát động quần chúng.

5- Sử dụng các phương tiện thông tin đại chúng, các điểm bưu điện văn hóa xã, nhà sinh hoạt cộng đồng, nhà rông văn hóa, các câu lạc bộ... để làm công tác tuyên truyền, giáo dục.

6- Phát động các phong trào thi đua yêu nước, phát hiện biểu dương những điển hình tiên tiến, tổ chức gặp mặt, tôn vinh các điển hình tiên tiến, nhân tố mới để tập hợp, vận động quần chúng nhân dân.

7- Tranh thủ những người có uy tín trong cộng đồng để làm công tác tuyên truyền, giáo dục. Ngoài công tác giáo dục còn kết hợp xử lý hành chính, những luật tục phù hợp, tiến bộ của địa phương đối với những đối tượng vi phạm.

8- Hoạt động tuyên truyền, cổ động bằng xe loa, các băng rol khẩu hiệu, áp phích, các cụm pano... nhân các sự kiện chính trị-xã hội quan trọng.

9- Nắm bắt tình hình tư tưởng và dư luận xã hội:

+ Tổ chức đối thoại với nhân dân để trả lời những kiến nghị, thắc mắc của dân, ghi nhận những phản ánh của dân để đề nghị

với các cơ quan chức năng giải quyết đảm bảo nhu cầu, nguyện vọng chính đáng của nhân dân.

+ Tổ chức tốt hoạt động tiếp dân hàng tuần.

+ Thông qua các hộp thư góp ý.

+ Phối hợp với cấp trên tổ chức các cuộc điều tra dư luận xã hội.

### **III- Lực lượng làm công tác tư tưởng ở cơ sở**

Công tác tư tưởng là nhiệm vụ của toàn Đảng, là trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên, đồng thời phải có lực lượng chuyên trách, có nghiệp vụ và kinh nghiệm công tác. Ngay từ ngày thành lập, Đảng ta đã thành lập Ban Tuyên giáo, cơ quan tham mưu và giúp cấp ủy thực hiện công tác tư tưởng của Đảng.

#### ***1. Ban Tuyên giáo cơ sở***

*1.1- Chức năng Ban Tuyên giáo cơ sở:* Tham mưu và giúp cho cấp ủy về các mặt công tác tư tưởng, văn hóa, khoa giáo, biên soạn, bổ sung lịch sử đảng bộ địa phương. Trực tiếp tổ chức thực hiện các hoạt động tuyên giáo trên địa bàn cơ sở.

#### *1.2- Nhiệm vụ của Ban Tuyên giáo cơ sở:*

*Một là,* giúp cấp ủy xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch công tác giáo dục lý luận chính trị, nâng cao nhận thức và sự thống nhất tư tưởng và hành động trong toàn Đảng, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của địa phương.

*Hai là,* giúp cấp ủy xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục đạo đức, lối sống, đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, suy thoái về tư tưởng chính trị và đạo đức, lối sống, ngăn chặn các tệ nạn xã hội; giúp cấp ủy triển khai đẩy mạnh việc “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”.

*Ba là,* giúp cấp ủy xây dựng kế hoạch công tác tư tưởng của



chi bộ, đảng bộ trong xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh. Ban Tuyên giáo vừa xây dựng kế hoạch (kế hoạch theo nhiệm kỳ đại hội của chi bộ, đảng bộ; kế hoạch năm, quý, tháng, kế hoạch thực hiện chương trình hành động của cấp ủy...) vừa trực tiếp tác nghiệp trên các lĩnh vực sau:

+ Giữ vai trò nòng cốt trong việc tuyên truyền, giáo dục, xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Ban Tuyên giáo cùng với mạng lưới cộng tác viên từ xã, phường đến thôn, làng, tổ dân phố, tổ nhân dân tự quản, các tổ chức đoàn thể... là lực lượng quan trọng trong công tác giám sát cán bộ, đảng viên làm theo Điều lệ Đảng, xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch vững mạnh.

+ Phát hiện kịp thời những vấn đề tư tưởng mới nảy sinh để tham mưu giúp cấp ủy các biện pháp giải quyết. Phát hiện kịp thời gương người tốt, việc tốt để tuyên truyền và nhân rộng trong Đảng, trong nhân dân.

+ Hướng dẫn, phối hợp, đôn đốc, kiểm tra các lực lượng trong xã, phường, thị trấn, thôn, làng, tổ dân phố... thực hiện công tác tư tưởng.

+ Giúp cấp ủy xây dựng đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên. Trực tiếp chỉ đạo về nội dung chính trị, tư tưởng của các tài liệu phục vụ cho hoạt động tuyên truyền của mạng lưới báo cáo viên, tuyên truyền viên, đội văn nghệ, đài truyền thanh, nhà văn hóa, điểm bưu điện văn hóa, thư viện, tủ sách, bản tin...

+ Hướng dẫn nội dung sinh hoạt định kỳ hoặc đột xuất của đảng bộ, chi bộ.

*Bốn là*, tham mưu cho cấp ủy về kế hoạch, nội dung tiến hành thường xuyên cuộc đấu tranh chống “diễn biến hòa bình” về tư tưởng, văn hóa, lối sống...

Ban Tuyên giáo cơ sở phải xây dựng kế hoạch, xác định nội dung, phương pháp, phối hợp lực lượng, tiến hành sơ kết theo từng

đợt, từng chủ đề; báo cáo cấp ủy theo định kỳ và không định kỳ về tình hình diễn biến tư tưởng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, đánh giá khả năng “đề kháng” của cán bộ, đảng viên, nhân dân trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới, trong nước, địa phương; trước những khó khăn, biến động trên các lĩnh vực của đời sống xã hội.

### *1.3- Tổ chức và cán bộ: từ 5 - 7 đồng chí.*

Ban Tuyên giáo cơ sở là tổ chức của cấp ủy, đồng chí Trưởng ban do Ban Thường vụ phân công, đồng chí Phó Trưởng ban do Ban phân công; thành viên gồm một số đồng chí thuộc các ngành như: lãnh đạo UBND, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể; đại diện các ngành thuộc lĩnh vực: giáo dục, y tế, văn hóa thông tin...

*1.4- Phương thức hoạt động chủ yếu của Ban Tuyên giáo cơ sở là:*

+ Xây dựng kế hoạch hoạt động: bao gồm kế hoạch dài hạn (theo nhiệm kỳ Đại hội của đảng bộ, chi bộ); kế hoạch năm, quý, tháng; kế hoạch theo các chủ đề... Đây là vấn đề có tính nguyên tắc, làm cơ sở cho các mặt công tác khác.

+ Lên lịch sinh hoạt: họp định kỳ; giao ban tư tưởng định kỳ với cấp ủy; mạng lưới cộng tác viên (các đoàn thể, báo cáo viên, tuyên truyền viên, các cơ quan giáo dục, y tế...). Xây dựng chế độ báo cáo và phân công giải quyết công việc cho các thành viên của Ban.

## ***2- Phối hợp lực lượng làm công tác tư tưởng ở cơ sở***

### *2.1- Các lực lượng chủ yếu làm công tác tư tưởng ở cơ sở*

- Ban Tuyên giáo cơ sở, các đồng chí bí thư các chi bộ, tổ trưởng tổ nhân dân tự quản, báo cáo viên, tuyên truyền viên.

- Ban Công tác Mặt trận và trưởng, phó các đoàn thể, phụ trách nhà văn hóa, bưu điện văn hóa xã, trung tâm giáo dục cộng đồng, đài truyền thanh...

- Ban giám hiệu và giáo viên các trường học, trường trạm và cán bộ y tế xã, phường, thị trấn...

- Các đơn vị quân đội, công an, bộ đội biên phòng đóng trên địa bàn...

## *2.2- Các hình thức phối hợp lực lượng*

- Phối hợp xây dựng và tổ chức thực hiện các nghị quyết, kế hoạch của cấp ủy về công tác tư tưởng.

- Cấp ủy quyết định những vấn đề quan trọng của công tác tư tưởng. Cán bộ chủ chốt của các lĩnh vực này chuẩn bị tài liệu, đề xuất các yêu cầu và biện pháp cần thực hiện để trình cấp ủy thảo luận và quyết định. Với những nghị quyết, kế hoạch, chương trình công tác do cấp ủy đề ra có liên quan đến nhiệm vụ của các tổ chức chính quyền, đoàn thể cần huy động các tổ chức đó tham gia quá trình chuẩn bị xây dựng. Sau khi được cấp ủy thông qua, các nghị quyết, kế hoạch, chương trình đó phải được cụ thể hóa trong kế hoạch, chương trình công tác của từng tổ chức.

- Phối hợp lực lượng trong công tác tuyên truyền, giáo dục thực hiện các cuộc sinh hoạt chính trị, các phong trào thi đua yêu nước, các ngày kỷ niệm, các sự kiện lớn của đất nước.

- Phối hợp tổ chức các hội nghị, các buổi tọa đàm về lĩnh vực tư tưởng - văn hóa.

- Cấp ủy làm nhiệm vụ kiểm tra thường xuyên việc thực hiện nhiệm vụ công tác tư tưởng - văn hóa của các đoàn thể nhân dân, các đơn vị văn hóa, thông tin trên địa bàn.

- Cấp ủy lựa chọn, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác tư tưởng - văn hóa.

## **3- Chế độ làm việc của Ban Tuyên giáo cơ sở**

### *3.1- Nguyên tắc làm việc*

- Ban Tuyên giáo cơ sở chấp hành nghiêm chỉnh sự chỉ đạo của cấp ủy cùng cấp.

- Công tác nhân sự trong Ban, xét thi đua khen thưởng, đề xuất chủ trương chỉ đạo phải được thảo luận và quyết định theo đa số.

- Hàng năm các chương trình, kế hoạch công tác, đề án phối hợp được thảo luận dân chủ, tranh thủ ý kiến rộng rãi để tạo sự thống nhất trong hoạt động của Ban. Khi thực hiện có phân công trách nhiệm rõ ràng, cụ thể.

- Duy trì nề nếp giao ban hàng tháng, quý, năm để tổng hợp tình hình tư tưởng, tâm trạng xã hội của nhân dân, kịp thời kiến nghị với cấp ủy và chính quyền giải quyết những vướng mắc trong công tác tuyên giáo. Thực hiện chế độ thông tin báo cáo với Đảng ủy và Ban Tuyên giáo cấp trên theo quy định.

### *3.2- Phân công trách nhiệm*

#### *a- Trưởng ban*

- Chịu trách nhiệm trước cấp ủy về công tác tuyên giáo và phụ trách chung, chủ trì công việc của ban, phân công, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, chỉ đạo những nội dung công tác tuyên giáo, triển khai thực hiện việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh để phục vụ công tác lãnh đạo của cấp ủy và chỉ đạo việc tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, hướng dẫn của cấp trên và cấp ủy đã được thông qua.

- Duy trì nguyên tắc và chế độ làm việc, chủ trì các hoạt động của Ban theo quy định, chỉ đạo sơ, tổng kết các chỉ thị, nghị quyết về công tác tuyên giáo.

- Trực tiếp giữ mối liên hệ và lãnh đạo công tác tuyên giáo trong các cơ sở Đảng và tổ chức chính quyền.

### *b- Phó Trưởng ban*

- Làm nhiệm vụ thường trực, giúp Trưởng ban theo dõi, giải quyết công tác tuyên giáo của địa phương, giải quyết công việc khi Trưởng ban đi vắng hoặc được Trưởng ban ủy quyền.

- Chuẩn bị hoặc giúp Trưởng ban chuẩn bị các văn bản trình cấp ủy về công tác tuyên giáo, việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

- Xây dựng dự thảo các chương trình công tác tuyên giáo, chuẩn bị nội dung các cuộc họp có liên quan.

- Trực tiếp giữ mối liên hệ và theo dõi hoạt động công tác tuyên giáo, tình hình tư tưởng, tâm trạng xã hội.

### *c- Các thành viên của Ban*

- Có trách nhiệm tham gia xây dựng, đề xuất và tổ chức thực hiện các chương trình, nội dung, kế hoạch công tác của Ban đã thống nhất.

- Thực hiện nhiệm vụ được Trưởng, Phó ban phân công triển khai công tác tuyên giáo trong lĩnh vực phụ trách. Tham gia sinh hoạt và dự đầy đủ các cuộc họp giao ban định kỳ, kịp thời nắm tình hình tư tưởng, dư luận xã hội, báo cáo tình hình, kết quả công tác theo quy định.

### *3.3- Lễ lối làm việc*

- Căn cứ nhiệm vụ, chương trình công tác của cấp ủy và hướng dẫn của Ban Tuyên giáo cấp trên, Ban Tuyên giáo cơ sở xây dựng phương hướng, nhiệm vụ, chương trình công tác toàn khóa, năm, 6 tháng, hàng tháng về công tác tuyên giáo để trình cấp ủy thông qua.

- Định kỳ họp hàng tháng 1 lần (nếu cần thiết sẽ tổ chức họp bất thường) để đánh giá kết quả công tác trong tháng, phản ánh tình hình tư tưởng và dư luận xã hội trong cán bộ, đảng viên và

nhân dân ở địa phương; triển khai nhiệm vụ công tác tháng sau. Nội dung cuộc họp phải thông báo trước cho các thành viên ít nhất là 03 ngày.

- Hàng tháng Trưởng ban hoặc Phó Trưởng ban báo cáo kết quả công tác với cấp ủy và Ban Tuyên giáo cấp trên trực tiếp. Khi có những vấn đề đột xuất, phát sinh phải báo cáo kịp thời và đề xuất giải pháp với cấp ủy cơ sở và Ban Tuyên giáo cấp trên, nhất là những vấn đề phức tạp ở cơ sở.

- Các thành viên của Ban Tuyên giáo cơ sở được cung cấp thông tin, dự các cuộc họp cần thiết và thực hiện các chế độ khác theo quy định.

#### ***4- Mối quan hệ công tác của Ban Tuyên giáo cơ sở***

##### ***4.1- Đối với Đảng ủy cơ sở***

Ban Tuyên giáo cơ sở chịu sự chỉ đạo trực tiếp của cấp ủy cơ sở về phương hướng, nhiệm vụ, chương trình công tác. Báo cáo đầy đủ, kịp thời kết quả hoạt động của Ban theo quy định của cấp ủy.

##### ***4.2- Đối với các chi bộ trực thuộc Đảng ủy cơ sở***

Ban Tuyên giáo cơ sở giữ mối quan hệ với chi bộ trực thuộc theo quy định của Đảng ủy cơ sở, thực hiện chức năng hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các chi bộ, các chi ủy trực thuộc Đảng ủy cơ sở tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị về công tác tuyên giáo.

##### ***4.3- Đối với các Ban và Ủy ban kiểm tra của Đảng ủy cơ sở***

Giữ mối quan hệ phối hợp trong công tác tuyên giáo và xây dựng tổ chức cơ sở Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh.

##### ***4.4- Đối với chính quyền cơ sở***

- Phối hợp với HĐND, UBND tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết,

chỉ thị của cấp ủy cấp trên và cấp ủy cơ sở về công tác tuyên giáo. Tham gia góp ý kiến về các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương và các quy định của chính quyền có liên quan đến nhân dân; công tác tuyên giáo và thực hiện việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh ở cơ sở.

- Đề xuất, kiến nghị với cấp ủy cơ sở và Ban Tuyên giáo cấp trên trực tiếp những vấn đề về công tác tuyên giáo cơ sở; đề xuất chủ trương, giải pháp để giải quyết những vướng mắc, những vấn đề phát sinh có liên quan đến công tác tuyên giáo; việc triển khai học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, tình hình tư tưởng, tâm trạng của nhân dân ở cơ sở.

*4.5- Đối với Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị-xã hội, đoàn thể nhân dân*

Ban tuyên giáo cơ sở có mối quan hệ phối hợp với MTTQ, các tổ chức chính trị-xã hội, đoàn thể nhân dân trên các mặt sau:

- Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nắm tình hình tư tưởng, tâm trạng của nhân dân; theo dõi, kiểm tra, sơ, tổng kết các chỉ thị, nghị quyết có liên quan đến công tác tuyên giáo.

- Tham dự các cuộc họp và hội nghị sơ, tổng kết của Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, hội quần chúng.

*4.6- Đối với Ban Tuyên giáo cấp trên trực tiếp*

- Ban Tuyên giáo cơ sở chịu sự hướng dẫn, kiểm tra của Ban Tuyên giáo cấp trên về nội dung, phương hướng hoạt động công tác tuyên giáo và bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên giáo cơ sở.

- Thực hiện tốt các chế độ thông tin báo cáo đúng thời gian quy định.

## **IV- Đổi mới công tác tư tưởng ở cơ sở trong giai đoạn mới**

### ***1- Tình hình chung***

Trong thời gian đến, cùng với sự phát triển đa dạng của các thành phần và nhu cầu, lợi ích kinh tế, về việc làm, đời sống, lợi ích khác nhau, nên nhu cầu của những con người trong cộng đồng đó khác nhau. Sự phân hoá giàu nghèo, đời sống của nhân dân ở các vùng dân cư đô thị, nông thôn ngày càng doãng ra. Từ đó, môi trường của công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng và xây dựng đời sống văn hóa ngày càng rộng và phức tạp. Với sự phát triển của các phương tiện, công cụ thông tin đại chúng như báo chí, phát thanh truyền hình, nhất là Internet và các sản phẩm công nghệ mới trong toàn xã hội tăng lên rõ rệt; các nhân tố và các kênh thông tin, dư luận có ảnh hưởng lớn tới việc hình thành nhân cách, lối sống của mọi người tăng lên. Việc mở cửa và hội nhập ngày càng gia tăng, sự giao lưu hợp tác với nước ngoài về kinh tế, khoa học, văn hóa ngày càng sâu rộng, môi trường hoạt động của con người ngày càng được mở rộng hơn. Bên cạnh những yếu tố tích cực, giúp mọi người dần mở rộng tầm nhìn, tăng thêm hiểu biết, tiếp thu học tập được những tinh hoa văn hóa của nhân loại thì cũng khó tránh khỏi ảnh hưởng của những “nhân tố ngoại lai”. Ý thức của mọi người về dân chủ, bình đẳng, tư duy độc lập, trình độ văn hóa, khoa học hiểu biết về mọi mặt từng bước được nâng lên, đòi hỏi phải được tôn trọng, năng động và chủ động hơn trong việc bày tỏ nguyện vọng của mình và trong việc lựa chọn thông tin. Yếu tố này đòi hỏi công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng trong những năm tới phải có phương pháp tiếp cận phong phú và phương thức triển khai cho phù hợp với từng đối tượng.

Mặt khác, trên địa bàn tỉnh ta, một bộ phận cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân còn băn khoăn lo lắng về đời sống còn nhiều khó khăn; dịch bệnh gia súc, gia cầm, thiên tai xảy ra ảnh



hưởng đến sản xuất và đời sống của nhân dân; công tác vệ sinh an toàn thực phẩm không đảm bảo, tai nạn giao thông vẫn nghiêm trọng, trong xã hội xuất hiện nhiều loại tội phạm mới, nhất là tội phạm ma túy, giết người, cướp của... làm cho nhân dân lo lắng; nhiều vấn đề xã hội bức xúc chưa được giải quyết có hiệu quả như: vấn đề đền bù, giải phóng mặt bằng, tỷ lệ đói nghèo còn cao trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, mặt bằng dân trí của tỉnh còn thấp; sự xuống cấp về y đức của một bộ phận thầy thuốc làm nhân dân bất bình; tình hình an ninh nông thôn còn tiềm ẩn những nhân tố phức tạp, bọn Fulro lưu vong thường xuyên liên lạc, chỉ đạo số bên trong móc nối, củng cố các khung ngầm, kích động tư tưởng ly khai, đe dọa, xúi dục một bộ phận đồng bào DTTS, bạo loạn khi có điều kiện, vượt biên trái phép sang Campuchia; bọn phản động đội lốt tôn giáo thường xuyên chống phá ta về nhiều mặt, kích động chia rẽ lương, giáo, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc; tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan và các hủ tục lạc hậu chưa được khắc phục, đẩy lùi, ảnh hưởng lớn đến việc gìn giữ an ninh, trật tự an toàn xã hội của tỉnh.

## ***2- Đổi mới công tác tư tưởng ở cơ sở***

*2.1- Đổi mới nhận thức của cấp ủy và nhận thức của cán bộ, đảng viên đối với công tác tư tưởng ở cơ sở*

- Cần thống nhất quan điểm, nhận thức về vị trí, vai trò quan trọng, tác dụng to lớn của công tác tư tưởng đối với mọi hoạt động ở cơ sở. Mỗi cán bộ, đảng viên đều phải làm công tác tư tưởng. Khắc phục mọi biểu hiện coi nhẹ, trông chờ, ỷ lại vào cấp trên, khoán trắng cho cán bộ phụ trách công tác tuyên giáo cơ sở.

- Củng cố nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở. Tập trung vào đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng; công tác nắm bắt tình hình tư tưởng, dư luận xã hội trong nhân dân, công tác đấu tranh tuyên truyền phản bác các luận điệu

của bọn phản động... nhằm tạo được những chuyển biến về nhận thức và tổ chức thực hiện.

- Nâng cao nhận thức, tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, các cấp chính quyền về công tác tư tưởng trên địa bàn dân cư, coi đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của các cấp ủy đảng, chính quyền, của Mặt trận và các đoàn thể chính trị-xã hội. Thường xuyên theo dõi, chỉ đạo và kiểm tra công tác tư tưởng ở cơ sở, nhất là hoạt động của ban tuyên giáo, cán bộ tuyên giáo.

## *2.2- Đổi mới nội dung, hình thức, đa dạng hoá các phương thức công tác tư tưởng*

- Đổi mới nội dung công tác tư tưởng ở cơ sở:

+ Trước hết, cần đổi mới nội dung và hình thức tổ chức học tập, quán triệt nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Chú trọng đổi mới và nâng cao hiệu quả việc xây dựng chương trình, kế hoạch, trong biên soạn tài liệu phục vụ quán triệt, học tập, nghiên cứu các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

+ Đổi mới nội dung tuyên truyền, giáo dục, thông tin thời sự, chính sách phải đa dạng hoá, cập nhật thường xuyên, tạo thành nhu cầu tinh thần ở cơ sở sôi động, lành mạnh, đẩy lùi và lấn áp các loại thông tin nhiễu loạn, tiêu cực. Đặc biệt quan tâm tới công tác tuyên truyền, giáo dục về quan điểm, đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức mới khi nước ta hội nhập sâu, toàn diện trên các lĩnh vực; các chủ trương chỉ đạo của Đảng, các nghị quyết của Quốc hội và các giải pháp của Chính phủ trong việc kiểm chế lạm phát, giữ vững tăng trưởng và đẩy mạnh an sinh xã hội. Cần đẩy mạnh tuyên truyền những thành tựu phát triển kinh tế-

xã hội của đất nước và của địa phương, nhất là kết quả thực hiện chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo, nhiệm vụ xây dựng quốc phòng-an ninh và xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở. Xây dựng niềm tin và lòng tự hào của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với sự nghiệp đổi mới đất nước. Đẩy mạnh công tác đấu tranh chống âm mưu “diễn biến hoà bình” trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa, đấu tranh và làm thất bại âm mưu, thủ đoạn của bọn FULRO lưu vong, xóa bỏ tư tưởng ly khai, tự trị trong một bộ phận đồng bào DTTS.

+ Tăng cường tuyên truyền, giáo dục, học tập và làm theo tấm gương sáng của cán bộ, đảng viên, nhân dân trong lao động học tập, công tác, nhất là điển hình tiên tiến học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Xây dựng các điển hình và tuyên truyền điển hình tiên tiến thật tích cực, mạnh mẽ. Làm cho cái tích cực, tiến bộ được nhân rộng, trở thành phổ biến, với phương châm “lấy cái đẹp, dẹp cái xấu; lấy tích cực đẩy lùi tiêu cực”.

+ Nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng theo phương châm “*Đễ nhớ, dễ hiểu, dễ làm*” và “*Mưa dầm thấm lâu*”, “*Đảng chủ trương, nhân dân phải biết, phải bàn, phải hiểu để làm theo*”. Đảm bảo thông tin tuyên truyền, giáo dục phong phú, đa dạng, thiết thực, đúng định hướng, có hiệu quả tạo dư luận xã hội tốt trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, quốc phòng-an ninh; đồng thời tích cực đấu tranh phòng chống tham ô, tham nhũng, quan liêu và các tiêu cực xã hội khác.

- Đổi mới phương thức tiến hành công tác tư tưởng ở cơ sở: Đa dạng hoá các hình thức tiến hành công tác tư tưởng ở cơ sở, làm cho công tác tư tưởng luôn phong phú, sinh động, đáp ứng yêu cầu của mọi đối tượng. Duy trì chế độ sinh hoạt Đảng, đoàn thể đều đặn, có chất lượng.

+ Tăng cường công tác nắm bắt tình hình tư tưởng, tâm trạng

của nhân dân, các dư luận xã hội để phân tích, hướng dẫn định hướng dư luận đúng đắn, không thụ động, phải nhạy bén hơn, linh hoạt hơn để kịp thời ổn định tình hình tư tưởng, không để kẻ xấu lợi dụng gây mất trật tự an ninh xã hội và phải giữ nghiêm kỷ luật trong thông tin tuyên truyền.

+ Phối hợp chặt chẽ và đồng bộ hoạt động của các lực lượng làm công tác tuyên truyền, vận động quần chúng, tạo sức mạnh tổng hợp nhằm nâng cao hiệu quả tuyên truyền.

+ Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục thông qua các loại hình văn hóa, nghệ thuật như: sân khấu hoá, tổ chức thi kể chuyện, thi tìm hiểu, tổ chức tọa đàm, giao lưu, các hoạt động văn hóa thể thao...

+ Đổi mới hoạt động tiếp dân, tăng cường hoạt động đối thoại trực tiếp với nhân dân của các cấp uỷ, chính quyền, các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể.

+ Đẩy mạnh phong trào toàn dân thi đua yêu nước, gắn với biểu dương, khen thưởng kịp thời những đơn vị cá nhân tiên tiến, gương “người tốt, việc tốt” ở cơ sở.

*2.3- Xây dựng hệ thống làm công tác tư tưởng ở cơ sở đủ mạnh, hoạt động có nề nếp, hiệu quả*

- Xây dựng và nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban tuyên giáo xã, phường, thị trấn. Nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận và các tổ chức đoàn thể CT-XH, Ban văn hóa thông tin cấp xã.

- Tập trung xây dựng, bồi dưỡng tập huấn nghiệp vụ tuyên truyền miệng cho đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên ở cơ sở có trình độ lý luận chính trị, trình độ chuyên môn; có khả năng nghiệp vụ phân tích, tổng hợp và kiến thức sư phạm cần thiết để làm công tác tuyên truyền miệng; am hiểu ngôn ngữ, phong tục tập quán của đối tượng tuyên truyền; nhiệt tình và có trách nhiệm

với công việc. Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên gương mẫu, nói đi đôi với làm, nói ít, làm nhiều thì dân mới tin, có như vậy công tác tuyên truyền, giáo dục mới có hiệu quả. Chú trọng xây dựng mạng lưới tuyên truyền viên ở cơ sở, chú ý lực lượng tuyên truyền viên là giáo viên, cán bộ y tế, bộ đội và cán bộ hưu trí, cựu chiến binh, trí thức và người có uy tín trong dòng họ là người dân tộc thiểu số tại thôn, làng.

- Tăng cường hoạt động thông tin, tuyên truyền của các phương tiện thông tin đại chúng.

- Thực hiện có hiệu quả các dự án truyền thông được phân bổ cho địa phương.

- Hàng tháng, ban tuyên giáo các cấp phối hợp với các cơ quan hữu quan, biên soạn tài liệu tuyên truyền có tính chất định hướng trọng tâm phục vụ cho công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng của cấp ủy, Mặt trận và các đoàn thể CT-XH ở cơ sở.

- Định kỳ ban tuyên giáo các cấp tổ chức giao ban công tác tư tưởng - văn hóa để nắm bắt tình hình tư tưởng, tâm trạng xã hội, những bức xúc của nhân dân để phản ánh kịp thời cho cấp ủy chỉ đạo kịp thời. Quan tâm xây dựng mạng lưới cộng tác viên dư luận xã hội các cấp.

- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chỉ đạo tốt công tác bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ công tác tuyên truyền miệng, nghiệp vụ công tác tuyên giáo cơ sở; nghiên cứu điều tra dư luận xã hội; biên soạn và cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết phổ biến rộng rãi trong nhân dân. Phối hợp đồng bộ của các lực lượng trong binh chủng tuyên truyền, phát huy cao độ vai trò của các cơ quan thông tin đại chúng; nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động của các đội tăng cường cơ sở, Đội thông tin an ninh (Công an tỉnh), Đội tuyên truyền cổ động (Trung tâm Văn hóa, Điện ảnh và Du lịch), Đội

tuyên truyền văn hóa cơ sở (Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh) và các đội tuyên truyền xung kích thanh niên...

*2.4- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, kinh phí cho công tác tư tưởng ở cơ sở*

- Hàng năm, cấp ủy có kế hoạch tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, kinh phí phục vụ các hoạt động tuyên truyền giáo dục chính trị tư tưởng và các thiết chế văn hóa ở cơ sở, chú trọng thiết chế văn hóa ở các thôn, làng, tổ dân phố.

- Lập Đề án đề nghị cấp trên đầu tư hệ thống truyền thanh ở cơ sở; tăng cường các ấn phẩm báo chí, các loại băng đĩa hình phục vụ tuyên truyền, phổ biến khoa học kỹ thuật, phổ biến kinh nghiệm, giới thiệu điển hình tiên tiến...

- Cần có chế độ bồi dưỡng thích đáng cho người trực tiếp làm công tác tuyên truyền ở cơ sở theo số buổi tuyên truyền, nhất là chế độ đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc để làm công tác tuyên truyền trên địa bàn thôn, làng có điểm nóng về an ninh chính trị.

Ngoài ra, các cấp ủy, chính quyền địa phương cần chủ động đẩy mạnh việc xã hội hoá các hoạt động văn hóa góp phần hỗ trợ công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng trên địa bàn dân cư.

## *Chuyên đề 2*

# **CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, CỔ ĐỘNG Ở CƠ SỞ**

**A- Giới thiệu toàn văn bài viết “Người tuyên truyền và cách tuyên truyền” của Bác Hồ đăng trên Báo sự thật số 79 ngày 26-6-1947**

Tuyên truyền là đem một việc gì nói cho dân hiểu, dân nhớ, dân theo, dân làm. Nếu không đạt được mục đích đó, là tuyên truyền thất bại.

Muốn thành công, phải biết cách tuyên truyền.

Thí dụ tuyên truyền trường kỳ kháng chiến.

Trước hết, mình phải hiểu rõ vì sao phải kháng chiến. Không kháng chiến có hại thế nào. Kháng chiến có lợi thế nào. Vì sao kháng chiến phải trường kỳ. Trong cuộc trường kỳ kháng chiến phải qua những gian nan cực khổ thế nào. Vì sao ta phải gắng chịu những sự gian nan cực khổ ấy. Trong lúc kháng chiến, mỗi một lớp nhân dân phải làm những công việc gì. Vì sao kháng chiến nhất định thắng lợi.

Hai là phải biết cách nói. Nói thì phải giản đơn, rõ ràng, thiết thực. Phải có đầu, có đuôi, sao cho ai cũng hiểu được, nhớ được.

Chớ dùng những danh từ lạ, ít người hiểu. Chớ nói ra ngoài đề, chớ lấp đi lấp lại. Chớ nói quá một tiếng đồng hồ, vì nói dài thì người ta chán tai, không thích nghe nữa.

Muốn tránh những khuyết điểm đó, trước khi nói, phải viết một dàn bài rõ ràng, rồi cứ xem đó mà nói.

Ba là phải có lễ độ. Thường những anh em thanh niên, đến nói trong một cuộc mít tinh, mở miệng là: “Các đồng chí!”. Ba tiếng đó không phải là vô phép, nhưng vì không hợp hoàn cảnh, nên chướng tai. Một hôm, tôi đến dự một cuộc mít tinh, đã thấy một kinh nghiệm như vậy. Một cụ già nói khế với tôi:

“Cụ Hồ là Chủ tịch cả nước, lại có tuổi, thế mà Cụ luôn luôn nói: Thưa các cụ, các ngài, v.v.. Đằng này, các cậu thanh niên bằng lứa cháu chúng mình, mà có ý muốn làm thầy chúng mình...”.

Đó là một điều nên chú ý.

Người tuyên truyền cần phải chịu khó, chịu khổ, khéo ở, siêng làm. Chớ tưởng rằng: Đi phốt qua địa phương, diễn thuyết một hai giờ đồng hồ mà có kết quả. Đến một địa phương nào, cần phải đi thăm các cụ phụ lão, các người phụ trách, rồi đi thăm các nhà đồng bào để gây cảm tình, và để hiểu biết tình hình địa phương. Đó là một việc cần cho tuyên truyền.

Hai là dân ở đó sinh hoạt thế nào, ta cũng phải sinh hoạt như họ. Nếu dân dậy sớm mà mình ngủ trưa, dân đang làm việc mà mình nằm ngủ lì, thì sẽ bị dân ghét, và ảnh hưởng xấu đến việc tuyên truyền.

Thấy dân làm việc gì, bất kỳ to nhỏ, ta cũng ra tay làm giúp. Đó là cách gây cảm tình tốt nhất, nó sẽ giúp cho việc tuyên truyền kết quả gấp bội.

Thái độ phải mềm mỏng: đối với các cụ già phải cung kính, với anh em, phải khiêm tốn, với phụ nữ, phải nghiêm trang, với nhi đồng, phải thân yêu, với cả mọi người, phải thành khẩn.

Mong anh em đi tuyên truyền làm đúng như thế, thì chắc sẽ thành công to.

**A.G.**



## **B- Công tác tuyên truyền, cổ động ở cơ sở**

### **I- Nhận thức chung về công tác tuyên truyền, cổ động**

#### ***1- Khái niệm tuyên truyền, cổ động***

*Khái niệm tuyên truyền:* Từ thực tiễn cách mạng Việt Nam, có thể hiểu: Tuyên truyền là hoạt động nhằm truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, nhiệm vụ chính trị của địa phương, từ đó có niềm tin vững chắc vào sự nghiệp cách mạng và tự giác, sáng tạo trong hoạt động thực tiễn, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đưa đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

*Khái niệm cổ động:* Cổ động là thông qua các phương thức, công cụ riêng, chủ yếu là các biện pháp trực quan, tác động trực tiếp vào nhận thức, tư tưởng, tình cảm của quần chúng nhân dân, lôi cuốn họ vào những hoạt động theo mục tiêu đã định.

Như vậy, tuyên truyền cổ động theo nghĩa rộng là hoạt động có mục đích của một chủ thể nhằm truyền bá những tri thức, giá trị tinh thần, tư tưởng đến đối tượng, biến những tri thức, giá trị tinh thần, tư tưởng đó thành nhận thức, niềm tin, tình cảm, cổ vũ đối tượng hành động theo những định hướng do chủ thể tuyên truyền đặt ra.

#### ***2- Vai trò của công tác tuyên truyền, cổ động ở cơ sở***

Vai trò quan trọng của công tác tuyên truyền, cổ động thể hiện tập trung ở các khía cạnh sau:

- Phổ biến, truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, những vấn đề thời sự lớn của quốc tế, của đất nước, của tỉnh và nhiệm vụ chính trị của địa phương. Đặc biệt hiện nay là vấn đề thực hiện Pháp lệnh dân chủ xã, phường, thị trấn, xây dựng nông thôn mới, vấn đề biển đảo... qua đó nâng cao nhận thức

chính trị của cán bộ, đảng viên và nhân dân; động viên mọi người thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ sở.

- Là công cụ để định hướng tư tưởng, hướng dẫn suy nghĩ và hành động của toàn xã hội.

- Góp phần quan trọng để xây dựng đời sống văn hóa lành mạnh ở địa bàn dân cư, xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng con người trở thành một công dân tốt, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

Qua tuyên truyền, cổ động để phát huy vai trò làm chủ, tính tích cực, sáng tạo của quần chúng trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng... theo tinh thần Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

- Góp phần tăng cường mối liên hệ máu thịt giữa Đảng với nhân dân, xây dựng khối đoàn kết thống nhất trong Đảng, tăng cường sự đồng thuận trong xã hội.

- Là công cụ sắc bén trong đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, chống lại mọi âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch; phê phán các quan điểm sai trái, lệch lạc nảy sinh trong cán bộ, đảng viên và nhân dân trong quá trình thực hiện đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước.

### ***3- Chức năng cơ bản của công tác tuyên truyền, cổ động***

Công tác tuyên truyền, cổ động có 04 chức năng cơ bản sau:

- *Chức năng thông tin:*

Đây là chức năng cơ bản, đầu tiên của công tác tuyên truyền. Tuyên truyền đem lại thông tin mới cho đối tượng nhằm thực hiện mục đích là nâng cao nhận thức cho đối tượng.

Thực hiện chức năng này, tuyên truyền mang đến cho đối tượng những thông tin chủ yếu về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của

Nhà nước, thông tin thời sự trong nước và quốc tế, nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị, cơ sở...

*- Chức năng giáo dục chính trị tư tưởng:*

Đây là chức năng hết sức quan trọng của công tác tuyên truyền, được thực hiện qua nội dung sau: Giáo dục lý luận, hình thành tư duy lý luận; giáo dục chính trị tư tưởng, hình thành văn hóa chính trị; giáo dục thế giới quan, hình thành thế giới quan khoa học; giáo dục lao động, hình thành thái độ lao động mới; giáo dục kinh tế, hình thành văn hóa kinh tế; giáo dục đạo đức và lối sống mới; giáo dục tinh thần cảnh giác cách mạng, hình thành khả năng “miễn dịch” của nhân dân đối với ảnh hưởng của hệ tư tưởng thù địch và “diễn biến hoà bình” của chủ nghĩa đế quốc.

Tuyên truyền góp phần vào giải quyết vấn đề tư tưởng phát sinh trong quần chúng đồng thời định hướng thái độ, tư tưởng và tạo sự thống nhất về tư tưởng trong nhân dân.

*- Chức năng tổ chức, cổ vũ hành động:*

Chức năng tổ chức, cổ vũ hành động thể hiện thông qua việc hướng dẫn tập hợp quần chúng tham gia vào các quá trình tư tưởng, tham gia vào giải quyết nhiệm vụ chính trị, tham gia ủng hộ cái mới, cái tiến bộ, phê phán cái tiêu cực, lạc hậu trong đời sống xã hội. Cổ vũ khích lệ quần chúng sáng tạo, tích cực, chủ động tham gia các phong trào thi đua, tham gia các cuộc vận động cách mạng rộng lớn hoặc một hình thức tập hợp nào đó nhằm thực hiện những nhiệm vụ chính trị đề ra. Trong thực tiễn chính là vận động nhân dân tham gia các phong trào thi đua yêu nước; tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”; phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, “Xây dựng nông thôn mới”...

*- Chức năng phê phán:*

Tập trung phê phán triệt để, sâu sắc với các tổ chức, cá nhân

có tư tưởng, quan điểm đi ngược lại lợi ích dân tộc, bôi nhọ, xuyên tạc chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, phủ nhận chủ nghĩa xã hội, phủ nhận sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản đối với Nhà nước và xã hội.

Phê phán tàn dư, ảnh hưởng của tư tưởng và hành vi lỗi thời, lạc hậu còn rơi rớt trong xã hội, không còn phù hợp với thực tiễn hiện nay; đấu tranh xóa bỏ các hủ tục lạc hậu trong đời sống xã hội.

Đấu tranh với biểu hiện tiêu cực trong xã hội, những biểu hiện lệch lạc, xa lạ, trái với quan điểm, đường lối của Đảng, trái với thuần phong, mỹ tục, đạo lý tốt đẹp của dân tộc.

Đấu tranh với mọi thủ đoạn của âm mưu “diễn biến hoà bình” mà kẻ địch đang sử dụng để ráo riết chống lại chế độ ta, âm mưu lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa mà Đảng và nhân dân ta đang xây dựng... Trên địa bàn tỉnh ta nói riêng và Tây Nguyên nói chung chính là đấu tranh chống lại âm mưu, ý đồ ly khai tự trị của bọn phản động FULRO lưu vong.

Các chức năng của công tác tuyên truyền đều quan trọng như nhau, do vậy khi tiến hành tuyên truyền không thể coi nhẹ chức năng nào để tránh phiến diện làm cho công tác tuyên truyền kém hiệu quả.

#### ***4 - Nguyên tắc cơ bản của công tác tuyên truyền, cổ động***

Công tác tuyên truyền, cổ động có 5 nguyên tắc cơ bản là: tính đảng; tính khoa học, thực tiễn; tính chân thực; tính chiến đấu và tính phổ thông, đại chúng.

##### ***4.1- Tính đảng***

- Tính đảng là một trong những nguyên tắc cơ bản của công tác tuyên truyền, cổ động. Nguyên tắc tính đảng đòi hỏi việc xem xét, lý giải mọi hiện tượng, sự kiện của đời sống xã hội đều phải đứng trên lập trường, quan điểm của giai cấp công nhân,

vì lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam.

- Nguyên tắc này đòi hỏi người làm công tác tuyên truyền, cổ động phải có niềm tin vững chắc vào chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, sự lãnh đạo của Đảng và thắng lợi của sự nghiệp cách mạng. Nội dung tuyên truyền, cổ động phải xây dựng định hướng thế giới quan, phương pháp luận khoa học, nhân sinh quan cách mạng cho quần chúng.

- Phải nêu cao tính chiến đấu trong công tác tuyên truyền, tích cực tham gia vào cuộc đấu tranh chống các quan điểm sai trái, phản động, các biểu hiện tiêu cực, tham nhũng, xâm phạm quyền làm chủ của nhân dân. Đặc biệt là chống âm mưu “diễn biến hòa bình” trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa.

#### *4.2- Tính khoa học, thực tiễn*

- Tính khoa học đòi hỏi công tác tuyên truyền, cổ động phải phân tích, đánh giá, tìm ra mối liên hệ giữa các hiện tượng và lý giải đúng đắn bản chất sự việc và hiện tượng trên cơ sở khoa học.

- Công tác tuyên truyền phải xuất phát từ thực tiễn và phục vụ thực tiễn cơ sở, tham gia giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra từ cơ sở.

- Nội dung, hình thức tuyên truyền, cổ động phải phù hợp với từng đối tượng cụ thể.

#### *4.3- Tính chân thực*

- Tính chân thực là nguyên tắc quan trọng của công tác tuyên truyền, cổ động. Tính chân thực đòi hỏi việc tuyên truyền, cổ động phải giải thích các thành tựu cũng như những sai lầm, thiếu sót trong mọi lĩnh vực đời sống xã hội một cách trung thực, khách quan.

- Tính chân thực không mâu thuẫn với việc cân nhắc cái gì nên nói, cái gì có thể đưa công khai, cái gì cần thông tin nội bộ.

Vấn đề cơ bản là nội dung tuyên truyền, cổ động đưa ra phải chân thực, đúng đắn, có tác động tích cực đến tư tưởng của các tầng lớp nhân dân, không được nói dối, nói quá, thổi phồng, bao che, xuyên tạc sự thật...

#### *4.4- Tính chiến đấu*

- Tính chiến đấu chính là bản chất của công tác tuyên truyền, cổ động chính trị. Tính chiến đấu biểu hiện của sự nhạy bén chính trị, tinh thần tiến công cách mạng trong thực hiện tuyên truyền, cổ động.

- Trong mỗi sự việc cần phân biệt rõ ràng đúng - sai, phải - trái, phù hợp - không phù hợp, biểu dương, phê phán kịp thời.

- Tính chiến đấu còn thể hiện ở việc kiên quyết phê phán các luận điệu tuyên truyền phản động, phản khoa học, trái với quan điểm, đường lối của Đảng nhằm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, bảo vệ chế độ.

#### *4.5- Tính phổ thông, đại chúng*

Tính phổ thông, đại chúng trong công tác tuyên truyền, cổ động đòi hỏi:

- Tuyên truyền, cổ động phải đến với toàn dân, muốn vậy cách nói, cách làm trong tuyên truyền, cổ động phải bám sát từng đối tượng để chọn ra phương án phù hợp.

- Phải động viên nhiều người, nhiều lực lượng cùng tham gia vào công tác tuyên truyền, cổ động.

- Tuyên truyền, cổ động phải gắn liền với triển khai các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động tại cơ sở. Tuyên truyền, cổ động còn để tổ chức, hướng dẫn phong trào.

- Hình thức, nội dung tuyên truyền, cổ động phải linh hoạt, sáng tạo, phù hợp phong tục tập quán, truyền thống của từng dân tộc, từng vùng, từng địa phương.

## **5- Phương châm công tác tuyên truyền, cổ động ở cơ sở (gồm 06 phương châm)**

*5.1- Bám sát nhiệm vụ chính trị của cấp ủy đảng cơ sở, của chi bộ, phát huy tinh thần yêu nước, quyền làm chủ của các tầng lớp nhân dân, tích cực tham gia các hoạt động ích nước, lợi nhà*

- Nội dung công tác tuyên truyền, cổ động trong từng thời điểm cụ thể phải dựa vào nhiệm vụ chính trị của đảng bộ cơ sở, bám sát sự chỉ đạo của các cấp ủy, cấp trên và phải gắn chặt nhiệm vụ chính trị do cấp ủy cơ sở đề ra.

- Tuyên truyền, cổ động phải nhằm củng cố, giữ vững lòng tin của quần chúng đối với Đảng, với chế độ xã hội chủ nghĩa, tin tưởng và kiên định con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội mà Đảng ta, Bác Hồ, nhân dân ta đã lựa chọn; đẩy lùi được tâm trạng hoài nghi, hoang mang, dao động.

*5.2- Công tác tuyên truyền, cổ động phải kịp thời, nhạy bén, nội dung chính xác, có tính chiến đấu cao*

- Phổ biến kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các vấn đề thời sự quốc tế, trong nước, địa phương cho các tầng lớp nhân dân biết để nâng cao nhận thức, có hành động đúng.

- Nội dung tuyên truyền, cổ động phải đúng sự thực, không tô hồng, bôi đen, nhưng cũng không rơi vào chủ nghĩa tự nhiên, thiếu định hướng. Phải tỏ rõ chính kiến trước những sự kiện, hiện tượng tiêu cực của xã hội cũng như phê phán những luận điệu của các thế lực thù địch, ảnh hưởng tới quốc gia, dân tộc.

*5.3- Kết hợp tuyên truyền, cổ động nâng cao nhận thức tư tưởng với hướng dẫn hành động và cổ vũ phong trào*

Mục tiêu của tuyên truyền, cổ động không chỉ dừng lại ở việc nâng cao nhận thức của các tầng lớp nhân dân. Trái lại, từ nhận thức phải hướng quần chúng tới hành động cách mạng và

phải tiếp tục cổ vũ cho phong trào cách mạng để thúc đẩy phong trào cách mạng phát triển, mở rộng, lôi cuốn ngày càng đông đảo mọi tầng lớp nhân dân tham gia.

#### *5.4- Kết hợp giữa biểu dương và phê phán*

Biểu dương và phê phán là hai mặt không thể thiếu được trong tuyên truyền, cổ động. Hai mặt này phải gắn bó mật thiết với nhau, hỗ trợ, tạo điều kiện cho nhau.

Khắc phục khuynh hướng chỉ nhấn mạnh một mặt, xem nhẹ mặt kia vì cả hai khuynh hướng này đều hạn chế hiệu quả tuyên truyền, thậm chí có thể gây ra phản tác dụng tuyên truyền.

#### *5.5- Tuyên truyền, cổ động, phải thiết thực cụ thể, sinh động*

- Cụ thể thiết thực, trước hết cần nắm vững tâm tư, nguyện vọng của quần chúng nhân dân để tuyên truyền đúng đối tượng.

- Trong tuyên truyền phải sử dụng cách nói dễ hiểu, đơn giản, bằng ngôn ngữ của quần chúng để nói với quần chúng, tránh những từ hoa mỹ, trống rỗng. Sử dụng hình thức phù hợp với đối tượng ở cơ sở.

- Những nhiệm vụ đặt ra phải cụ thể, thiết thực, quần chúng có thể làm được.

#### *5.6- Phối hợp tốt các mặt hoạt động của công tác tuyên truyền, cổ động*

Kết hợp các lực lượng và hình thức tuyên truyền, cổ động. Kết hợp tuyên truyền, cổ động thường xuyên với tuyên truyền, cổ động theo chủ đề, từng thời gian. Kết hợp tuyên truyền với cổ động.

#### *6- Đối tượng tuyên truyền, cổ động*

Hiện nay, cùng với sự phát triển đa dạng của các thành phần và nhu cầu, lợi ích kinh tế, việc làm, đời sống,... có lợi ích khác nhau, nên nhu cầu của những con người trong cộng đồng cũng khác nhau. Sự phân hóa giàu nghèo, đời sống của nhân dân ở các



vùng dân cư đô thị, nông thôn ngày càng doãng ra. Từ đó, môi trường và đối tượng của công tác tuyên truyền, cổ động ngày càng rộng và phức tạp. Đối tượng tuyên truyền, cổ động là toàn thể các tổ chức, cơ quan, đơn vị và toàn thể cán bộ, đảng viên, quần chúng nhân dân lao động trên địa bàn xã, phường, thị trấn; đồng thời không loại trừ các phần tử cơ hội, chống đối, những đối tượng tiêu cực trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội cần phải cảm hoá. Ngoài ra còn tuyên truyền, cổ động đối với tất cả các tổ chức và cá nhân không cư trú ở địa bàn cơ sở nhằm quảng bá hình ảnh, tiềm năng, đất và con người của địa phương mình ra bên ngoài.

### ***7- Nhiệm vụ công tác tuyên truyền, cổ động ở cơ sở***

Công tác tuyên truyền cổ động ở cơ sở có ba nhiệm vụ cơ bản sau:

- Nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về lý luận chính trị, đó là chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, những kiến thức khoa học..., tạo sự thống nhất cao trong Đảng và đồng thuận trong nhân dân.

- Cổ vũ, động viên các tầng lớp nhân dân tham gia các phong trào và hành động cách mạng, thực hiện thắng lợi nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và góp phần xây dựng con người mới, nền văn hóa mới, xây dựng quê hương giàu đẹp, văn minh.

- Đấu tranh chống mọi thủ đoạn tuyên truyền của các lực lượng thù địch, chống những quan điểm sai trái, cơ hội, lệch lạc, phản động, bài trừ các hủ tục lạc hậu, các biểu hiện phi văn hóa trong nhân dân.

Từ ba nhiệm vụ cơ bản đã nêu trên, tùy theo nhiệm vụ chính trị trong từng thời gian và tình hình, đặc điểm của địa phương, đơn vị để xác định nhiệm vụ cụ thể của công tác tuyên truyền, cổ động ở cơ sở.

## **8- Nội dung của công tác tuyên truyền, cổ động ở cơ sở**

Nội dung tuyên truyền, cổ động ở cơ sở rất phong phú, tập trung vào những nội dung cơ bản sau:

- Tuyên truyền, cổ động về đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quán triệt quan điểm, đường lối đổi mới, hội nhập quốc tế của Đảng, nhất là các nghị quyết Đại hội đảng các cấp; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh và các văn kiện, Nghị quyết Đại hội của Đảng. Trong đó chú trọng Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “*Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay*”, tuyên truyền học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh và nhiệm vụ chính trị của địa phương. Đây là nội dung chủ yếu, thường xuyên của công tác tuyên truyền, cổ động, nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, nhân dân, biến những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước thành những kết quả trong thực tế.

- Thông tin có định hướng trước các vấn đề thời sự trong tỉnh, trong nước và quốc tế; định hướng tư tưởng trước các sự kiện chính trị-xã hội tác động đến tư tưởng, tình cảm, tâm trạng của quần chúng ở cơ sở. Trước mắt tập trung tuyên truyền Hiến pháp năm 1992 sửa đổi, bổ sung năm 2013; thông tin về biển, đảo; công tác phân giới cắm mốc; âm mưu thủ đoạn “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch...

- Tiến hành các hoạt động tuyên truyền, giáo dục nhân dân các ngày kỷ niệm và các đợt vận động chính trị lớn của đất nước và của địa phương nhằm giáo dục truyền thống cách mạng của Đảng, của dân tộc, của địa phương.

- Phổ biến kiến thức khoa học, kỹ thuật, công nghệ áp dụng vào sản xuất, đời sống và bảo vệ môi trường ở cơ sở. Tuyên truyền thực hiện các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa,

xã hội, quốc phòng - an ninh, xây dựng củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở hàng tháng, hàng quý, hàng năm và cả nhiệm kỳ.

- Tuyên truyền, cổ động về những thành tựu chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội,... của đất nước và của địa phương, những thuận lợi và khó khăn, những kinh nghiệm trong việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của địa phương.

Chú trọng tuyên truyền bảo đảm an toàn giao thông, bảo vệ môi trường, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội, nhất là tội phạm ma túy, tội phạm nguy hiểm...

- Tuyên truyền, nêu gương người tốt việc tốt và các điển hình tiên tiến, thúc đẩy các phong trào thi đua ở cơ sở. Nhất là điển hình học tập và làm theo gương Bác trên mọi mặt của đời sống xã hội.

- Tuyên truyền, cổ động xây dựng và phát huy nhân tố con người, xây dựng đời sống văn hóa, đấu tranh xóa bỏ các hủ tục lạc hậu, tích cực giữ gìn phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Thực hiện tốt chiến lược dân số, xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc.

- Tuyên truyền vạch trần bản chất, âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, nhất là âm mưu kích động của bọn phản động FULRO lưu vong; về nhiệm vụ đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, tệ nạn xã hội, phê phán những thói hư tật xấu...

- Tuyên truyền công tác thông tin đối ngoại, tuyên truyền biển, đảo và tuyên truyền phân giới cắm mốc Việt Nam - Campuchia trên địa bàn tỉnh Gia Lai nói riêng và toàn tuyến nói chung.

Từ những nội dung trên, căn cứ tình hình thực tiễn và sự chỉ đạo của cấp ủy để xây dựng kế hoạch tuyên truyền nội dung nào, với hình thức nào cho từng thời gian, thời điểm cụ thể.

## **9- Những hình thức chủ yếu của tuyên truyền, cổ động ở cơ sở**

Hình thức tuyên truyền, cổ động rất đa dạng, nhưng tập trung vào các loại hình sau:

### **9.1- Tuyên truyền**

- Tuyên truyền miệng: Đây là hình thức tuyên truyền đặc biệt quan trọng, nhất là ở cơ sở, được thực hiện chủ yếu ở đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên, thông qua các hình thức tuyên truyền trực tiếp, như nói chuyện thời sự, tọa đàm, hội thảo, đối thoại, kể chuyện gương người tốt, việc tốt...

Để công tác tuyên truyền miệng có hiệu quả cần quan tâm thực hiện tốt Thông tri số 13- TT/TU, ngày 03/03/2008 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XIII) về “Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền miệng trong tình hình mới”. Thực hiện tốt phương châm và biện pháp: Toàn Đảng phải làm công tác tuyên truyền miệng. Công tác tuyên truyền miệng phải chủ động phục vụ nhiệm vụ chính trị; phải nhạy bén, kịp thời, cụ thể và thiết thực, thường xuyên và liên tục; phải kết hợp xây và chống, biểu dương kịp thời người tốt, việc tốt, phê phán cái sai, cái lệch lạc, tiêu cực. Cần phối hợp nhiều hình thức, nhiều biện pháp và lực lượng để tiến hành công tác tuyên truyền miệng. Cần quan tâm tập huấn nghiệp vụ tuyên truyền miệng cho báo cáo viên, tuyên truyền viên ở cơ sở, cung cấp kịp thời thông tin, tài liệu phục vụ cho công tác tuyên truyền miệng. Quan tâm tổ chức các hội nghị sơ kết, tổng kết công tác báo cáo viên, tuyên truyền viên, chú trọng tổ chức các hội thi báo cáo viên, tuyên truyền viên giỏi.

- Tuyên truyền thông qua giới thiệu gương người tốt, việc tốt trên các phương tiện thông tin đại chúng, thông qua gặp mặt biểu dương ở cơ sở.

- Tuyên truyền qua bản tin, áp phích, tờ gấp, băng rol, khẩu hiệu,...

- Tuyên truyền qua nghe, nhìn như truyền thanh, truyền hình, phim ảnh, triển lãm, tham quan...

- Tuyên truyền bằng các hoạt động văn hóa, nghệ thuật:

Văn hóa-văn nghệ giữ vị trí hàng đầu trong công tác tuyên truyền. Bởi lẽ văn hóa hiểu theo nghĩa rộng “là một bộ phận không thể tách rời của cuộc sống và nhận thức một cách hữu thức cũng như vô thức của các cá nhân và các cộng đồng”. Văn hóa là thiên nhiên thứ hai được tạo nên nhờ lao động và kiến thức. Văn hóa là vốn xã hội phát triển con người.

Trong công tác tuyên truyền văn hóa-văn nghệ có lợi thế thông tin nhanh chóng kịp thời đến quần chúng nhân dân như các phương tiện thông tin đại chúng, tạo sự hấp dẫn, tác động đến tâm tư, tình cảm của con người như các loại hình nghệ thuật ca múa nhạc, kịch nói, nhiếp ảnh, mỹ thuật, điện ảnh... Nhờ đó nó có tác động mạnh mẽ vào đời sống xã hội.

Để có cơ sở sử dụng các loại hình văn hóa-nghệ thuật để làm công tác tuyên truyền, có thể chia văn hóa-nghệ thuật thành các nhóm loại hình như:

+ Loại hình văn chương: gồm văn xuôi (tiểu thuyết, truyện dài, truyện ngắn, ký, truyện dân gian...); thơ ca (sử thi, trường ca, truyện thơ, thơ, ca,...).

+ Loại hình thông tin - báo chí - xuất bản (thông tin: triển lãm, quảng cáo, thông tin cổ động, thông tin lưu động; Báo chí: báo in, báo nói, báo hình, báo điện tử...; Xuất bản: sách viết, sách điện tử, băng, đĩa, tranh ảnh, in, phát hành...).

+ Loại hình văn hóa (nghĩa hẹp): bảo tồn bảo tàng, thư viện, nhà truyền thống, nhà văn hóa, nếp sống văn hóa, đạo đức, tín ngưỡng, tập tục, ẩm thực, lối sống...

+ Loại hình nghệ thuật: nghệ thuật biểu diễn (kịch nói, ca múa nhạc, tuồng, chèo, cải lương, thơ ca, hò vè, gieo vần, văn

nghệ quần chúng, điện ảnh, lễ hội, thời trang mỹ thuật, nhiếp ảnh, hội họa, điêu khắc...).

+ Loại hình thể dục, thể thao, trò chơi...

Từ các loại hình trên, cần triệt để khai thác lợi thế của từng loại hình văn hóa-nghệ thuật để làm công tác tuyên truyền thu hút mọi người tham gia, khai thác, khơi dậy tiềm năng hoạt động văn hóa trong mỗi con người để cùng giao lưu, học hỏi, hưởng thụ văn hóa, hướng tới xây dựng một xã hội tốt đẹp, tiếp thu chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại trong công tác tuyên truyền, thiết thực xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Trong đó đặc biệt quan tâm tới các hình thức văn hóa-văn nghệ quần chúng, đây là những hoạt động văn hóa-văn nghệ có sự tham gia của đông đảo các tầng lớp xã hội trong sáng tạo, hưởng thụ và phổ biến các giá trị văn hóa. Có rất nhiều hình thức văn hóa-văn nghệ quần chúng như:

+ Văn nghệ quần chúng: gồm liên hoan, hội diễn văn nghệ; các buổi dạ hội, đốt lửa trại... theo định kỳ thời gian nhất định. Cần chú trọng hình thức thơ, gieo vần trong công tác tuyên truyền để dễ thuộc, dễ nhớ, dễ hiểu.

+ Câu lạc bộ văn học, nghệ thuật, thể dục thể thao... là tổ chức quần chúng thu hút những người có cùng sở thích tự nguyện tham gia.

+ Các cuộc thi văn hóa-văn nghệ: thi giọng hát hay, thi kể chuyện, thi người đẹp, thi bí thư chi bộ giỏi, thi tìm hiểu, thi sáng tác văn học, nghệ thuật...

+ Các lễ hội văn hóa-văn nghệ quần chúng như: lễ hội truyền thống ở các làng, xã; lễ hội văn hóa kỷ niệm các ngày truyền thống của dân tộc, của địa phương; các hội nghị biểu dương người tốt, việc tốt; lễ đón nhận danh hiệu làng văn hóa, công nhận di tích lịch sử...

Văn hóa-văn nghệ là kết tinh tư tưởng của thời đại, là công cụ sắc bén trên mặt trận tư tưởng, do vậy, khi sử dụng văn hóa - văn nghệ trong công tác tuyên truyền cần nắm rõ đặc điểm của từng đối tượng để lựa chọn hình thức phù hợp, tránh khiên cưỡng, áp đặt.

- *Tuyên truyền tổng hợp*, kết hợp cổ động, tuyên truyền miệng, phim ảnh, thơ ca, hò, vè... (tuyên truyền lồng ghép).

## 9.2- Cổ động

Cổ động trực quan, là loại hình tuyên truyền thông qua việc dùng hình ảnh, pa nô, áp phích, băng rol, khẩu hiệu, biểu ngữ, tờ rơi, trình diễn kỹ thuật, tham quan, triển lãm, phim ảnh... để cổ động, tác động vào thị giác của con người, giúp con người nhận thức được các thông điệp tuyên truyền mà chủ thể tuyên truyền muốn gửi tới đối tượng.

Cổ động là hình thức tuyên truyền phù hợp với cả người biết chữ và người không biết chữ, nó rất phù hợp với vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Cổ động có nhiều hình thức (cổ động miệng qua hệ thống loa truyền thanh; cổ động bằng pano, áp phích, băng rol khẩu hiệu; cổ động bằng xe loa; diễu hành, mittinh...), việc chọn lựa hình thức nào phải xuất phát từ nội dung, tính chất và yêu cầu cụ thể của từng vấn đề, từng đợt tuyên truyền, đối tượng tuyên truyền và khả năng điều kiện cụ thể của từng địa phương, đơn vị, cơ sở.

## II- Tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả công tác tuyên truyền

**1- Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta đánh giá hiệu quả công tác tuyên truyền trên những căn cứ sau**

- Hành động cách mạng của quần chúng là một căn cứ đánh giá hiệu quả công tác tuyên truyền của Đảng.

- Quan hệ xã hội của các cá nhân khi thực hiện hành động của họ là một căn cứ đánh giá hiệu quả của công tác tuyên truyền tác động về mặt tư tưởng, tình cảm.

- Sự tiếp nhận đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước của quần chúng là một căn cứ để đánh giá hiệu quả công tác tuyên truyền.

- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của từng “binh chủng” làm công tác tuyên truyền, hoạt động phục vụ cho nhiệm vụ chính trị trong từng thời gian nhất định, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng bộ phận, của từng “binh chủng” để đánh giá hiệu quả công tác tuyên truyền.

## ***2- Từ những căn cứ trên, tiêu chuẩn để đánh giá hiệu quả công tác tuyên truyền là***

### ***2.1- Tiêu chuẩn chung để đánh giá hiệu quả công tác tuyên truyền***

- Công tác tuyên truyền góp phần hình thành đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước.

- Công tác tuyên truyền phải phục vụ đường lối, chính sách, nhiệm vụ chính trị như: Quán triệt đường lối, chính sách, truyền bá những kiến thức, phổ biến những kinh nghiệm, đấu tranh chống những tư tưởng sai lầm, biểu dương những điển hình tiên tiến...

- Mức độ nhận thức của quần chúng nhân dân về chủ nghĩa Mác -Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, về đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị; không khí tâm lý, tinh thần lành mạnh trong toàn xã hội và tính tích cực tham gia thực hiện nhiệm vụ chính trị của quần chúng là một trong những tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả công tác tuyên truyền. Như vậy, phải xem xét nhiệm vụ chính trị trước mắt gắn với việc hình thành những quan niệm mới về mọi mặt của đời sống xã hội để từ đó hình thành các tiêu chuẩn chi phối đời sống tinh thần của xã hội, hình thành hệ tư tưởng thống soái trong lực lượng quần chúng.



- Mục tiêu xây dựng con người mới để khẳng định hiệu quả tuyên truyền.

## 2.2- Tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả công tác tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị cụ thể

- Làm cho mọi người hiểu rõ, nhận thức sâu sắc quan điểm của Đảng thể hiện trong các nhiệm vụ đó.

- Hiểu rõ biện pháp để đạt được mục tiêu đề ra và trách nhiệm, nghĩa vụ cũng như lợi ích của mỗi ngành, mỗi địa phương, mỗi cá nhân trong việc thực hiện nhiệm vụ đó.

- Phát hiện được những khuynh hướng sai lệch để uốn nắn.

- Phát hiện được những mô hình, điển hình tiên tiến để phổ biến nhân rộng.

- Phản ánh được nguyện vọng, ý kiến của quần chúng đối với chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước để kịp thời bổ sung, hoàn chỉnh chính sách, phát triển đường lối.

- Bằng các phương tiện đại chúng, truyền bá được kiến thức, tri thức cần thiết phục vụ cho việc thực hiện các nhiệm vụ đó.

- Góp phần tổng kết chung khi hoàn thành nhiệm vụ, tổng kết công tác tuyên truyền, rút ra những bài học kinh nghiệm trong công tác tuyên truyền giáo dục.

Những công việc trên đạt được kết quả đến đâu dựa vào các tiêu chuẩn sau:

+ Nhận thức chính trị của cán bộ, đảng viên và nhân dân có sâu sắc hay không? thể hiện ở chỗ: mỗi người có coi nhiệm vụ của Đảng đề ra là nhiệm vụ thiết thân của mình hay chưa?

+ Nhiệt tình cách mạng, ý thức trách nhiệm với công việc được giao có được nâng cao hơn trước hay không?

+ Những tri thức chuyên môn, nghiệp vụ có liên quan đến công việc và kinh nghiệm công tác được bồi dưỡng đến mức độ nào?

+ Mức độ, chất lượng hoàn thành nhiệm vụ.

+ Tư tưởng, tâm trạng của cán bộ, đảng viên và quần chúng có tin tưởng, vui vẻ, phấn khởi, đoàn kết nhất trí hay không?

Tất nhiên, hoàn thành thắng lợi một nhiệm vụ chính trị nào đó là kết quả tổng thể của các biện pháp: tư tưởng, tổ chức, kinh tế chứ không chỉ do công tác tư tưởng, mà trong đó công tác tuyên truyền giữ vị trí đặc biệt quan trọng.

### *2.3- Tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả tuyên truyền trong toàn xã hội*

- Hiệu quả công tác tuyên truyền phải gắn với các sự kiện xã hội, đó là những phong trào hành động cách mạng rộng lớn của quần chúng thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng.

- Phải căn cứ vào sự nhất trí của quần chúng được biểu hiện ở số lượng quần chúng, cường độ tán thành ủng hộ đường lối của Đảng; ở tinh thần tích cực, tự giác trong lao động sản xuất, thực hiện nhiệm vụ chính trị.

- Phải căn cứ vào đời sống văn hóa tinh thần được chi phối bởi thế giới quan nào, nhân sinh quan nào? bởi tiêu chuẩn đạo đức và lối sống nào? ở mức độ phong phú và tính đúng đắn của nhu cầu cuộc sống vật chất và tinh thần của quần chúng.

Ví dụ: Lao động - tình thương - lễ phải là đặc trưng cơ bản của con người mới Việt Nam, là một trong những tiêu chuẩn để đánh giá hiệu quả công tác tuyên truyền.

*2.4- Hiệu quả của công tác tuyên truyền là hiệu quả tổng hợp của các lực lượng làm công tác tuyên truyền theo chức năng và phương tiện của mình.* Vì thế, mỗi lực lượng lại có những tiêu chuẩn riêng để đánh giá hiệu quả. Ví dụ: Hiệu quả tuyên truyền của các đoàn thể; hiệu quả tuyên truyền của báo in, báo điện tử, trang tin điện tử, hiệu quả tuyên truyền của Đài PT-TH...

**Tóm lại:** Hiệu quả công tác tuyên truyền là một thể thống

nhất của hiệu quả tinh thần, nhận thức và hiệu quả hành động thực tiễn, được thể hiện ở sự say mê, hứng thú đối với những nội dung được tuyên truyền, nhận thức đúng đắn về nội dung đó và hình thành niềm tin vào Đảng, vào chủ nghĩa xã hội và tích cực tham gia hành động thực tiễn. Tính tích cực tham gia hành động thực tiễn là tiêu chí cao nhất của hiệu quả công tác tuyên truyền. Ở mức độ này công tác tuyên truyền là một yếu tố của sự phát triển kinh tế, chính trị, xã hội. Song không nên hiểu công tác tuyên truyền chỉ là phương tiện tích cực hoá nhân tố con người. Bằng hành động tích cực, thông qua hành động thực tiễn cải tạo xã hội, con người cải tạo chính mình, trở thành con người phát triển toàn diện.

Tác động của công tác tuyên truyền đến ý thức và hành vi con người không kết thúc ở một hành động thực tiễn cụ thể. Trong quá trình hành động thực tiễn cải tạo xã hội, cải tạo bản thân, ở mỗi con người lại xuất hiện nhu cầu nắm vững tri thức mới cần thiết cho hoạt động thực tiễn của mình. Cứ như vậy, một hoạt động tuyên truyền cụ thể hoàn thành và chuyển sang một quá trình tuyên truyền khác ở mức độ cao hơn.

### **III- Một số vấn đề tác nghiệp của công tác tuyên truyền, cổ động ở cơ sở**

#### ***1- Xây dựng kế hoạch và hướng dẫn tuyên truyền, cổ động***

- *Kế hoạch tuyên truyền, cổ động* là văn bản xác định mục đích, yêu cầu, nội dung, nhiệm vụ, thời gian và trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền về một hay nhiều chủ đề trong một khoảng thời gian xác định. Kế hoạch tuyên truyền do cấp ủy ban hành.

- *Hướng dẫn tuyên truyền, cổ động* là một loại văn bản có tính chỉ đạo, giải thích, hướng dẫn cụ thể cách tổ chức thực hiện kế hoạch tuyên truyền, cổ động đã được cấp ủy hoặc của cơ quan

Đảng cấp trên ban hành. Theo phân công, hướng dẫn tuyên truyền do ban tuyên giáo ban hành.

## ***2- Xây dựng đề cương tuyên truyền***

- Đề cương tuyên truyền là một loại văn bản cung cấp thông tin tư liệu, sự phân tích, giải thích về một hay nhiều chủ đề tuyên truyền, giúp cho người tuyên truyền và đối tượng được tuyên truyền có cơ sở nhận thức chung thống nhất về vấn đề đó. Có hai dạng đề cương tuyên truyền chủ yếu: bài luận văn giải thích một hay một số vấn đề và dạng hỏi - đáp.

- Hình thức phổ biến của một đề cương tuyên truyền gồm: mục đích, yêu cầu, nội dung thông tin, tư liệu, số liệu chủ yếu cần thiết, ý nghĩa lý luận và thực tiễn của sự kiện, vấn đề...

- Yêu cầu chung của đề cương tuyên truyền cần có kết cấu ngắn gọn, hợp lý, có trọng tâm, trọng điểm, đủ tư liệu cần thiết, nhiều thông tin mới, lý giải rõ ràng, lập luận sắc bén, ngôn ngữ trong sáng, dễ hiểu, hợp đối tượng.

## ***3- Tổ chức, lãnh đạo và việc thực hiện kế hoạch***

Để biến kế hoạch tuyên truyền thành hiện thực phải làm tốt khâu tổ chức, chỉ đạo thực hiện và kiểm tra, sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm thường xuyên.

Tổ chức cuộc đấu tranh tư tưởng, chống âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, chống tệ nạn xã hội, chống các hiện tượng tiêu cực trên địa bàn.

## ***4- Chỉ đạo công tác tuyên truyền miệng trên địa bàn***

Tuyên truyền miệng là một trong những công cụ chủ yếu của công tác tuyên truyền ở địa phương và cơ sở. Để chỉ đạo tốt công tác tuyên truyền miệng trên địa bàn cần phải làm tốt các công việc sau đây:

- Xây dựng đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên có trình

độ, năng lực và nhiệt tình trong công tác theo Chỉ thị 17-CT/TW ngày 15-10-2007 của Ban Bí thư (khóa X) và Thông tri số 13 - TT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XIII) về “*tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác tuyên truyền miệng trong tình hình mới*”.

- Cung cấp thông tin phục vụ cho các nội dung tuyên truyền thường xuyên và định kỳ. Định kỳ hàng tháng, hàng quý tổ chức hội nghị báo cáo viên để cung cấp và định hướng thông tin. Đồng thời, cần tổ chức biên soạn tài liệu tuyên truyền dưới các hình thức phù hợp gửi cho báo cáo viên, tuyên truyền viên.

- Tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho báo cáo viên, tuyên truyền viên cấp huyện và cơ sở; tổ chức các hội nghị báo cáo viên toàn huyện để cung cấp thông tin; tăng cường các thiết bị cần thiết để thu thập và xử lý thông tin cho báo cáo viên trong điều kiện cho phép.

- Thực hiện sơ kết, tổng kết công tác báo cáo viên, tuyên truyền viên, xác định phương hướng, nhiệm vụ công tác cho từng thời gian; khen thưởng, động viên những báo cáo viên, tuyên truyền viên hoàn thành tốt nhiệm vụ...

- Phối hợp tốt với các ban, ngành, Mặt trận, các đoàn thể để làm tốt công tác tuyên truyền. Tổ chức giao ban công tác tuyên truyền hàng tháng do ban tuyên giáo chủ trì có sự tham gia của các ban, ngành, Mặt trận và các đoàn thể. Tổ chức sơ kết các chương trình phối hợp tuyên truyền.

- Kiểm tra công tác tuyên truyền ở cơ sở, nhất là địa bàn thôn, làng, tổ dân phố, trường học.

### ***5- Phát hiện, bồi dưỡng, nhân rộng điển hình tiên tiến và nhân tố mới***

Bản chất của tuyên truyền yêu cầu phải phát hiện, bồi dưỡng

và thông qua các điển hình tiên tiến để làm công tác tuyên truyền. Điển hình tiên tiến và nhân tố mới là hình mẫu cụ thể có tác động rất lớn đến đối tượng tuyên truyền.

### ***6- Giải quyết, xử lý những vấn đề bức xúc***

Bức xúc của nhân dân là hiện tượng xã hội xuất hiện khi có dự án, đề án, sự việc hoặc vấn đề nào đó mà nhân dân không hiểu, không đồng tình, gây băn khoăn, thắc mắc, bất bình, đòi hỏi các cơ quan chức năng giải thích, làm rõ. Nếu không giải quyết kịp thời, có thể dẫn tới hành vi vi phạm pháp luật, làm ảnh hưởng tới trật tự an toàn xã hội.

- Bức xúc của nhân dân thường xuất hiện trong các quá trình:

+ Triển khai các dự án, đề án về phát triển kinh tế, xã hội.

+ Phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí.

+ Khởi tố, xét xử những vụ án nhạy cảm.

+ Biểu tình, khiếu kiện đông người.

+ Tuyển dụng, bổ nhiệm, đề bạt, cách chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật cán bộ, viên chức không đúng quy định.

+ Thực hiện sai chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước.

+ Phòng chống thiên tai, dịch bệnh, tai nạn, tệ nạn xã hội.

+ Bảo vệ biên giới, biển đảo, độc lập, chủ quyền, an ninh quốc gia...

- Những vụ việc bức xúc diễn ra thuộc chức năng, quyền hạn của cấp nào, ngành nào thì cấp đó, ngành đó chủ động phối hợp với ban tuyên giáo cùng cấp giải quyết. Những bức xúc diễn ra ở diện rộng, liên quan đến nhiều địa phương thì ban tuyên giáo cấp huyện, cấp tỉnh phối hợp với ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn chung.

## **7- Cách viết một bản tin phục vụ đài truyền thanh cơ sở**

### **7.1- Tổ chức hoạt động truyền thanh ở xã, phường, thị trấn**

Hoạt động truyền thanh ở xã, phường, thị trấn có vai trò, vị trí quan trọng trong việc tuyên truyền đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, các chủ trương, nghị quyết của cấp ủy, chính quyền địa phương về các lĩnh vực của đời sống ở cơ sở.

Truyền thanh ở xã, phường, thị trấn có chức năng như một tờ báo (báo nói), là cơ quan ngôn luận của cấp ủy, chính quyền xã, phường, thị trấn, là tiếng nói của nhân dân ở cơ sở, hoạt động dưới sự chỉ đạo của đảng ủy, ủy ban nhân dân. Ban tuyên giáo cơ sở tham mưu và trực tiếp giúp cấp ủy chỉ đạo về nội dung tư tưởng chính trị của các hoạt động truyền thanh.

Hoạt động truyền thanh xã, phường, thị trấn cần phải có chương trình phong phú, đa dạng, hấp dẫn, đáp ứng yêu cầu của nhân dân và nhiệm vụ tuyên truyền trong những thời điểm khác nhau. Nội dung chương trình cần tập trung vào các vấn đề:

- Tóm tắt những chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước mới ban hành, nhất là những chủ trương, chính sách, pháp luật có liên quan trực tiếp đến địa phương và đến người dân.

- Truyền đạt các chủ trương, nghị quyết, quyết định mới của đảng ủy và chính quyền địa phương. Thông báo nội dung sinh hoạt của các tổ chức đảng, đoàn thể ở địa phương và tình hình những sự kiện, vấn đề thời sự đang diễn ra tại địa phương, đơn vị.

- Kịp thời biểu dương những gương người tốt, việc tốt, phê bình nhắc nhở những hiện tượng tiêu cực mới nảy sinh trên địa bàn; cổ động các phong trào thi đua, các cuộc vận động đang diễn ra tại địa phương, đơn vị.

- Phổ biến khoa học, kỹ thuật, những kiến thức cần thiết đối

với các hoạt động kinh tế- xã hội đang diễn ra, những tri thức và kinh nghiệm bổ ích đối với đời sống nhân dân địa phương, đơn vị.

- Các tiết mục văn nghệ do người địa phương thực hiện.

Liều lượng các nội dung nói trên đều được điều chỉnh linh hoạt, phù hợp với tình hình của địa phương trong từng thời gian.

Các tin, bài của buổi phát thanh cần ngắn gọn, dễ hiểu, thiết thực, sát với thực tế địa phương và phải được duyệt trước khi phát. Cán bộ đài truyền thanh phải được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết, có trình độ lý luận chính trị nhất định, có thể thay nhau đảm nhiệm việc duyệt tin, bài khi có người đi vắng.

Chỉ đạo truyền thanh xã, phường, thị trấn cần khắc phục khuynh hướng buông lỏng, khoán trắng cho cán bộ thông tin, văn hóa, làm cho hiệu quả tuyên truyền của đài truyền thanh không cao. Cần cảnh giác các lực lượng xấu lợi dụng đài truyền thanh để tuyên truyền, kích động quần chúng dưới chiêu bài chống quan liêu, tham nhũng, lợi dụng dân chủ, nhân quyền...

### *7.2- Cách viết một bản tin*

- Bản tin được hiểu là tin vào sự kiện quan trọng có tính thời sự và có ảnh hưởng đến mọi người. Đó là sự kiện vừa xảy ra, có thực trong cuộc sống. Nó đáp ứng yêu cầu thông tin và tạo nên sự hứng thú cho người đọc, người nghe, bởi tính chân thực, nhiều hình, nhiều vẻ, có tính thời sự và góp phần nâng cao nhận thức, hình thành tình cảm, thái độ cho người nghe.

- Khi viết bài cho đài truyền thanh, phát thanh ở cơ sở phải tuân theo một số nguyên tắc sau:

+ Câu đầu tiên của tin không quá dài, trả lời được các câu hỏi sau: cái gì? ở đâu? thời gian nào? tại sao? như thế nào?



+ Bắt đầu vào bản tin phải nêu được sự việc đáng chú ý nhất, có thể là chi tiết quan trọng nhất của sự kiện chứa đựng chủ đề tư tưởng; cũng có thể vào đầu giản dị, cụ thể, làm nổi bật sự kiện.

+ Tin cần được viết theo thứ tự: chủ yếu, quan trọng (nghĩa là cái nền, cái cốt lõi) lên đầu. Dựa trên những nguyên tắc cơ bản này, người viết luôn luôn phải khách quan, không suy diễn sự kiện, không liên tưởng theo ý chủ quan của riêng mình. Người viết tin phải đưa ra nguồn tư liệu với độ chính xác cao, không bịa đặt. Mô thức kết cấu của tin có thể là: mô thức hình xoáy ốc, mô thức kết cấu nhân - quả.

- Viết tin cần phải đảm bảo những yêu cầu sau:

+ Đầu đề tin thường biểu đạt cô đọng nội dung, thể hiện bản chất chính trị và tạo ra sự chú ý, quan tâm của công chúng đối với tin. Tùy theo từng loại tin mà trình bày đầu đề cho phù hợp. Có một số dạng đầu đề: Đầu đề là nội dung của sự kiện hoặc là phán đoán về nội dung quan trọng về sự kiện. Đầu đề thể hiện tính đặc trưng của sự kiện, tạo ấn tượng mạnh trong tâm lý người đọc. Đầu đề trích dẫn: đưa nguyên văn một câu nói hoặc một ý kiến quan trọng có trách nhiệm về sự kiện đó. Đầu đề số liệu: đưa những con số với tư cách là chi tiết thông tin quan trọng nhất, đáng chú ý nhất về sự kiện.

+ Mở đầu của tin là phần đặc biệt quan trọng, giữ vai trò chủ đạo, dẫn dắt. Vì vậy, mở đầu phải sinh động, hấp dẫn, có nhiều cách để mở đầu:

- Mở đầu trực tiếp: là thông tin trực tiếp về sự kiện. Đây là kiểu mở đầu phổ biến nhất, nhanh, kịp thời.

- Mở đầu sự kiện: là kiểu đưa thông tin về các điều kiện trong đó xảy ra sự kiện.

- Mở đầu giai thoại: đưa những chi tiết thông tin có kịch tính, nhằm tác động mạnh vào tâm lý người đọc, tạo ra sự chú ý ngay từ đầu cho người nghe.

+ Phần thân tin:

Thân tin chứa đựng nội dung thông tin chủ yếu của tin, thỏa mãn các câu hỏi về quy mô, tính chất, diễn biến của sự kiện, các yếu tố tác động đến sự kiện và quan hệ của sự kiện đó đến với các vấn đề, sự kiện khác. Các chi tiết ở thân tin được liên kết với nhau trong một logic nhất định, tùy theo các mô thức kết cấu tin.

+ Phần kết luận của tin thường có xu hướng vận động, ý nghĩa xã hội của sự kiện.

Nói tóm lại, viết tin là một hoạt động sáng tạo, tùy theo sự gợi hứng của sự kiện và yêu cầu tuyên truyền, cổ động ở cơ sở mà người viết tin lựa chọn viết cho phù hợp.

+ Ngôn ngữ của tin:

Ngôn ngữ của tin là một trong những phương tiện cơ bản để ghi nhận, truyền đạt sự kiện mới xảy ra, đang xảy ra hoặc sắp xảy ra. Do qui định của những chức năng cơ bản của tin nên ngôn ngữ cũng mang tính đặc thù: ngôn ngữ sự kiện. Các từ và các đơn vị mệnh đề, câu, đều tập trung để phán đoán trực tiếp về sự kiện. Trong tin ít sử dụng các mỹ từ, tính từ, hoặc các kiểu câu phức hợp có kết cấu nhiều tầng.

Ngôn ngữ tin thường có đặc điểm là trực tiếp, cụ thể, xác thực, cô đúc ngắn gọn, xúc tích, rõ ràng, khúc triết, sinh động, thường dùng câu ngắn, luôn đổi mới, nhiều hình nhiều vẻ. Văn phong phải quảng đại quần chúng, sát hợp với trình độ nhận thức của công chúng. Tránh dùng từ mượn của nước ngoài khi ngôn ngữ quốc gia đã có.

### *Chuyên đề 3*

## **CÔNG TÁC VĂN HÓA VĂN NGHỆ Ở CƠ SỞ**

### **I- Nhận thức cơ bản về văn hóa và công tác văn hóa, văn nghệ**

#### *1- Khái niệm về văn hóa và công tác văn hóa, văn nghệ*

##### *1.1- Khái niệm về văn hóa*

Văn hóa là một lĩnh vực rất rộng lớn, phong phú và đa dạng. Nó có mặt và thấm sâu vào đời sống xã hội, con người, vì thế có nhiều cách định nghĩa, cách hiểu và khai thác khác nhau về văn hóa.

Tuyên bố Mêhicô năm 1982 cho rằng: “Theo nghĩa rộng, ngày nay văn hóa có thể được coi là toàn bộ các đặc tính đặc biệt về tâm hồn, vật chất, trí tuệ và tình cảm đặc trưng cho một xã hội hay một nhóm xã hội. Nó không chỉ bao gồm nghệ thuật và văn học mà còn là cả lối sống, các quyền cơ bản của nhân loại, cả hệ thống giá trị, truyền thống và tín ngưỡng”.

Bác Hồ của chúng ta cho rằng: “ Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hàng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa”.

## *1.2- Khái niệm về công tác văn hóa, văn nghệ*

Phạm vi văn hóa hết sức rộng lớn, có mặt trong toàn bộ hoạt động của đời sống xã hội và đời sống con người. Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) đã chỉ ra nội hàm của văn hóa trong các quan hệ với kinh tế, chính trị, xã hội và cùng với các lĩnh vực trên, tạo ra sự phát triển toàn diện của xã hội mà chúng ta đang xây dựng: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Như vậy, văn hóa bao hàm cả giáo dục, đào tạo, khoa học và công nghệ, văn học, nghệ thuật, tín ngưỡng... Công tác tư tưởng tuy có đặc điểm riêng nhưng cũng nằm trong phạm trù văn hóa, là một bộ phận quan trọng, đồng thời là hạt nhân của hoạt động văn hóa mang ý nghĩa xã hội và nhân văn.

Hiện nay, chúng ta thường nghe những khái niệm: văn hóa công sở, văn hóa ngoại giao, văn hóa doanh nhân, văn hóa quân sự, văn hóa Đảng, văn hóa ứng xử... điều đó minh chứng cho sự bao quát rộng lớn của văn hóa trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Để hiểu rõ khái niệm công tác văn hóa - văn nghệ, chúng ta hiểu theo nghĩa hẹp, được sử dụng thông thường và khá phổ biến khi tách giáo dục, khoa học ra thành các lĩnh vực, các ngành có chức năng riêng, thì văn hóa chủ yếu còn là các loại hình hoạt động cụ thể của ngành văn hóa như: Bảo tồn, bảo tàng, thư viện, xuất bản, báo chí, đời sống văn hóa cơ sở, lễ hội, phong tục tập quán, tín ngưỡng... và các loại hình sáng tạo văn học-nghệ thuật. Ý nghĩa thực tiễn của cách hiểu này là nhằm làm cơ sở xác định chức năng, nhiệm vụ cụ thể của ngành văn hóa ở nước ta hiện nay từ Trung ương tới cơ sở. Khi nói công tác văn hóa - văn nghệ thường được hiểu cụ thể theo các phạm vi, nội dung trên.

## **2- Vị trí, vai trò của văn hóa trong đời sống văn hóa xã hội**

*Một là, Văn hóa là nhu cầu thiết yếu trong đời sống của con người. Con người có 2 nhu cầu lớn nhất: nhu cầu vật chất và nhu cầu tinh thần. Song, đặc trưng riêng biệt nhất của con người chính là nhu cầu tinh thần, là khát vọng đạt tới sự phong phú, cao đẹp của thế giới tinh thần, tâm hồn, vượt lên theo lý tưởng chân, thiện, mỹ. Văn hóa chính là lĩnh vực sản xuất tinh thần và cùng với các lĩnh vực khác đáp ứng nhu cầu tinh thần của con người.*

*Hai là, Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực, sức mạnh nội sinh của sự phát triển (nghiên cứu Nghị quyết TW5 (khóa VIII); Kết luận Hội nghị Trung ương 10 (khóa IX) và Nghị quyết Đại hội X, XI của Đảng.*

*Ba là, Văn hóa giữ vai trò cực kỳ quan trọng và trực tiếp trong nhiệm vụ xây dựng con người.*

## **3- Chức năng tư tưởng của văn hóa-văn nghệ**

Khi chúng ta khẳng định văn hóa giữ vai trò cực kỳ quan trọng và trực tiếp trong nhiệm vụ xây dựng con người, chính là đã xác nhận vai trò to lớn và có vị trí đặc biệt của văn hóa - văn nghệ trong công tác và hoạt động tư tưởng. Bác Hồ đã nói: “Văn hóa, văn nghệ là một mặt trận, anh chị em văn nghệ sĩ là những chiến sĩ tiên phong trên mặt trận ấy”. Văn hóa - văn nghệ và công tác tư tưởng có mối quan hệ mật thiết, chặt chẽ vì đều là công việc trực tiếp với con người. Trong quan hệ đặc thù này, văn hóa - văn nghệ trở thành một sức mạnh, một phương thức độc đáo, có hiệu quả của công tác tư tưởng. Thực tiễn ở địa phương, cơ sở chúng ta có rất nhiều mô hình để phát huy vai trò của văn hóa - văn nghệ trong công tác tuyên truyền: xây dựng kịch bản tuyên truyền, đội tuyên truyền xung kích thanh niên, đội chiếu phim lưu động, đội tuyên truyền văn hóa cơ sở, các đội văn nghệ quần chúng, các hội thi, hội diễn văn nghệ...

Nghị quyết 23 - NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa X) về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học nghệ thuật trong thời kỳ mới đã tiếp tục khẳng định văn hóa, văn học, nghệ thuật là một trong những động lực to lớn trực tiếp xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội và sự phát triển toàn diện của con người Việt Nam.

## **II- Tham mưu của ban tuyên giáo cơ sở trong công tác văn hóa, văn nghệ**

1- Ban tuyên giáo cơ sở có chức năng tham mưu giúp cấp ủy cùng cấp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá các hoạt động thuộc lĩnh vực văn hóa, văn nghệ trên địa bàn xã, phường, thị trấn.

Đồng thời, được cấp ủy ủy quyền, ban tuyên giáo cơ sở có chức năng chủ trì hoặc phối hợp thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể thuộc lĩnh vực văn hóa, văn nghệ. Với chức năng cơ bản trên, ban tuyên giáo cơ sở có nhiệm vụ chính sau:

- Chủ trì, phối hợp giúp cấp ủy xây dựng các nghị quyết, quyết định, chương trình của đảng ủy xã, phường, thị trấn về lĩnh vực văn hóa, văn nghệ trên địa bàn.

- Cộng tác, phối hợp giúp đỡ đảng ủy xã, phường, thị trấn tổng kết thực tiễn hoạt động văn hóa, văn nghệ; nghiên cứu một số đề án phục vụ cho sự phát triển văn hóa, văn nghệ của địa phương và của huyện, của tỉnh.

- Chủ trì giúp lãnh đạo đảng ủy xã, phường, thị trấn hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan liên quan trong việc cụ thể hóa và thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quyết định của cấp ủy cấp trên thuộc lĩnh vực văn hóa, văn nghệ.

- Chủ trì, phối hợp giúp đảng ủy xã, phường, thị trấn theo dõi, nghiên cứu, tổng hợp, chỉ đạo, định hướng chính trị, tư tưởng, nội dung các hoạt động văn hóa, văn nghệ của các ban, ngành, đoàn thể thuộc xã, phường, thị trấn, của các thôn, làng, tổ dân phố.

Nâng cao chất lượng quản lý hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao trên địa bàn dân cư.

- Giúp đảng ủy xã, phường, thị trấn thẩm định các văn bản về văn hóa, văn nghệ của các các ban, ngành, đoàn thể ở cơ sở, của các thôn, làng, tổ dân phố. Nhất là các quy ước, hương ước của các thôn, làng, tổ dân phố.

- Phối hợp hướng dẫn thành lập các câu lạc bộ, tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao ở các thôn, làng, tổ dân phố, các câu lạc bộ thuộc xã, các câu lạc bộ và các loại hình hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao ở các thôn, làng, tổ dân phố..., theo dõi, định hướng hoạt động của đội ngũ công tác và sáng tác văn hóa, văn nghệ ở địa phương, nhất là lực lượng sáng tác không chuyên, các nghệ nhân trên mọi lĩnh vực...

Ngoài ra, ban tuyên giáo còn thực hiện một số nhiệm vụ khác do đảng ủy phân công khi cần thiết.

## ***2- Nhiệm vụ chủ yếu của công tác văn hóa - văn nghệ ở cơ sở***

### ***2.1- Vị trí, vai trò của công tác văn hóa - văn nghệ ở cơ sở***

Công tác văn hóa văn nghệ ở cơ sở là khâu chuyển tải trực tiếp chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước về văn hóa đến với cán bộ, đảng viên và nhân dân, là khâu quan trọng nhất trong việc động viên, giáo dục, tổ chức quần chúng tham gia phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và các phong trào xã hội khác; đấu tranh chống thói hư, tật xấu và các tệ nạn xã hội... từ đó biến các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước thành hiện thực cuộc sống, trực tiếp đáp ứng nhu cầu và nâng cao mức hưởng thụ, sáng tạo văn hóa tinh thần của nhân dân ở cơ sở.

### ***2.2- Những nhiệm vụ chính***

Năm quan điểm và mười nhiệm vụ trong Nghị quyết Trung

ương 5 (khóa VIII) về “*Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*” đều phải được quán triệt và triển khai thực hiện. Trên cơ sở tình hình thực tiễn của cơ sở, cần nhấn mạnh một số nhiệm vụ chủ yếu sau:

*- Xây dựng đời sống văn hóa tinh thần tốt đẹp, lành mạnh, phong phú ở cơ sở, thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”.*

Đây là nhiệm vụ bao trùm, thường xuyên chi phối toàn bộ các hoạt động văn hóa ở cơ sở, thu hút tất cả các ban, ngành, các tổ chức đoàn thể và đông đảo quần chúng nhân dân ở địa bàn dân cư tham gia.

Cơ sở thực hiện tốt nhiệm vụ này mới làm cho các định hướng, chủ trương của Đảng và Nhà nước về văn hóa thực sự đi vào đời sống, trở thành hiện thực sinh động trong đời sống nhân dân. Do đó cần đầu tư suy nghĩ, bám sát thực tiễn, phối hợp tham mưu giúp cấp uỷ xây dựng chương trình, kế hoạch có tính khả thi để triển khai một cách sáng tạo, cụ thể, tăng cường kiểm tra và động viên, tổ chức một cách kiên trì quần chúng thực hiện.

Mục tiêu của nhiệm vụ này là làm tốt công tác xây dựng con người Việt Nam mới xã hội chủ nghĩa; tạo ra các cơ sở (gia đình, làng, xã, phường, trường học,...) đạt chuẩn văn hóa, có một đời sống văn hóa lành mạnh, tốt đẹp, từng bước đáp ứng những nhu cầu văn hóa tinh thần của các tầng lớp nhân dân trên địa bàn dân cư, đồng thời tổ chức cho quần chúng cơ sở phát huy tiềm năng, năng khiếu, sở thích để tự sáng tạo văn hóa phục vụ nhu cầu tinh thần của chính mình.

Xây dựng gia đình văn hóa là nhiệm vụ trọng tâm của cơ sở để tạo nên những tế bào và hạt nhân văn hóa lành mạnh của môi trường văn hóa tốt đẹp trên địa bàn dân cư. Đưa những chuẩn mực



đã được bàn bạc và thống nhất trong quần chúng về với bản thân quần chúng để họ thực hiện, dưới sự hướng dẫn của các cấp ủy, chính quyền; gia đình văn hóa nhằm giữ gìn và phát huy những đạo lý tốt đẹp của gia đình Việt Nam trong cuộc sống hiện đại.

Phát huy tính tự giác, tự nguyện tham gia của quần chúng vào việc xây dựng các hương ước, quy ước làng, thôn, tổ dân phố, xây dựng các câu lạc bộ phù hợp với từng đối tượng, ngành nghề, lứa tuổi, giới tính trên địa bàn xã, phường, thị trấn. Kết hợp chặt chẽ giữa các hoạt động văn hóa với hoạt động thể dục, thể thao, vui chơi, giải trí để tạo nên sức tác động tổng hợp, nâng cao hiệu quả xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở.

*- Hoạt động thông tin, tuyên truyền, cổ động trên địa bàn xã, phường, thị trấn thông qua loại hình văn hóa, nghệ thuật*

Loại hình hoạt động này vừa mang đặc trưng ý nghĩa tư tưởng, vừa là hoạt động văn hóa.

Mục tiêu của công tác này là nhằm tuyên truyền, trực tiếp, kịp thời trong quần chúng nhân dân các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, tuyên truyền pháp luật... Phương thức hoạt động này được gắn với các hình thức thể hiện của văn hóa dễ đi vào quần chúng, phù hợp với dân tộc và địa bàn, như thông qua đài truyền thanh, bản tin, pano, băng rôn, khẩu hiệu, mít tinh, thông tin cổ động, văn nghệ quần chúng, kịch bản sân khấu hoá, gieo vần... sẽ có tác dụng trực tiếp đến quần chúng, nâng cao nhận thức tư tưởng, tri thức tình cảm của nhân dân ở cơ sở.

*- Hoạt động văn nghệ quần chúng trên địa bàn xã, phường, thị trấn*

Tiềm năng sáng tạo văn hóa của nhân dân là vô cùng phong phú, đặc biệt ở cơ sở. Sự nhiệt thành, tâm huyết, tài năng và những nguyện vọng, sở thích sáng tạo văn hóa, nghệ thuật của

nhân dân là cơ sở để tổ chức và phát triển các hoạt động văn nghệ quần chúng trên địa bàn xã, phường, thị trấn và ở các thôn, làng, tổ dân phố.

Mục tiêu của hoạt động này là tạo điều kiện để nhân dân tham gia tích cực hoạt động sáng tạo (sáng tác và biểu diễn) văn nghệ, tự tổ chức, quản lý các hoạt động đó, qua đó nâng cao mức hưởng thụ văn hóa, thị hiếu thẩm mỹ và trình độ thưởng thức nghệ thuật của quần chúng. Các phương thức tổ chức ở cơ sở thường là các câu lạc bộ sở thích nghệ thuật, các đêm liên hoan văn nghệ, các hội diễn nghệ thuật quần chúng theo vùng văn hóa, theo nghề nghiệp, lứa tuổi hoặc giới tính.

Ở cơ sở, để nâng cao tác dụng của hoạt động này, cần gắn với các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn của Đảng, của đất nước, của địa phương... qua đó thu hút quần chúng nhân dân tham gia hoạt động văn hóa.

*- Công tác thư viện, phong trào đọc sách báo ở cơ sở*

Việc phát triển hệ thống thư viện, phòng đọc sách báo, tủ sách pháp luật ở cơ sở là một hướng quan trọng của công tác tư tưởng- văn hóa của Đảng và là một ưu tiên trong kế hoạch, chương trình công tác văn hóa của nhà nước, của cơ quan từ Trung ương đến địa phương. Tuy vậy, hiện nay việc phát huy tác dụng của sách báo là một công việc khó khăn của cấp ủy và chính quyền địa phương, khi mà các phương tiện thông tin khác, đặc biệt là nghe nhìn, đang phát triển mạnh mẽ thu hút sự quan tâm, đáp ứng nguyện vọng, nhu cầu văn hóa của quảng đại quần chúng, nhất là ở cơ sở. Do đó, cần có giải pháp hợp lý cho việc xây dựng thư viện, các phòng đọc sách báo, các câu lạc bộ yêu thích và làm theo sách báo, các cụm và điểm văn hóa có tính tổng hợp, cùng với các hoạt động khác (trạm truyền thanh, câu lạc bộ, sân chơi

thể thao...) tạo nên sức hấp dẫn với quần chúng. Sự xuất hiện của điểm bưu điện văn hóa xã, các cụm văn hóa- thể thao ở các xã... là dấu hiệu của sự tìm tòi phương thức mới cho công tác văn hóa ở địa bàn và ở cơ sở, tuy nhiên cần có cơ chế, chính sách và tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, nghiên cứu nội dung hoạt động để nâng cao hiệu quả của các loại hình này.

*- Công tác bảo tồn, phát huy các di tích lịch sử - văn hóa và nhà văn hóa gắn với phòng truyền thống ở cơ sở*

Trong lĩnh vực này, ở cơ sở có hai nhiệm vụ khác nhau. Một là, các xã, phường, thị trấn trực tiếp có nhiệm vụ bảo vệ, sử dụng, tu bổ, bảo tồn và phát huy các di tích có trên địa bàn, được Nhà nước giao cho quản lý. Hai là, có trách nhiệm hỗ trợ, giúp đỡ, phối hợp với các cơ quan chức năng của Trung ương đối với các di tích cấp quốc gia. Cả hai nhiệm vụ đó đều nhằm vào mục tiêu chủ yếu là giáo dục truyền thống, đáp ứng nhu cầu tinh thần - văn hóa của nhân dân và tham gia bảo vệ tài sản văn hóa chung của dân tộc. Cần khắc phục tình trạng coi việc khai thác di tích chỉ để tăng nguồn thu ngân sách cho địa phương là mục tiêu chính.

Nhà văn hóa gắn với phòng truyền thống có vị trí rất quan trọng trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, tình cảm và văn hóa cho nhân dân ở cơ sở, bởi vì đó chính là lịch sử đấu tranh của nhân dân trên địa bàn, là niềm tự hào của họ qua các thế hệ xây dựng và bảo vệ quê hương. Trong điều kiện hiện nay, cần gắn chặt với nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới nói chung và nhiệm vụ phát triển văn hóa nông thôn trong Quyết định số 801/QĐ-UBND, ngày 27/5/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

*- Tổ chức và quản lý các hoạt động lễ hội trên địa bàn xã, phường, thị trấn*

Do truyền thống văn hóa lâu đời của các địa phương, từ làng,

xã, thôn... thường có nhiều lễ hội truyền thống với nhiều đặc trưng độc đáo. Đồng thời, từ khi có Đảng, với cuộc đấu tranh vĩ đại giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc, đã xuất hiện những lễ hội mới, lễ hội cách mạng và các hoạt động mang ý nghĩa văn hóa, uống nước nhớ nguồn... Việc tổ chức, hoặc hướng dẫn, giúp đỡ cho các thôn, làng, tổ dân phố tổ chức lễ hội, nhằm đảm bảo cho ý nghĩa và tác dụng tư tưởng - văn hóa của các lễ hội, góp phần giáo dục truyền thống và biết chọn những gì tốt đẹp, tiến bộ, gạt bỏ những hủ tục lạc hậu, lỗi thời. Chức năng quản lý các lễ hội đòi hỏi cán bộ tuyên giáo xã, cán bộ văn hóa thông tin xã một sự am hiểu lịch sử, truyền thống trên địa bàn, nắm vững các quy định, quy chế của Nhà nước và biết vận động, tổ chức quần chúng tự nguyện tham gia một cách tích cực có định hướng. Tránh tình trạng khôi phục lại các hình thức rườm rà, kéo dài thời gian, thậm chí vi phạm trật tự an toàn giao thông như: Lễ cúng Thanh Minh tháng 3 âm lịch hàng năm hoặc cúng xóm nhân dịp Tết cổ truyền...

*- Củng cố xây dựng và phát huy tác dụng của các thiết chế văn hóa cơ sở*

Trên địa bàn xã, phường, thị trấn, nhìn tổng thể, hầu hết đều có các thiết chế văn hóa, đảm bảo điều kiện, cơ sở vật chất, kỹ thuật cần thiết cho các hoạt động văn hóa, tuy ở một số vùng khó khăn, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng còn thiếu những thiết chế văn hóa như nhà văn hóa, thư viện, nhà truyền thống, sân vận động... Chính vì thế, để thực hiện nhiệm vụ này, ba khâu không thể tách rời là củng cố những thiết chế đã có, vươn lên xây dựng những thiết chế mới đáp ứng nhu cầu chính đáng, ngày càng cao của nhân dân và đặc biệt là tìm tòi các giải pháp, các phương thức phù hợp để phát huy tác dụng của các thiết chế văn hóa đó.

Cùng với nhiệm vụ trên, việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ hoạt động văn hóa giữ vị trí quyết định để tổ chức các hoạt động văn hóa và nâng cao hiệu quả, tác dụng của các thiết chế văn hóa. Phát huy vai trò của quần chúng, nhất là các nghệ nhân, những người có năng khiếu là hạt nhân văn hóa giữ vai trò nòng cốt trong các hoạt động văn hóa ở cơ sở. Đây là điều kiện đảm bảo cho kết quả và hiệu quả công tác văn hóa ở cơ sở.

### *2.3- Một số nhiệm vụ cụ thể*

- Phối hợp với các cơ quan liên quan, nhất là ban văn hóa thông tin xã, phường, thị trấn triển khai các hoạt động giao lưu văn hóa, thể thao với các xã, phường, thị trấn trong huyện, thị xã, thành phố; tổ chức các hội diễn, hội thao cấp xã và giao lưu giữa các thôn, làng, tổ dân phố, đảm bảo đúng định hướng và sự chỉ đạo của cấp ủy, kế hoạch hoạt động văn hóa, thể thao của ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn hàng tháng, quý, năm.

- Phối hợp khảo sát nắm chắc thực trạng thiết chế văn hóa cơ sở, lực lượng nghệ nhân trên địa bàn, qua đó tham mưu những chủ trương, chính sách để đầu tư phát triển các thiết chế văn hóa ở cơ sở, phát huy vai trò của nghệ nhân trong bảo tồn phát triển bản sắc văn hóa truyền thống dân tộc.

- Phối hợp với Ban VH TT xã, phường, thị trấn để tuyên truyền các hoạt động văn hóa, văn nghệ trên các phương tiện thông tin đại chúng của cấp xã và cấp trên.

- Phối hợp tham mưu đẩy mạnh xã hội hoá các hoạt động văn hóa và xây dựng các thiết chế văn hóa.

## *Chuyên đề 4*

# **NĂM BẮT DƯ LUẬN XÃ HỘI Ở CƠ SỞ**

### **I- Các vấn đề lý luận chung về dư luận xã hội**

#### ***1- Định nghĩa dư luận xã hội***

Dư luận xã hội là một hiện tượng đời sống xã hội quen thuộc mà mỗi cá nhân, tổ chức (bao gồm cả quốc gia) trong cuộc sống hàng ngày thường phải quan tâm và tính toán đến.

Trong đời sống xã hội hiện nay, không chỉ trên các phương tiện thông tin đại chúng, mà cả trong các văn bản chính thức của Đảng và Nhà nước, xuất hiện ngày càng nhiều khái niệm “dư luận xã hội”, như là sự bày tỏ thái độ, tình cảm (nhận xét, đánh giá, ý nguyện, ý chí...) của các nhóm, các giai cấp, tầng lớp xã hội khác nhau đối với các sự kiện, hiện tượng xảy ra trong đời sống xã hội.

***Dư luận xã hội là tập hợp các luồng ý kiến cá nhân trước các vấn đề, sự kiện, hiện tượng có tính thời sự, có liên quan đến lợi ích, các mối quan tâm của công chúng.***

Từ định nghĩa trên có thể rút ra một số vấn đề cần lưu ý sau:

- Thứ nhất, mỗi luồng ý kiến là một tập hợp các ý kiến cá nhân giống nhau;

- Thứ hai, đối với một vấn đề cụ thể, dư luận xã hội có thể bao gồm nhiều luồng ý kiến khác nhau, thậm chí đối lập nhau;

- Thứ ba, luồng ý kiến có thể rộng (tuyệt đại đa số, đa số, nhiều ý kiến) hoặc hẹp (một số ý kiến);

- *Thứ tư*, dư luận xã hội là tập hợp các ý kiến cá nhân, tự phát, chứ không phải là ý kiến của một tổ chức, được hình thành theo con đường tổ chức (hội nghị, hội thảo...);

- *Thứ năm*, dư luận xã hội không phải là một phép cộng các ý kiến cá nhân, tự phát mà là một chỉnh thể tinh thần xã hội, thể hiện nhận thức, tình cảm, ý chí của các lực lượng xã hội nhất định;

- *Thứ sáu*, chỉ có những sự kiện, hiện tượng, vấn đề xã hội có tính thời sự, liên quan đến lợi ích, các mối quan tâm hiện có của nhiều người mới có khả năng tạo ra dư luận xã hội;

- *Thứ bảy*, thái độ của dư luận xã hội đối với mỗi sự kiện, hiện tượng có thể khái quát theo các khuynh hướng nhất định: tán thành, phản đối hay băn khoăn, lưỡng lự, chưa rõ thái độ;

- *Thứ tám*, thái độ của dư luận xã hội có thể có khuynh hướng: tích cực hoặc tiêu cực; tiến bộ hoặc lạc hậu, “cấp tiến” hoặc “bảo thủ”...

## ***2- Phân biệt dư luận xã hội và tin đồn***

Trong thực tế, người ta có thể ngộ nhận hiện tượng na ná như dư luận xã hội đó là tin đồn.

### ***2.1- Tin đồn và quy luật biến đổi của tin đồn***

- *Khái niệm*: Tin đồn là những thông tin được truyền từ người này sang người khác, chủ yếu bằng truyền miệng.

Tin đồn là những thông tin từ những nguồn thông tin không chính thức, thường là những thông tin thất thiệt, không đúng sự thật và rất khó kiểm chứng, được dựng lên, hoặc ngụy tạo nên bởi những mục đích hay dụng ý nào đó.

#### ***- Nguồn gốc của tin đồn***

+ Có thể xuất hiện từ sự việc có thật, nhưng bị xuyên tạc và làm méo mó khi truyền đi do lợi ích người truyền tin.

+ Có thể là những thông tin hoàn toàn do tưởng tượng ra. Nó là sản phẩm không đúng, không xuất phát từ sự thật mà được bịa đặt tưởng tượng ra nhằm một mục đích nào đó.

- *Con đường truyền tin đồn (điều kiện truyền tin đồn)*

+ Chủ thể truyền tin phải tổ chức thông tin để người nghe thấy hình như có thật.

+ Làm cho thông tin đáng tin cậy ở một mức độ nào đó.

+ Được người nghe mong đợi và hấp dẫn. Tin đồn phải được người ta trông đợi. Càng làm cho tin đồn hấp dẫn và không xác định thì tin đồn càng truyền nhanh rộng và tồn tại lâu dài.

2.2- *Phân biệt dư luận xã hội và tin đồn*

- *Sự giống nhau tương đối giữa dư luận xã hội và tin đồn*

+ Nó đều là hiện tượng tinh thần, tâm lý của một nhóm người nhất định.

+ Có vẻ chung nguồn gốc. Trong một số trường hợp, tin đồn và dư luận xã hội có sự chuyển hóa lẫn nhau.

+ Chúng đều lan truyền nhanh và dễ biến động.

Do có những giống nhau này, có người nhầm lẫn giữa dư luận xã hội và tin đồn.

- *Sự khác nhau căn bản giữa dư luận xã hội và tin đồn*

+ *Sự khác nhau về nguồn gốc*: dư luận xã hội xuất phát từ sự kiện có thật nên mức độ chính xác của thông tin cao. Tin đồn có thể xuất phát từ sự thật, thật một phần hoặc bịa đặt nên mức độ chính xác của thông tin ít.

+ *Sự khác nhau về cơ chế hình thành*: Do dư luận xã hội là sự phán xét đánh giá chung nên dư luận xã hội hình thành thông qua trao đổi và tranh luận, gạt bỏ ý kiến riêng. Còn tin đồn có xu



hướng bóp méo thông tin bởi người truyền tin, nên nó mang đậm ý kiến chủ quan cá nhân của người truyền tin.

+ *Sự khác nhau về phương thức lan truyền*: dư luận xã hội lan truyền cả bằng lời nói và chữ viết, bằng cả con đường chính thức và con đường không chính thức, cả công khai và bí mật. *Tin đồn* lan truyền bằng truyền miệng là chính (ngoài ra còn có tờ rơi, tờ gấp, điện thoại...), thường theo con đường không công khai, bí mật là chính.

+ *Sự khác nhau về bản chất*: dư luận xã hội là sự phán xét, đánh giá (trong dư luận xã hội, chủ thể bao giờ cũng thể hiện thái độ đồng tình hay lên án một sự kiện nào đó); còn *tin đồn* thông tin chủ yếu được truyền theo phương thức kể lại, nên nó mang ý kiến cá nhân, chủ quan của người kể.

***Tóm lại, giữa tin đồn và dư luận xã hội có những điểm khác biệt cơ bản sau đây:***

*Một là*, nguồn thông tin của tin đồn bao giờ cũng xuất phát từ người khác (tôi nghe người này nói, người kia nói); nguồn thông tin của dư luận xã hội lại xuất phát từ chính bản thân người phát ngôn (theo ý kiến của tôi thì...).

*Hai là*, tin đồn lan càng xa thì càng có nhiều biến thái, do nó không ngừng được thêm thắt. Ngược lại, lúc ban đầu dư luận xã hội thường rất phân tán, nhưng sau đó, thông qua sự trao đổi, tranh luận, tính thống nhất của dư luận xã hội thường tăng lên.

*Ba là*, tin đồn thường có tính “thất thiệt” (mặc dù có những tin đồn về cơ bản là sự thật). Dư luận xã hội phản ánh trung thực về những suy nghĩ, tình cảm, thái độ của chủ thể.

Tuy nhiên, giữa dư luận xã hội và tin đồn không có sự ngăn cách tuyệt đối. Tin đồn thường có nguyên nhân là do công chúng, nhân dân thiếu thông tin cộng với tính tò mò, đưa chuyện của một

bộ phận công chúng. Tin đồn thường xuất hiện khi người ta thiếu (hoặc thừa) thông tin, dựa vào kinh nghiệm của bản thân, dựa vào những yếu tố chủ quan mà phán đoán, nảy sinh những thông tin, những câu chuyện thường là hoang đường. Nhưng tin đồn cũng ẩn chứa những suy nghĩ và tình cảm của công chúng, tức là tiềm ẩn những dư luận xã hội đang âm ỉ.

- **Cách xử lý đối với tin đồn:** Giải quyết cải chính tin đồn bằng cách công khai, thông tin một cách đầy đủ về sự kiện, hiện tượng và làm giảm tính không xác định bằng định hướng thông tin.

### **3- Chức năng của dư luận xã hội**

Dư luận xã hội có những chức năng cơ bản sau đây:

#### **3.1- Chức năng đánh giá**

Dư luận xã hội thể hiện thái độ phán xét đánh giá của công chúng đối với các sự kiện, hiện tượng, sự vật, vấn đề cuộc sống. Dư luận xã hội có vai trò quyết định trong việc hình thành thang bậc giá trị xã hội.

Sự ổn định và phát triển bền vững của một xã hội chịu ảnh hưởng rất lớn bởi hệ thống (thang) các giá trị xã hội, đặc biệt là các giá trị luân thường, đạo lý. Mọi giá trị xã hội, muốn đi vào thực tế, trước hết, phải được dư luận xã hội ủng hộ.

Trên thực tế, con người thường chạy theo các giá trị mà dư luận xã hội đề cao ca ngợi chứ không phải các giá trị trên sách vở, xa lạ với họ. Các giá trị mà chúng ta cho là quan trọng đối với xã hội, nhưng nếu không được dư luận xã hội đề cao, ca ngợi, thì sẽ rất khó đi vào thực tế đời sống xã hội, rất khó trở thành mục tiêu thực sự của công chúng.

Sự cổ vũ, động viên của dư luận xã hội đối với các hành vi luân thường, đạo lý cao cả là nhân tố, điều kiện rất quan trọng để các hành vi này sinh sôi, nảy nở, phát triển. Hầu như mọi người

đều coi sự tán thưởng, sự đề cao, ca ngợi của báo chí, dư luận xã hội đối với các hành vi, việc làm cao cả của họ (nhất là các hành vi luân thường, đạo lý) là phần thưởng tinh thần quý giá.

### *3.2- Chức năng điều chỉnh các mối quan hệ xã hội*

Dư luận xã hội chính là “luật bất thành văn”, thực hiện chức năng điều chỉnh các quan hệ xã hội thông qua việc tác động đến hành vi và các mối quan hệ giữa các cá nhân với nhau; của cá nhân với nhóm xã hội; trong tập thể, hay giữa các nhóm, các tập thể với nhau.

Do dư luận xã hội gắn liền với ý chí của các cộng đồng, các nhóm xã hội, nên trước các hiện tượng tiêu cực, các hành vi vi phạm pháp luật, lệch chuẩn... thái độ phê phán gay gắt của dư luận xã hội tạo nên những sức ép lớn đến suy nghĩ, hành động của mỗi cá nhân có tác động nhất định trong việc thay đổi nhận thức, hành vi của họ. Dư luận xã hội góp phần duy trì trật tự xã hội, mối quan hệ hài hòa giữa cá nhân và xã hội cũng như giữa các nhóm xã hội.

Có cá nhân, do lạm dụng quyền lực, tự cho mình đứng trên pháp luật, không ngại các cơ quan pháp luật, nhưng vẫn không dám coi thường báo chí và dư luận xã hội, luôn tìm cách bưng bít thông tin, tránh né sự “dòm ngó” của báo chí và dư luận xã hội.

### *3.3- Chức năng giáo dục của dư luận xã hội*

Dư luận xã hội góp phần chuyển giao các giá trị tinh thần, nhất là các giá trị đạo đức, luân lý từ thế hệ này sang thế hệ khác, như ý thức về “phải - trái”, “đúng - sai”, “thiện - ác”, “đẹp - xấu”. Dư luận xã hội có tác dụng giáo dục và răn đe đối với mỗi cá nhân, góp phần vào việc giáo dục ý thức trách nhiệm của cá nhân đối với nhiệm vụ chung. Dư luận xã hội giáo dục luân thường, đạo lý trong xã hội thông qua việc đồng tình hay lên án một hành vi nào đó.

Dư luận xã hội có vai trò rất lớn trong việc bảo vệ luân thường, đạo lý. Sức ép của dư luận xã hội trong lĩnh vực này mạnh đến mức không ít trường hợp, con người có thể tự sát do không chịu đựng nổi sự gièm pha, phê phán của dư luận xã hội. Thuần phong, mỹ tục, các giá trị đạo đức, luân lý truyền thống của dân tộc được giữ vững qua hàng ngàn năm, một phần quan trọng, là nhờ sự bảo vệ đắc lực của dư luận xã hội.

Tuy nhiên, cũng có nơi, có lúc dư luận xã hội có tác động tiêu cực, bảo thủ, kìm hãm hành vi tích cực và sự sáng tạo. Thông thường, con người rất sợ những dư luận nói chung, nhất là dư luận tiêu cực, giống như câu tục ngữ: “trăm năm bia đá thì mòn, ngàn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ”.

### *3.4- Chức năng giám sát*

Dư luận xã hội luôn thể hiện lập trường rõ ràng đối với vấn đề mà nó quan tâm, với mục đích đòi hỏi được đáp ứng những yêu cầu của nó. Thông qua sự phán xét, đánh giá, dư luận xã hội giám sát các hoạt động của các tổ chức xã hội, các cơ quan nhà nước, đòi hỏi các cơ quan này phải làm việc phù hợp với lợi ích chung của xã hội. Dư luận xã hội về tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí hiện nay có tác dụng giám sát và gây sức ép lên hoạt động của Nhà nước và các tổ chức xã hội.

Sự thông tin kịp thời trên báo chí các vụ việc, biểu hiện tham nhũng, quan liêu, suy thoái đạo đức, lối sống; thái độ của dư luận xã hội đối với các vụ việc, biểu hiện này sẽ *thôi thúc các cơ quan chức năng điều tra, làm rõ và xử lý nghiêm minh theo pháp luật các vụ việc, biểu hiện đó*. Dư luận xã hội không chỉ thôi thúc các cơ quan pháp luật quan tâm giải quyết các vụ việc tham nhũng mà còn tạo sức ép đối với các cá nhân có hành vi hoặc ý định tham nhũng, tiêu cực.

Thực tế cho thấy, nhiều vụ việc tham nhũng, tiêu cực khó có thể được xử lý nếu không có sự thôi thúc của báo chí và dư luận xã hội. Các phần tử tham nhũng, có hành vi xấu có thể dấu diếm các hành vi tham nhũng, hành vi xấu của mình trước các cơ quan pháp luật, chứ không thể trước hàng trăm, hàng ngàn con mắt của nhân dân, của dư luận xã hội.

### *3.5- Chức năng tư vấn, phản biện*

Trước những vấn đề nan giải trong xã hội, dư luận xã hội có thể đưa ra những khuyến nghị sáng suốt mà các cơ quan tham mưu cho chính quyền có thể chưa nghĩ được. Dư luận xã hội cũng là người phản biện có uy tín đối với các quyết định của các cơ quan đảng, chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội.

Dư luận xã hội là nguồn thông tin phản hồi, thể hiện thái độ, tâm tư, ý chí, nguyện vọng của nhân dân. Mọi chủ trương, quyết sách của các cơ quan lãnh đạo, quản lý sẽ khó trở thành hiện thực nếu không hợp lòng dân, không được dân ủng hộ. Vì vậy trước khi ban hành một chủ trương, quyết sách nào đó, cần đưa nội dung của dự thảo chủ trương, quyết sách ra thăm dò dư luận xã hội để đánh giá mức độ ủng hộ của công chúng; các lý do công chúng ủng hộ hoặc không ủng hộ; các băn khoăn, thắc mắc của công chúng nếu chủ trương, quyết sách được ban hành. Trong trường hợp mức độ ủng hộ của công chúng rất thấp và các lý do dẫn đến sự ít ủng hộ này là xác đáng thì nên dừng việc thông qua, không ban hành chủ trương, quyết sách. Nếu lý do dẫn đến sự ít ủng hộ này là không xác đáng, do công chúng thiếu thông tin hoặc đặt lợi ích đặc thù, cục bộ của mình lên trên lợi ích của cộng đồng, quốc gia, dân tộc thì trước khi hoặc đồng thời với việc ban hành chủ trương, quyết sách, các cơ quan lãnh đạo, quản lý cần chỉ đạo các cơ quan thông tin, tuyên truyền cung cấp thông tin đầy đủ cho

công chúng, làm rõ lợi ích chung đối với cộng đồng, quốc gia, dân tộc của chủ trương, quyết sách.

Khi chủ trương, quyết sách đã được ban hành, thăm dò dư luận xã hội giúp các cơ quan lãnh đạo quản lý, nhất là trong các đợt sơ kết, tổng kết, có sự đánh giá chính xác tình hình thực hiện chủ trương quyết sách, các thuận lợi, khó khăn, nguyên nhân của các thành tựu cũng như của các hạn chế, yếu kém, trên cơ sở đó, đề ra được các giải pháp hữu hiệu nhằm nâng cao hiệu quả việc thực hiện chủ trương, quyết sách đó.

### *3.6- Chức năng giải tỏa tâm lý-xã hội*

Sự giải bày, bày tỏ thành lời với cơ quan trách nhiệm, cơ quan thông tin hay trong sinh hoạt ở địa phương có thể giải tỏa nỗi bất bình, uất ức của con người, nhóm xã hội, làm cho tâm lý của con người, nhóm xã hội trở lại vị trí thăng bằng. Bị oan ức mà nói ra được người ta sẽ cảm thấy nhẹ nhõm.

## **4- Sự hình thành dư luận xã hội**

### *4.1- Các giai đoạn hình thành dư luận xã hội*

- Trong các điều kiện bình thường, dư luận xã hội được hình thành qua 4 giai đoạn, cụ thể:

- *Giai đoạn 1:* hình thành ý kiến cá nhân. Trên cơ sở sự việc xảy ra hoặc chứng kiến, hoặc nghe được thì cá nhân hình thành ý kiến của mình.

- *Giai đoạn 2:* trao đổi ý kiến các cá nhân trong nhóm thông qua giao tiếp. Đây là giai đoạn xã hội hóa ý kiến cá nhân. Chuyển từ ý thức cá nhân sang ý thức xã hội.

- *Giai đoạn 3:* thống nhất ý kiến thông qua trao đổi, bàn bạc, loại bỏ ý kiến riêng, chỉ lấy ý kiến chung thỏa mãn nhu cầu của nhóm đó.

- *Giai đoạn 4:* dư luận xã hội chính thức hình thành. Trên cơ sở phán xét cộng đồng người đưa ra các kiến nghị hành động cụ thể để giải quyết vấn đề.

Một số kết luận rút ra từ các bước hình thành của dư luận xã hội

- *Thứ nhất*, dư luận xã hội là ý kiến chung (ý kiến đó phải thỏa mãn đại đa số người cộng đồng). Đó là ý kiến chung, chứ không phải tổng tất cả các ý kiến cộng đồng.

- *Thứ hai*, sức mạnh dư luận là ở chỗ, vì chỗ dựa của nó là ý kiến của đại đa số và số đông. Nó điều tiết xã hội thông qua sức mạnh của số đông.

- *Thứ ba*, dư luận xã hội là sản phẩm của quá trình giao tiếp thảo luận. Không có trao đổi thì rất khó hình thành ý kiến chung.

- *Thứ tư*, trong dư luận xã hội về cùng một sự vật hiện tượng cũng có nhiều luồng ý kiến khác nhau và có thể đối lập nhau.

#### 4.2- Các yếu tố tác động đến sự hình thành dư luận xã hội

*\* Các yếu tố thuộc về sự kiện, hiện tượng, quá trình xã hội:*

- Nếu sự kiện lớn, đụng chạm đến lợi ích đa số thì dư luận xã hội càng lớn và hình thành nhanh. Nếu sự kiện nhỏ và liên quan đến các nhóm xã hội khác nhau thì việc hình thành dư luận xã hội chậm hơn.

- Công chúng đưa ra sự phán xét, đánh giá trước hết đối với các sự kiện, hiện tượng liên quan trực tiếp đến lợi ích của họ.

*\* Các yếu tố thuộc chủ thể dư luận xã hội: cộng đồng người.*

- Khả năng hiểu biết của chủ thể về sự kiện, hiện tượng: Chủ thể hiểu về vấn đề, sự kiện, hiện tượng càng đầy đủ, chính xác, sâu sắc thì dư luận xã hội hình thành nhanh và sự đánh giá càng

đúng đắn và khách quan. Muốn vậy, phải tạo điều kiện cho chủ thể hiểu biết về vấn đề, sự kiện, hiện tượng.

- Trình độ văn hóa nói chung và trình độ văn hóa chính trị nói riêng (sự nhạy bén về chính trị, thế giới quan, nhân sinh quan) ảnh hưởng đến chiều sâu, tầm rộng, khuynh hướng của các ý kiến đánh giá.

- Những nhân tố tâm lý cá nhân, tâm lý xã hội như: thói quen, nếp nghĩ, tâm trạng của cộng đồng người, nhóm nào đó có ảnh hưởng đến quá trình đánh giá vấn đề.

*Ví dụ:*

+ Trong những tập thể lạc hậu, các tư tưởng tiên tiến bị cô lập và ngược lại.

+ Tâm trạng, tình cảm cũng ảnh hưởng đến sự đánh giá. Ví dụ: đá bóng trên sân nhà thì đội nhà có lợi (do được sự ủng hộ của khán giả nhà).

+ Các hiện tượng lây lan tâm lý bất chước cũng ảnh hưởng đến việc hình thành dư luận xã hội. Ví dụ: một đám đông đang nhìn một cái gì đó, thì người đi đường cũng đứng lại nhìn.

- Mức độ trưởng thành của nhóm, tập thể cũng tác động đến việc hình thành dư luận xã hội.

- Nhóm mới tồn tại rất khó hình thành dư luận xã hội chung, vì hiểu biết nhau ít.

*\* Các nhân tố thuộc môi trường xã hội*

- Số lượng, chất lượng và trình độ thông tin của xã hội cũng như chất lượng, lượng thông tin của các phương tiện thông tin ảnh hưởng đến sự tạo lập dư luận xã hội, hình thành dư luận xã hội cả khía cạnh quy mô và chất lượng.

- Mức độ dân chủ hóa của xã hội cũng như sự tham gia của



nhân dân vào sinh hoạt trong đời sống chính trị của xã hội. Trình độ dân chủ càng cao thì dư luận xã hội càng nhanh. Vì ở đây, dân được biết và được bàn- dư luận xã hội hình thành.

## **II- Vai trò, nhiệm vụ của công tác nghiên cứu, nắm bắt dư luận xã hội**

### ***1- Vai trò của công tác nghiên cứu, nắm bắt dư luận xã hội***

*1.1- Tham mưu cho các cơ quan lãnh đạo, quản lý trong việc soạn thảo, ban hành, tổ chức thực hiện quyết định; thông tin, tuyên truyền định hướng dư luận xã hội*

- Nhờ phản ánh khách quan, trung thực và khả năng dự báo chính xác tình hình tâm trạng, tư tưởng, thái độ, nguyện vọng của các tầng lớp xã hội trước các sự kiện, hiện tượng, vấn đề xã hội, nhất là các vấn đề có liên quan đến sự lãnh đạo, quản lý đất nước, các báo cáo tổng hợp, phân tích tình hình dư luận xã hội là căn cứ thông tin quan trọng phục vụ quá trình soạn thảo, ban hành, tổ chức thực hiện chủ trương, quyết sách của các cơ quan lãnh đạo, quản lý đất nước. Các cơ quan lãnh đạo, quản lý đất nước khó có thể ban hành được các chủ trương, quyết sách sát thực, có sức sống, có tính khả thi nếu không nắm chắc được tâm trạng, tư tưởng của đối tượng liên quan đến các chủ trương, quyết sách đó. Công tác nghiên cứu dư luận xã hội giúp các cơ quan lãnh đạo, quản lý giải đáp các câu hỏi như:

+ Các vấn đề bức xúc mà thực tiễn đất nước (hoặc ở địa phương, ngành) đòi hỏi phải giải quyết là gì?

+ Các chủ trương, quyết sách dự định được ban hành (của cơ quan lãnh đạo, quản lý) có được người dân ủng hộ không? Nếu không thì tại sao? Có cần dừng việc thông qua không? Nếu không dừng thì cần có các biện pháp thông tin, tuyên truyền cụ thể gì để tạo sự ủng hộ của nhân dân?...

- Trên cơ sở lý luận về cơ chế hình thành dư luận xã hội và các thông tin cụ thể về các băn khoăn, thắc mắc của nhân dân, công tác nghiên cứu dư luận xã hội có khả năng đề xuất các giải pháp thông tin, tuyên truyền, định hướng dư luận xã hội có hiệu quả.

### *1.2- Góp phần củng cố và mở rộng nền dân chủ trong Đảng, trong xã hội*

- Tạo điều kiện để cán bộ, đảng viên và nhân dân đóng góp ý kiến, tham gia vào các công việc của Đảng, Nhà nước: việc tiếp xúc của các cộng tác viên nghiên cứu dư luận xã hội với người dân để nắm bắt ý kiến của họ, nhất là các cuộc điều tra, thăm dò dư luận xã hội là cơ hội để người dân bày tỏ chính kiến, tham gia ý kiến đối với các công việc điều hành, quản lý đất nước của cấp ủy đảng và chính quyền, nâng cao ý thức làm chủ đất nước, làm chủ xã hội của họ.

- Phát huy vai trò phản biện xã hội, vai trò kiểm tra, giám sát của cán bộ, đảng viên và nhân dân: khi người dân cảm thấy ý kiến của mình được lắng nghe, được coi trọng thì trách nhiệm phản biện, kiểm tra, giám sát xã hội của họ cũng được nâng cao. Nhân dân có “trăm tai, nghìn mắt” nên có thể nhìn rõ mọi vấn đề, sự vật dưới nhiều góc độ. Sự phản biện, kiểm tra, giám sát xã hội của nhân dân giúp các cơ quan lãnh đạo, quản lý kịp thời phát hiện những sơ hở, hạn chế, yếu kém trong công tác lãnh đạo, quản lý của mình, trên cơ sở đó, kịp thời đề ra các giải pháp khắc phục.

### *1.3- Công tác nghiên cứu, nắm bắt dư luận xã hội góp phần đổi mới công tác tư tưởng của Đảng*

- Ưu điểm và hạn chế của cách nắm bắt tâm trạng, tư tưởng truyền thống (tổng hợp ý kiến phản ánh trực tiếp hoặc thông qua thảo luận của cán bộ, đảng viên...):

+ Ưu điểm: dễ làm, ít tốn kém về thời gian, nhân lực và tài chính.

+ Hạn chế: các thông tin thu được dễ mang tính chủ quan, nhất là trong bối cảnh bệnh thành tích phát triển (các báo cáo dễ bị “vo tròn”, biểu hiện tâm trạng, tư tưởng tích cực dễ bị “thổi phồng”, những vấn gai góc, phức tạp trong tâm trạng, tư tưởng xã hội dễ bị bỏ qua).

- Điều tra xã hội học về dư luận xã hội giúp khắc phục hạn chế nêu trên của việc nắm bắt tâm trạng, tư tưởng theo các phương pháp truyền thống. Tuy nhiên, ở đây cũng có những hạn chế: khó làm, đòi hỏi cán bộ phải có chuyên môn, nghiệp vụ xã hội học, đòi hỏi chi phí về tài chính.

## ***2- Những nhiệm vụ chủ yếu của các đầu mối nghiên cứu, nắm bắt dư luận xã hội ở địa phương***

- *Thứ nhất*, nắm bắt, phân tích, tổng hợp và phản ánh nhanh dư luận xã hội của các tầng lớp cán bộ, đảng viên và nhân dân trước các vấn đề, sự kiện quan trọng trong nước và trên thế giới, đặc biệt trước các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

- *Thứ hai*, tiến hành các cuộc điều tra xã hội học về dư luận xã hội, nhằm phục vụ quá trình hình thành, hoàn thiện và thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách quan trọng của cấp ủy đảng, chính quyền, ngành, địa phương; định kỳ điều tra dư luận xã hội về hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị của địa phương.

- *Thứ ba*, đề xuất các biện pháp định hướng, hình thành dư luận xã hội tích cực, tạo sự thống nhất về nhận thức, ý chí và hành động trong xã hội, thúc đẩy quá trình thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước và của ngành, địa phương; tham gia đấu tranh chống thông tin và quan điểm sai trái, thù địch.

- Thứ tư, phối hợp với các cơ quan chức năng giám sát an ninh tư tưởng, chính trị của các cuộc thăm dò dư luận xã hội do các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tiến hành trên địa bàn.

### **3- Các yếu tố tác động đến chất lượng công tác nắm bắt dư luận xã hội**

Nắm bắt dư luận xã hội là công việc rất khó khăn, phức tạp, rất dễ bị sai lệch do tác động của nhiều yếu tố.

#### **3.1- Tính chất đa dạng, phức tạp của các loại quan điểm, thái độ trong xã hội**

Lợi ích và nhận thức là một trong những cơ sở rất quan trọng quyết định tâm trạng, tư tưởng của các tầng lớp xã hội để hình thành nên dư luận xã hội.

Trước một hiện tượng, sự kiện, vấn đề nào đó, những người có lợi ích và nhận thức khác nhau có thể có tâm trạng, tư tưởng, cách phán xét, đánh giá khác nhau. Một quyết định rất đúng đắn của chính quyền cũng có thể gây ra những phản ứng dư luận xã hội rất khác nhau. Người có hiểu biết về cơ sở của quyết định này (những người có đầy đủ thông tin) thì đánh giá đó là một quyết định rất cần thiết và hợp lý. Nhưng những người thiếu thông tin hoặc nhận được những thông tin sai lệch có thể phê phán gay gắt, coi đó là một quyết định sai trái, bất hợp lý.

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trong xã hội ta hiện nay, sự phân hoá lợi ích, phân hóa giàu nghèo, về trình độ học vấn, trình độ nhận thức cũng đang tăng lên. Do vậy, sự khác biệt, mâu thuẫn, xung đột ý kiến trước các sự kiện, hiện tượng, vấn đề xã hội cũng có chiều hướng tăng lên.

#### **3.2- Mức độ dân chủ, cởi mở trong xã hội**

Nơi nào tinh thần dân chủ được coi trọng, thì ở nơi đó cán bộ,

đảng viên và nhân dân có thể bày tỏ thẳng thắn thái độ, suy nghĩ đích thực của mình, ít có những dư luận âm ỉ.

Ngược lại, ở đâu quy chế dân chủ ở cơ sở bị vi phạm thì ở đó cán bộ, đảng viên và nhân dân thường không nói ra những suy nghĩ thật của mình và sẽ tạo nhiều luồng dư luận khó kiểm soát. Không ít trường hợp, cán bộ làm công tác tư tưởng đi cơ sở “cùng ăn, cùng ở, cùng làm” với dân, nhưng cũng không nắm được thực chất tình hình tâm trạng, tư tưởng của dân. Ở những nơi này, nếu không có kinh nghiệm, không có biện pháp thích hợp thì rất khó có được các thông tin chân thực.

### *3.3- Bệnh thành tích, sợ khuyết điểm*

Xuất phát từ các lợi ích cục bộ, bản vị, cán bộ lãnh đạo các cơ quan, ban, ngành, địa phương có thể báo cáo sai tình hình tâm trạng, tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân nơi mình quản lý; những bức xúc của cán bộ, đảng viên và nhân dân thường bị che giấu, bệnh thành tích đã phát triển khá phổ biến. Ở một số cơ quan, ban, ngành, địa phương, những nơi bệnh thành tích phát triển, nếu chỉ nghe các cấp uỷ đảng và chính quyền báo cáo, chúng ta khó có thể thu được một bức tranh trung thực về tâm trạng, tư tưởng của dân.

### *3.4- Chủ nghĩa cơ hội, thói “xu thời”*

Biểu hiện của chủ nghĩa cơ hội, thói “xu thời” là thấy nhiều người nói như thế thì bản thân mình cũng nói như thế, mặc dù trong thâm tâm không nghĩ như vậy. Đây là một trong những hiện tượng tâm lý dễ xuất hiện ở những bộ phận xã hội không có hoặc ít có nhu cầu tự khẳng định mình và muốn hoà nhập với cộng đồng. Đây cũng là một trong những nguyên nhân không nhỏ ảnh hưởng đến chất lượng của công tác nắm bắt tâm trạng, tư tưởng, nếu các cán bộ làm công tác tư tưởng không tính toán đến.

### *3.5- Sự hạn chế về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ làm công tác nắm bắt dư luận xã hội*

Có thể coi đây là một trong những yếu tố cơ bản hạn chế chất lượng công tác nắm bắt tâm trạng, dư luận xã hội. Do không có khả năng phân tích các vấn đề tâm trạng, dư luận xã hội và thiếu hiểu biết về các phương pháp nắm bắt tâm trạng dư luận xã hội nên nhiều cán bộ làm công tác tư tưởng, dư luận xã hội không có khả năng phân tích sâu sắc và phản ánh khách quan, toàn diện thực trạng tình hình tâm trạng, tư tưởng, dư luận xã hội của các tầng lớp cán bộ, đảng viên và nhân dân.

### ***4- Các hình thức nắm bắt tâm trạng, tư tưởng trong đảng, trong dân***

Có thể chia các phương pháp nắm bắt tâm trạng, tư tưởng trong Đảng, trong dân thành 2 loại: các phương pháp truyền thống và các phương pháp điều tra dư luận xã hội.

#### *4.1- Nắm bắt theo các phương pháp truyền thống*

Cách nắm bắt tâm trạng, tư tưởng trong Đảng, trong dân là một qui trình gồm 3 bước: 1) Thu thập cứ liệu; 2) Tổng hợp, phân tích, viết dự thảo báo cáo; 3) Xin ý kiến góp ý vào dự thảo báo cáo và hoàn thiện báo cáo.

- Thu thập cứ liệu: Các phương pháp thường sử dụng để thu thập cứ liệu là: nghe, quan sát, tọa đàm, phỏng vấn, thảo luận, phân tích tài liệu (đơn thư khiếu nại, tố cáo, ý kiến cử tri, biên bản các cuộc họp tổ dân phố, thôn, xóm...).

- Tổng hợp, phân tích, viết dự thảo báo cáo: Sau khi đã thu thập được các cứ liệu cần thiết, người viết báo cáo phải tổng hợp, phân tích các cứ liệu và đưa ra các nhận định, đánh giá về tình hình, tâm trạng, tư tưởng trong Đảng, trong dân. Các phân tích, tổng hợp có thể được viết thành báo cáo, lúc đầu là báo cáo dưới hình thức dự thảo.

- Xin ý kiến góp ý, tổ chức thảo luận (hoặc xin ý kiến lãnh đạo, những người am hiểu) đối với dự thảo báo cáo; tiếp thu và sửa chữa, hoàn thiện dự thảo báo cáo, chuyển dự thảo báo cáo đã được hoàn thiện thành báo cáo chính thức. Nếu qui trình này không được tuân thủ nghiêm ngặt thì chất lượng báo cáo có thể không đáng tin cậy.

Phương pháp nắm bắt tâm trạng, tư tưởng truyền thống dễ làm, cán bộ không cần phải đào tạo nhiều, ít tốn kém về thời gian và chi phí. Tuy nhiên, các thông tin thu được dễ mang tính chủ quan, phiến diện, thiếu rõ ràng về mặt định lượng (ví dụ, không thể xác định được có bao nhiêu % trong xã hội tán thành hoặc không tán thành một quan điểm nhất định nào đó).

#### *4.2- Nắm bắt bằng phương pháp điều tra dư luận xã hội*

Điều tra dư luận xã hội là hình thức phỏng vấn một lượng người nhất định, được lựa chọn theo những cách thức khoa học, do vậy chỉ cần điều tra (phỏng vấn) một lượng người không lớn nhưng kết quả thu được cũng gần giống như kết quả điều tra toàn bộ cộng đồng. Các phương pháp điều tra dư luận xã hội cho phép khắc phục những điểm hạn chế của các phương pháp truyền thống nêu trên. Tuy nhiên, các phương pháp điều tra dư luận xã hội cũng có những điểm yếu như chi phí lớn, cán bộ phải được đào tạo cơ bản về chuyên môn, nghiệp vụ, phải có những kiến thức nhất định về xã hội học, tâm lý học (phương pháp này chủ yếu sử dụng từ cấp huyện trở lên).

### **5- Cách nắm bắt dư luận xã hội**

*5.1- Các phương pháp nghiên cứu nội dung dư luận xã hội (cách gọi khoa học là các phương pháp nghiên cứu định tính)*

Bản chất của nghiên cứu nội dung dư luận xã hội là tìm hiểu xem trong cộng đồng xã hội mà chúng ta nghiên cứu, trước mỗi sự

kiện, hiện tượng, vấn đề cuộc sống, dư luận xã hội bao gồm mấy loại ý kiến, nội dung mỗi loại ý kiến là gì.

Phương pháp nghiên cứu nội dung dư luận xã hội có thể phân thành hai loại: các phương pháp nghiên cứu trực tiếp; các phương pháp nghiên cứu gián tiếp.

- *Nghiên cứu trực tiếp*: bao gồm hai phương pháp chủ yếu là phỏng vấn nhóm và phỏng vấn cá nhân.

+ *Phỏng vấn nhóm*: là loại phỏng vấn các đối tượng là những nhóm nhỏ (thông thường từ 8 đến 12 người, lớn hơn hoặc nhỏ hơn sẽ thiếu tập trung, hoặc tẻ nhạt).

Mục đích chính của phỏng vấn nhóm là phát huy thế mạnh của sự trao đổi, thảo luận, tranh luận tập thể để làm rõ các “góc cạnh” của vấn đề nghiên cứu (có bao nhiêu loại tâm trạng, thái độ, quan điểm trước một vấn đề, sự kiện mà người nắm dư luận xã hội quan tâm). Trong phỏng vấn nhóm, người phỏng vấn có thể tùy cơ ứng biến để đặt ra các câu hỏi cho mọi người. Các cuộc giao ban dư luận xã hội với lượng người tham gia ít (từ 8 đến 12 người), trong đó, người chủ trì giao ban đặt ra các câu hỏi để người tham dự giao ban trả lời có thể được coi là hình thức phỏng vấn nhóm.

+ *Phỏng vấn cá nhân*: (gọi chính xác hơn là phỏng vấn sâu) là hình thức trao đổi “tay đôi” giữa người phỏng vấn và cá nhân được phỏng vấn. Phỏng vấn cá nhân, người nêu câu hỏi được phép tùy cơ ứng biến trong việc nêu câu hỏi. Thế mạnh của phỏng vấn sâu là bằng các câu hỏi có tính gợi mở, người phỏng vấn có thể làm rõ mọi góc ngách suy nghĩ, thái độ, tâm trạng, tình cảm của người được phỏng vấn đối với vấn đề mà mình quan tâm.

- *Nghiên cứu gián tiếp*: bao gồm chủ yếu là các phương pháp sau đây.



+ *Phương pháp liên tưởng*, đây là hình thức nắm bắt ý kiến của đối tượng thông qua phản ứng tức thì của người được phỏng vấn trước câu hỏi của nhà nghiên cứu. Hình thức liên tưởng phổ biến nhất là liên tưởng ngôn ngữ. Trong liên tưởng ngôn ngữ, cán bộ làm công tác nghiên cứu dư luận xã hội đề nghị đối tượng cho biết ý nghĩ xuất hiện tức thì trong đầu họ mỗi khi cán bộ làm công tác nắm bắt dư luận xã hội đề cập đến một khái niệm, một chủ đề nhất định nào đó. Phương pháp này cho phép nắm bắt một cách trung thực suy nghĩ của đối tượng đối với những vấn đề tế nhị, nhạy cảm. Đối với những vấn đề tế nhị, nhạy cảm, người được hỏi ý kiến thường có phản ứng phòng vệ. Nói cách khác, ở đối tượng thường xuất hiện “hàng rào tâm lý” khiến họ không nói thật suy nghĩ của mình. Phương pháp liên tưởng đòi hỏi người trả lời phải nói nhanh, “hàng rào tâm lý” chưa kịp xuất hiện.

+ *Phương pháp bổ khuyết*, chúng ta có thể tổng hợp sơ bộ tình hình dư luận xã hội về một vấn đề, sự kiện, hiện tượng nào đó và đề nghị đối tượng nghiên cứu bổ sung, hoàn thiện. So với phương pháp liên tưởng ngôn ngữ, phương pháp bổ khuyết có khả năng cung cấp một lượng thông tin nhiều hơn về suy nghĩ và thái độ của người trả lời.

+ *Phương pháp người thứ ba (người khác)*, đối tượng được hỏi cần cho biết người khác có phản ứng (suy nghĩ, thái độ) như thế nào đối với một vấn đề sự kiện, hiện tượng nhất định nào đó. Người thứ ba đó có thể là bạn bè, là hàng xóm, là đồng nghiệp ... của đối tượng. Trong các suy đoán về thái độ và cảm tưởng của người thứ ba này phản ánh chính xác cảm tưởng, thái độ của đối tượng. Phương pháp này cũng nhằm ngăn chặn sự xuất hiện “hàng rào tâm lý”, “phản ứng đề phòng” của người trả lời. Nó thích hợp trong việc nắm bắt dư luận xã hội đối với những vấn đề tế nhị, nhạy cảm.

## 5.2- Các phương pháp nghiên cứu về khía cạnh số lượng những người có cùng loại ý kiến (còn gọi là nghiên cứu định lượng)

Dư luận xã hội cần phải được làm rõ không chỉ về nội dung, mà còn về lượng người có loại ý kiến tương ứng. (Đa số? số đông? một số? bao nhiêu %?). Các phương pháp nghiên cứu định lượng phổ biến trong nghiên cứu dư luận xã hội là:

### - Phương pháp phân tích tài liệu

Phân tích tài liệu (báo chí, biên bản các cuộc họp, đơn thư khiếu nại, tố cáo, góp ý của nhân dân...) đòi hỏi các kỹ thuật nhất định như phân loại các nội dung mà các tài liệu này đề cập, tính số lần được đề cập của mỗi nội dung. Thí dụ, chúng ta có thể dùng phương pháp này để làm rõ ở một xã (phường) nhất định nào đó, hàng tháng có bao nhiêu đơn thư tố cáo, nội dung chủ yếu của đơn thư tố cáo là gì, và mỗi nội dung được bao nhiêu đơn thư đề cập...

### - Phương pháp điều tra xã hội học

Dư luận xã hội có thể được nắm bắt chính xác (cả về mặt định tính và mặt định lượng) thông qua điều tra xã hội học. Hình thức điều tra xã hội học phổ biến là phỏng vấn một tập hợp người (gọi là mẫu điều tra) theo các bảng (phiếu câu hỏi) đã được chuẩn bị trước. Mỗi cuộc điều tra xã hội học đều phải trải qua các bước sau đây:

- + Xác định chủ đề, mục đích.
- + Xây dựng phiếu câu hỏi.
- + Chọn mẫu điều tra.
- + Xử lý phiếu điều tra.
- + Viết báo cáo.

*\* Xác định chủ đề, mục đích điều tra*

Để tiến hành một cuộc điều tra xã hội học, trước hết chúng

ta phải làm rõ điều tra vấn đề gì, các nội dung thông tin cần có để làm rõ vấn đề nghiên cứu là những nội dung gì.

*\* Xây dựng phiếu câu hỏi*

Có thể chia cấu trúc của một phiếu câu hỏi thành ba phần: phần mở đầu, phần nội dung và phần các đặc điểm xã hội của đối tượng.

+ *Phần mở đầu*: giới thiệu mục đích nghiên cứu và hướng dẫn cách trả lời, khẳng định nguyên tắc khuyết danh (người trả lời không phải ghi tên mình vào phiếu câu hỏi mà mình trả lời) để người trả lời có thể trả lời thành thực, không e ngại gì. Ví dụ:

*Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ đề nghị ông (bà, anh, chị) vui lòng trả lời các câu hỏi được nêu ra dưới đây. Mỗi câu có kèm theo các phương án trả lời khác nhau, phương án nào phù hợp với suy nghĩ của mình, xin ông (bà, anh, chị) hãy đánh dấu + vào ô bên cạnh . Ông (bà, anh, chị) không phải ghi tên, địa chỉ của mình vào phiếu.*

*Xin cảm ơn ông (bà, anh, chị)!*

+ *Phần nội dung*: câu hỏi có thể phân chia thành hai loại: câu hỏi kín, câu hỏi mở.

*Câu hỏi kín* là câu hỏi có kèm sẵn các phương án trả lời khác nhau dựa trên một cơ sở phân chia nhất định. Người trả lời chỉ cần đánh dấu vào phương án nào phù hợp với suy nghĩ của mình. Có loại câu hỏi kín đơn giản và câu hỏi kín phức tạp. Câu hỏi kín đơn giản là loại câu hỏi chỉ có hai phương án trả lời kiểu “có - không”, hoặc “tán thành - không tán thành”.

Ví dụ: Ông (bà) có thường xuyên đọc báo không?

Có                       Không

Câu hỏi phức tạp bao gồm nhiều phương án chi tiết hơn.

Ví dụ: Theo ông (bà), trong một vài năm gần đây, việc đầu tư cho hoạt động giao lưu văn hóa nghệ thuật giữa huyện nhà với các huyện bạn trong tỉnh như thế nào?

1- Đầu tư còn quá ít, chưa đúng mức độ cần thiết để bảo đảm chất lượng và hiệu quả các hoạt động.

2- Đầu tư đúng mức.

3- Đầu tư quá mức cần thiết, gây lãng phí.

4- Đầu tư nhiều nhưng hoạt động vẫn không hiệu quả.

*Câu hỏi mở* là loại câu hỏi không có sẵn các phương án trả lời, người trả lời phải tự viết ý kiến của mình ra.

*Ví dụ: Để tăng cường an ninh, trật tự trong xã theo ông (bà), những việc làm quan trọng nhất hiện nay là gì (xin ghi rõ)?.....*

Còn có loại câu hỏi vừa kín vừa mở, đó là loại câu hỏi có một số phương án trả lời cho sẵn và một phương án trả lời là câu hỏi mở. Câu hỏi này được sử dụng khi vấn đề được hỏi có thể chứa đựng rất nhiều phương án trả lời mà ta khó có thể lường hết được. Phương án mở nhằm mục đích bao quát hết các loại ý kiến trả lời mà chúng ta chưa liệt kê.

+ *Phần đặc điểm của đối tượng điều tra*, ở cuối mỗi bảng câu hỏi, chúng ta thường có những câu hỏi về lứa tuổi trình độ văn hóa, nghề nghiệp, giới tính... Phần này có tác dụng rất lớn trong việc phân tích và so sánh kết quả thu được.

\* *Chọn mẫu điều tra*, để nắm được ý kiến của một cộng đồng xã hội nào đó, tốt nhất chúng ta phỏng vấn tất cả các thành viên trong cộng đồng đó. Đó là kiểu điều tra tổng thể. Trên thực tế, điều tra tổng thể đối với các nhóm người có số lượng ít khoảng vài ba trăm người trở xuống thì không có vấn đề gì, nhưng khi số

lượng của nhóm người điều tra lớn (đặc biệt là hàng chục vạn, hàng triệu người) thì có rất nhiều khó khăn, phải tốn phí rất nhiều công sức, tiền của và thời gian mới làm được.

Làm thế nào để giải quyết các khó khăn này? Người ta đã giải quyết vấn đề này bằng các phương pháp nhất định được gọi là *các phương pháp chọn mẫu*. Bằng các phương pháp chọn mẫu, chúng ta có thể chỉ cần chọn một số người đại diện trong tổng thể (số người này được gọi là mẫu điều tra) để điều tra mà không cần phải điều tra toàn bộ tổng thể; song, kết quả vẫn không bị sai lệch bao nhiêu.

*Một số cách chọn mẫu đơn giản có thể áp dụng đối với cấp xã (phường).*

*Lấy mẫu ngẫu nhiên hệ thống*, cách lấy mẫu này được tiến hành như sau:

Đầu tiên, chúng ta lập danh sách họ, tên toàn bộ các thành viên trong cộng đồng, có thể sử dụng các bản danh sách sẵn có (danh sách cử tri, danh sách nhân khẩu...). Sau khi đã có bản danh sách, chúng ta bắt đầu tiến hành chọn mẫu theo nguyên tắc: cứ cách một số người nhất định, chúng ta chọn 1 người; thí dụ cách 20 người lấy 1, cách bao nhiêu là tùy thuộc vào số lượng mẫu cần lấy và số lượng của bản danh sách liệt kê. Ví dụ, nếu cần lấy 300 người trong một tổng thể gồm 1.500 người thì cứ cách 5 người chúng ta lấy 1 người. Cách lấy mẫu này thuận tiện trong trường hợp tổng thể có số lượng ít.

*Lấy mẫu theo nhóm (phân cụm)*, đầu tiên, chúng ta phân tổng thể ra thành các nhóm nhỏ theo một cơ sở phân chia nhất định, sau đó tiến hành chọn lấy một số nhóm theo nguyên tắc ngẫu nhiên (theo bản danh sách liệt kê các nhóm được phân chia, cách một số nhóm nhất định lấy một nhóm). Các nhóm được chọn sẽ được

điều tra toàn bộ. Ví dụ, muốn thăm dò ý kiến ở một xã, phường, thị trấn (xã là tổng thể), chúng ta chia xã thành các thôn, làng... (liệt kê toàn bộ các đơn vị đó ra). Sau đó, chúng ta tiến hành lấy một số điểm để điều tra (theo nguyên tắc ngẫu nhiên, cứ cách một số thôn, làng, tổ dân phố nhất định theo bản danh sách, chúng ta lấy một đơn vị).

\* *Xử lý phiếu điều tra*, đối với các cuộc điều tra đơn giản có thể làm thủ công theo kiểu kiểm phiếu bầu cử. Đối với các cuộc điều tra phức tạp, người ta thường viết những chương trình xử lý số liệu có sự trợ giúp của máy tính.

\* *Viết báo cáo*, khâu này bao gồm các công việc: phân tích các số liệu thu được và đưa ra các nhận xét, kết luận, kiến nghị.

### **III- Hướng dẫn dư luận xã hội**

#### ***1- Những nguyên tắc và các kênh trong hướng dẫn dư luận xã hội***

- Để hướng dẫn dư luận xã hội hiệu quả cần:

+ Tăng cường giáo dục tư tưởng là cách tích cực, chủ động nhất để hướng dẫn dư luận xã hội. Vì dư luận xã hội được hình thành trên cơ sở thế giới quan, nhân sinh quan. Giáo dục tư tưởng chính là giáo dục thế giới quan, nhân sinh quan theo đúng quan điểm.

+ Cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác và có định hướng thì mới định hướng được dư luận xã hội.

- Tất cả các kênh, các phương tiện công tác tư tưởng đều là những kênh, phương tiện hướng dẫn dư luận. Chúng ta có các kênh (5 kênh tuyên truyền, hướng dẫn dư luận):

+ Phương tiện thông tin đại chúng (báo, đài, panô, áp phích).

+ Hệ thống trường lớp.

+ Tuyên truyền miệng.

+ Các thiết chế văn hóa và hoạt động các thiết chế văn hóa đó.

+ Các sinh hoạt, hội họp.

## ***2- Một số phương pháp hướng dẫn dư luận xã hội***

- *Hướng dẫn dư luận xã hội thông qua hội họp của các tổ chức:* Đây là một kênh thông tin, hướng dẫn dư luận xã hội quan trọng; là kênh trực tiếp và hiệu quả. Hình thức là mời các đối tượng cần hướng dẫn đến họp định hướng vấn đề.

Muốn định hướng được:

+ Phải đưa thông tin chính thống.

+ Đấu tranh chống lại các tư tưởng đi ngược lại, lệch lạc trái với quan điểm chung.

Các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở có vai trò rất quan trọng trong việc hướng dẫn dư luận xã hội. Vì vậy, củng cố các tổ chức chính trị cơ sở là tạo điều kiện để định hướng, hướng dẫn dư luận xã hội.

- *Hướng dẫn dư luận xã hội thông qua các phương tiện thông tin đại chúng:* Các phương tiện thông tin đại chúng có vai trò lớn trong tạo lập dư luận, định hướng dư luận. Định hướng dư luận xã hội thông qua các phương tiện thông tin đại chúng bằng việc đưa tin có mục đích, có định hướng.

- *Hướng dẫn dư luận xã hội thông qua uy tín người lãnh đạo, uy tín của các thủ lĩnh:* Trong tâm lý học, có quy luật nhân cách hóa quan hệ: người ta tin và nghe theo những người có uy tín, người lãnh đạo hơn những người bình thường. Hiệu quả này tỷ lệ thuận với uy tín, nhân cách của các lãnh đạo, thủ lĩnh.

Người lãnh đạo phải thấy được trách nhiệm của mình đối với định hướng dư luận xã hội. Vì vậy, khi phát biểu phải có trách nhiệm với lời nói của mình.

- *Định hướng dư luận bằng dư luận*: Phương pháp này sử dụng quy luật lây lan tâm lý. Chúng ta có thể sử dụng nhóm nhỏ tiên tiến để tác động dư luận.

#### **IV- Viết báo cáo nhanh phản ánh dư luận xã hội**

##### ***1- Tổng hợp, phân tích thông tin***

- *Phân loại, sắp xếp thông tin dư luận*: Trong số các thông tin phản ánh, cần sắp xếp, phân loại theo từng nội dung, phạm trù nhất định để xử lý.

Ví dụ:

- (1) Dư luận về các sự kiện, vấn đề chính trị;
- (2) Dư luận về các sự kiện, vấn đề tôn giáo, dân tộc;
- (3) Dư luận về các sự kiện, vấn đề môi trường, sinh thái;
- (4) Dư luận về các vấn đề kinh tế;
- (5) Dư luận xã hội về các vấn đề quốc tế...

*Cũng cần phân loại theo các cơ sở khác như:*

- (1) Thông tin từ nguồn báo chí, internet trong nước;
- (2) Thông tin từ các trang thông tin điện tử hải ngoại;
- (3) Thông tin từ mạng lưới cộng tác viên ở các địa phương, cơ quan...

- *Xác định mức độ phổ biến của thông tin*: cần làm rõ, thông tin hiện có do nhiều cộng tác viên phản ánh hay chỉ do một số cộng tác viên phản ánh? Thông tin xuất hiện ở nhiều nơi hay mới chỉ ở một địa bàn nào đó?



- *Xác định tính chất của thông tin*: cần làm rõ thông tin có đúng là dư luận xã hội không hay chỉ là tin đồn? thông tin khẩn cấp (có thể dẫn đến những hành động xã hội như “phản ứng tập thể”...) hay không khẩn cấp?

- *Phân tích các căn nguyên nhận thức và xã hội của các luồng dư luận xã hội* (có chính đáng không? hay xuất phát từ nhận thức không đúng, thiếu thông tin, lợi ích cá nhân, cục bộ?).

## ***2- Những kỹ thuật cụ thể đối với báo cáo tổng hợp***

- Báo cáo phải ngắn gọn, cô đọng: nên chỉ gói gọn trong vòng 2 trang A4.

- Báo cáo nên có kết cấu gồm 2 phần:

+ Phần phản ánh: nêu dư luận tích cực trước, các dư luận gai góc, không thuận được trình bày sau.

+ Phần đề xuất, kiến nghị định hướng dư luận xã hội:

- Do có sự khác biệt về nhận thức, không thống nhất về lợi ích nhóm, giai tầng, nên có thể nói, trước mọi sự kiện, hiện tượng, vấn đề xã hội mà công chúng quan tâm, thường có những ý kiến, dư luận xã hội rất khác nhau, thậm chí đối ngược nhau. Vì vậy, thông tin dư luận phải đầy đủ, nhiều chiều, không bỏ sót ý kiến nào, kể cả của nhóm thiểu số trong xã hội.

- Phải làm rõ mức độ phổ biến của dư luận: ý kiến của một số nhỏ, một bộ phận khá đông hay của đa số trong xã hội.

- Phải làm rõ chủ thể chủ yếu của mỗi luồng dư luận xã hội: của nông dân, công nhân, học sinh, sinh viên, trí thức...

## *Chuyên đề 5*

# **CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN MIỆNG VÀ XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ BÁO CÁO VIÊN, TUYÊN TRUYỀN VIÊN**

### **I- Những kiến thức cơ bản về công tác tuyên truyền miệng**

#### ***1- Khái niệm tuyên truyền miệng***

Tuyên truyền miệng tức là dùng ngôn ngữ nói để nói chuyện cho người khác nghe hoặc giảng bài cho người khác nghe về một vấn đề nào đó, giúp người nghe biết, hiểu và vận dụng được vấn đề. Tuyên truyền phải đáp ứng được 2 yêu cầu:

- Thứ nhất là nói cái gì?
- Thứ hai là nói như thế nào?

Giải quyết vấn đề thứ nhất tức là chúng ta giải quyết vấn đề nội dung, vấn đề cơ bản. Nói đây là vấn đề cơ bản bởi đơn giản trước khi muốn nói cái gì thì ta phải có cái gì (nội dung gì) để mà nói. Một nguyên tắc cơ bản là để cho người khác hiểu được ý mình nói thì điều đầu tiên phải xác định được mình muốn nói cái gì. Nếu khi ý nghĩ, tư tưởng, nội dung bài nói chưa được hình thành rõ thì người nói, người giảng không thể làm cho người khác hiểu được nội dung mình nói.

#### ***2- Vị trí, vai trò của công tác tuyên truyền miệng***

##### ***2.1- Vị trí của tuyên truyền miệng***

Tuyên truyền miệng là một trong những kênh thông tin quan

trọng nhất của công tác tư tưởng; là công cụ quan trọng hàng đầu nhằm tuyên truyền, giáo dục về đường lối, chính sách, truyền bá những quan điểm của Đảng, đưa tiếng nói của Đảng đến quần chúng nhân dân.

## *2.2- Vai trò của tuyên truyền miệng*

Xác định vai trò của công tác tuyên truyền miệng, Chỉ thị 17 -CT/TW, ngày 15/10/2007 của Ban Bí thư Trung ương (khoá X) đã chỉ rõ: Công tác tuyên truyền miệng “là một trong những kênh thông tin quan trọng nhất, trực tiếp truyền bá sâu rộng chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, phổ biến, giáo dục, quán triệt các quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; định hướng tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân trước các vấn đề thời sự quan trọng trong nước và quốc tế; góp phần tạo ra sự thống nhất tư tưởng trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội, củng cố niềm tin, cổ vũ phong trào cách mạng. Đồng thời, đây là vũ khí sắc bén, kịp thời đấu tranh chống âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, phê phán các quan điểm sai trái, lệch lạc, phản động”.

Đồng thời, chỉ thị nhấn mạnh: “tuyên truyền miệng và đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên là một mắt khâu quan trọng, trực tiếp nối liền Đảng, nhà nước với nhân dân, trung ương với địa phương và cơ sở”.

Công tác tuyên truyền miệng không chỉ có nhiệm vụ thông tin thuần túy mà còn định hướng thông tin, tuyên truyền, vận động, góp phần định hướng suy nghĩ và hành động của mọi người theo đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

## *3- Các loại hình tuyên truyền miệng*

### *3.1- Thuyết trình*

Thuyết trình là loại hình tuyên truyền miệng mà người nói tác động liên tục đến người nghe bằng lời. Vì vậy, người nói phải chuẩn bị bài phát biểu hoàn chỉnh theo một đề cương sẵn trong đầu hoặc viết ra giấy, phù hợp với một thời gian xác định.

### *3.2- Đối thoại*

Đối thoại là nói chuyện qua lại giữa hai hay nhiều người với nhau.

Từ những quan niệm trên về thuyết trình và đối thoại và về các hình thức khác nhau của đối thoại, có thể rút ra ý nghĩa thực tiễn là:

- Đối thoại có thể chuyển hoá thành một trong các hình thức độc thoại nếu “người đối thoại im lặng” trong cuộc tham gia đối thoại. Vì vậy, trong thực tế có thể không cần thiết phải tổ chức riêng từng loại, nếu chủ thể của độc thoại chủ động tạo ra tình huống đối thoại, biết kêu gọi và kích thích tính tích cực tranh luận của đối tượng, biết tạo tiền đề để một cuộc đối thoại chuyển thành cuộc đối thoại cởi mở, dân chủ, bình đẳng.

- Trong đối thoại, các vai thoại (người nói - người nghe, chủ thể - đối tượng) chuyển hoá lẫn nhau. Chủ thể đối thoại không chỉ là một người. Có thể là một nhóm người này đối thoại với một nhóm người kia một cách có tổ chức dưới sự điều khiển của người có trách nhiệm.

Thể loại tuyên truyền miệng rất đa dạng, phong phú. Trong thực tế cần căn cứ vào đặc điểm đối tượng, nội dung để lựa chọn thể loại phát biểu phù hợp. Đồng thời có thể kết hợp nhiều thể loại với nhau trong một buổi phát biểu để đạt hiệu quả cao nhất.

### *4- Một số nguyên tắc khi trình bày bài tuyên truyền miệng*

Sau khi đã có ý tứ, đã có nội dung thì một vấn đề cần giải quyết là chúng ta phải diễn đạt nội dung ấy như thế nào? Và bằng

cách nào để cho ý tứ và nội dung đó được trình bày một cách rõ ràng, sáng tạo, có hiệu quả? Ý nghĩa của vấn đề này cũng quan trọng không kém phần nội dung. Bởi thực tế cho thấy, cũng có trường hợp đầy ắp tri thức-hiểu biết rất nhiều nhưng khi muốn nói rõ một vấn đề nào đó thì không biết nói cái gì. Hoặc trong quá trình viết, soạn nội dung đã được chọn lọc một cách chặt chẽ, khoa học nhưng khi trình bày nội dung thì lại nói theo hướng khác. Xét một góc độ nào đó tri thức là một việc còn cách diễn đạt, cách trình bày như thế nào cho có hiệu quả cũng là vấn đề rất quan trọng. Cho nên, trong tuyên truyền miệng cần xác định rõ các nguyên tắc sau:

*4.1- Nguyên tắc thứ nhất:* Phải nắm, làm rõ và nêu bật được nội dung quan trọng nhất của vấn đề mà mình thuyết trình.

Nghĩa là khi nói chuyện với những người khác, giảng bài cho nhiều người nghe, chúng ta phải có mục tiêu hướng đến để nói. Có 3 mục tiêu:

- Mục tiêu đầu tiên và sơ đẳng nhất phải đạt được trong bất kỳ trường hợp nào là *làm cho người nghe hình dung được vấn đề chúng ta nói là vấn đề gì.*

- Mục tiêu thứ 2, *làm cho người khác hiểu được vấn đề chúng ta nói.*

- Mục tiêu thứ 3, *làm cho người nghe nhớ được những điều mình nói.*

Đây là những mục tiêu sơ đẳng và trực tiếp, bởi nếu không có 3 mục tiêu này thì không thể đạt được mục tiêu nào khác.

Tất nhiên, để thực hiện được nguyên tắc này có mấy việc chúng ta cần làm:

+ *Thứ nhất*, trong từng bài, từng phần, từng đoạn, người nói phải xác định được đâu là vấn đề chủ yếu trong từng phần đó.

+ *Thứ hai*, sau khi xác định được vấn đề quan trọng chúng ta phải diễn đạt được chúng một cách ngắn gọn nhất, khái quát nhất và mang tính tổng kết nhất.

+ *Thứ 3*, sau khi đã khái quát được vấn đề chúng ta phải trình bày được vấn đề đó một cách nổi bật, giúp cho người nghe dễ nhớ vấn đề mà chúng ta trình bày.

*4.2- Nguyên tắc thứ 2: Phải nắm vững trọng tâm điều muốn nói.*

Nghĩa là trước khi nói một vấn đề gì đó cho người khác nghe chúng ta phải xác định được trọng tâm của vấn đề cần nói. Không những thế, khi nói ra một vấn đề thì chúng ta phải nhất quán với vấn đề đó từ đầu chí cuối, không được bỏ ngỏ vấn đề và không được xa rời vấn đề mình nói.

Một trong những nguyên nhân của người nói dở, nói nhưng không làm cho người nghe hiểu được vấn đề, mặc dù người nói có hiểu biết rất nhiều là do người nói không nắm vững trọng tâm, không duy trì và nhất quán với trọng tâm của vấn đề mình muốn nói. Hay nói khác đi là chúng ta đang nói những điều mà bản thân chưa được rõ, hoặc cũng có thể bản thân đã rõ nhưng khi nói lại lệch qua chuyện khác.

*4.3- Nguyên tắc thứ 3: Phải đảm bảo tính thống nhất, tính cân đối của bài giảng.*

Sự đảm bảo này thể hiện qua mấy điểm:

*Một là*, phải trình bày bài giảng của mình một cách liền mạch, mạch lạc, không ngắt quãng, không đứt khúc, nói có đầu có đuôi, không được lật ngược, lật xuôi một cách tùy tiện.

*Hai là*, phải nhất quán tương đối, tức phân bố thời gian tương ứng với nội dung.

*Ba là*, tuyên truyền phải nhất quán, tức là nói cái gì phải ra

cái đó, không được câu này đá câu kia, không được mâu thuẫn trong khi nói, trước nói một kiểu sau nói kiểu khác như vậy sẽ làm cho người nghe khó nghe và khó hiểu.

Sau khi xác định được nguyên tắc, phải chọn cách nói cho phù hợp với nội dung trình bày. Có thể dùng cách nói đặc trưng của một giới chuyên môn nào đó dùng hoặc dùng những ngôn ngữ khác để nói trong một số tình huống nào đó. Nói ngắn gọn, cách nói nghĩa là việc người ta sử dụng chữ nghĩa theo kiểu nào, diễn đạt ra sao?

Thông thường khi nói về phong cách người ta hay phân biệt một số phong cách sau:

+ *Phong cách hàn lâm*: Là cách nói cao, sâu, hay dùng ngôn ngữ trừu tượng, lý luận chặt chẽ, trích dẫn sách vở đầy đủ. Cách nói này thường được sử dụng cho một giới chuyên môn hẹp. Nếu chúng ta tuyên truyền cho quần chúng mà sử dụng phong cách này thì khó tạo ra được hiệu quả vì đây là cách nói trịnh trọng, nghiêm trang.

+ *Phong cách ngoại giao*: Là cách nói dùng từ ngữ một cách phù hợp, nói một cách linh hoạt, uyển chuyển. Nét đặc biệt của phong cách nói ngoại giao là người ta dùng kỹ thuật nói năng được đào tạo và huấn luyện hần hoi. Người ta hay nói đùa là phong cách ngoại giao có thể nói liên tục trong 2 tiếng đồng hồ nghe rất hay, nhưng cuối cùng không rõ ý gì cả.

+ *Phong cách khoa học*: ngược lại với phong cách ngoại giao là phong cách nói thẳng thắn, dùng từ ngữ chính xác, mô tả và nhận định mọi điều đúng như nó vốn có. Đây là phong cách nói không tránh né, không che đậy, không lấp lửng.

+ *Phong cách sut phạm*: Là cách nói rành mạch, khúc chiết, dùng từ ngữ rõ ràng, nói có đầu có đuôi, nêu được cái lợi, cái hại, cái được, cái mất, không lý luận suông.

+ *Phong cách cuộc sống, phong cách đời thường*: Là cách nói giản dị, cách nói chân chất, dùng từ ngữ đơn giản.

Trong tất cả những phong cách này không có phong cách nào được tận dụng tuyệt đối, mà nó được sử dụng một cách tổng hợp hoặc được sử dụng phong cách tùy theo từng đối tượng. Cho nên, trong khi nói hoặc giảng bài tốt nhất là chúng ta sử dụng cách nói tự nhiên của chính mình và vận dụng được những phong cách nói phù hợp với đối tượng. Đối với đặc điểm tình hình cơ sở của tỉnh Gia Lai hiện nay, cách nói nói hiệu quả nhất là cách nói giản dị, cách nói chân chất, dùng từ ngữ đơn giản, dễ hiểu.

### **5- Một số yêu cầu về nghệ thuật diễn đạt**

Có 3 yêu cầu:

*Yêu cầu thứ nhất*: Muốn diễn đạt hay trước hết phải giản dị. Giản dị là yêu cầu cơ bản nhất, yêu cầu đầu tiên. Người ta thường cho rằng, cách nói tốt nhất là cách nói giản dị nhất. Nói giản dị có mấy ưu điểm: Dễ nghe, dễ tiếp thu, gần gũi với tư duy người nghe và dễ đi vào lòng người.

*Yêu cầu thứ hai*: Để diễn đạt được hay phải tự nhiên. Tự nhiên tức là sự việc như thế nào thì mình nói đúng như thế, không nói cầu kỳ, không nói khoa trương...

Sự tự nhiên trong bài giảng thể hiện ở chỗ:

+ Thể hiện qua cách dùng từ ngữ, chữ nghĩa. Không nên dùng từ ngữ sách vở của người khác, không cóp nhặt những câu có sẵn của người khác, không lạm dụng những câu thuật ngữ thuộc chuyên môn. Không dùng từ tiếng lóng, những sáo ngữ thừa như “thế nào, là gì...” làm mất tự nhiên trong khi nói.

+ Thể hiện qua thái độ giảng bài: Thái độ tự nhiên có nghĩa là chừng mực, đúng mực, bình thường, nghiêm nghị nhưng không kiêu. Để có được thái độ tự nhiên chúng ta nên quan tâm đến



một số điểm sau: Khi nói chuyện không cố gắng tỏ ra uyên bác. Tuy nhiên, cũng không tỏ ra khiêm tốn một cách không cần thiết. Không tỏ ra kiêu kỳ, nghiêm trang không đúng cách. Không phô trương, không diêm dúa. Khi nói không nên rào đón, đẩy đưa.

*Yêu cầu thứ ba:* Chặt chẽ và tiết kiệm tức là nói ngắn, nói súc tích. Đây là yêu cầu cũng rất quan trọng. Chặt chẽ nghĩa là nói phải có thông tin, không được nói ngẫu nhiên. Mặt khác, tiết kiệm trong khi nói cũng có mấy ý nghĩa là tăng kết quả, hiệu quả của bài nói. Cùng một vấn đề như nhau nhưng rõ ràng nói ít hiệu quả hơn nói nhiều; nói ngắn sẽ gây được sự tập trung chú ý cho người nghe; nói ngắn sẽ tiết kiệm được thời gian.

Để nói được một cách súc tích và ngắn gọn chúng ta cần tham khảo một số kinh nghiệm sau:

+ Khi bắt đầu nói chuyện hoặc bắt đầu một bài giảng không nên đặt vấn đề có tính lịch sử.

+ Không nhắc đi nhắc lại nhiều lần những chân lý nhiều người đã biết.

+ Không nói huyên thuyên những chuyện không cần thiết.

+ Không lan man những chuyện lạc đề.

### ***6- Những điều nên tránh trong diễn đạt***

- Tránh tự đề cao mình trong diễn đạt.

- Không nên kể lể những chuyện riêng tư, những chuyện cá nhân trên diễn đàn, trong lớp học.

- Trong khi nói nên tránh những đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất số ít “tôi” mà nên dùng đại từ nhân xưng số nhiều “chúng ta”, hoặc dùng những câu bị động-tức dùng kiểu nói trống.

- Không nên trút bực tức của cá nhân mình vào người nghe...

## **II- Xây dựng đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên**

### ***1- Sự cần thiết phải có tổ chức, xây dựng đội ngũ làm công tác tuyên truyền miệng***

Chỉ thị 17-CT/TW của Ban Bí thư (khoá X) nêu rõ: “Công tác tuyên truyền miệng là một nhiệm vụ của toàn Đảng, vì vậy tất cả cấp uỷ các cấp từ Trung ương đến cơ sở, các đảng viên hoạt động trên mọi lĩnh vực đều phải có trách nhiệm làm nhiệm vụ tuyên truyền miệng... coi đó là một tiêu chuẩn để đánh giá năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu, chất lượng công tác của cấp uỷ, tính tiên phong gương mẫu và phẩm chất chính trị của mỗi đảng viên”.

Trong công tác tuyên truyền miệng, thì đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên là lực lượng quan trọng hàng đầu trong việc tuyên truyền, giáo dục quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đưa tiếng nói của Đảng trực tiếp đến với cán bộ, đảng viên và quần chúng.

#### ***1.1- Khái niệm báo cáo viên, tuyên truyền viên***

- Báo cáo viên, tuyên truyền viên là chức danh để chỉ những người làm công tác tuyên truyền miệng đến các đối tượng là cán bộ, đảng viên và nhân dân dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của các cấp uỷ đảng và cơ quan nhà nước. Báo cáo viên được coi như là người phát ngôn, thông tin chính thống của Đảng.

Như vậy, báo cáo viên, tuyên truyền viên là một lực lượng quan trọng trong công tác tuyên truyền, là lực lượng nòng cốt, chủ lực trong đội ngũ tuyên truyền miệng, được lựa chọn theo những tiêu chuẩn nhất định và có tổ chức của cấp uỷ.

- Báo cáo viên và tuyên truyền viên đều là người làm công tác tuyên truyền miệng, nhưng có vị trí và đặc điểm hoạt động khác nhau:

**+ Báo cáo viên** do cấp uỷ lựa chọn và ra quyết định công

nhận, được tổ chức có hệ thống từ Trung ương đến tỉnh, thành phố, quận, huyện, thị xã, xã phường, thị trấn. Phương thức hoạt động chủ yếu của báo cáo viên là thuyết trình, diễn thuyết, nói chuyện trực tiếp theo chủ đề trước tập thể với nhiều người nghe.

+ **Tuyên truyền viên** là lực lượng tuyên truyền miệng được tổ chức ở cấp cơ sở, không có hệ thống dọc từ Trung ương. Về nguyên tắc, mọi cán bộ, đảng viên đều có nhiệm vụ là tuyên truyền, thực hiện vận động, cổ động, thuyết phục quần chúng nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Phương thức hoạt động chủ yếu của tuyên truyền viên là vận động trực tiếp từng người, từng nhóm trong sinh hoạt lao động, công tác hàng ngày với quần chúng nhân dân. Đây chính là sự khác biệt chủ yếu giữa báo cáo viên với tuyên truyền viên.

Báo cáo viên, tuyên truyền viên phối hợp với nhau, trở thành lực lượng tuyên truyền miệng có tổ chức, có hệ thống từ Trung ương xuống tới đảng bộ, chi bộ cơ sở, tới tận cán bộ, đảng viên và nhân dân, thường xuyên gắn bó mật thiết với quần chúng nhân dân.

### *1.2- Sự cần thiết xây dựng đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên*

Việc xây dựng đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên của Đảng xuất phát từ cơ sở thực tiễn và lý luận sau:

- Xuất phát từ kinh nghiệm hoạt động thực tiễn trong quá trình tổ chức và lãnh đạo sự nghiệp cách mạng. Đảng ta luôn luôn quan tâm đến công tác tư tưởng nói chung, công tác tuyên truyền miệng nói riêng và đã sử dụng công tác tuyên truyền miệng như một phương thức hoạt động có hiệu quả, công cụ sắc bén để tổ chức, tập hợp quần chúng nhân dân, góp phần xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

- Xuất phát từ những ưu thế đặc trưng của công tác tuyên truyền miệng, mà không có một hình thức và phương tiện nào có thể thay thế trong công tác tuyên truyền để khai thác, phát huy thế mạnh trong hiện tại và tương lai.

- Xuất phát từ yêu cầu nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền, không ngừng nâng cao sức chiến đấu của Đảng trong sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tuyên truyền miệng góp phần khắc phục mặt trái của cơ chế thị trường, đấu tranh chống lại chiến lược “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch...

- Xuất phát từ những yêu cầu bức xúc cần phải tăng cường định hướng thông tin trong điều kiện bùng nổ thông tin toàn cầu; tình hình thế giới và trong nước có những diễn biến phức tạp; quá trình hội nhập quốc tế ngày càng sâu sắc và toàn diện.

- Hoạt động của báo cáo viên và tuyên truyền viên góp phần nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, nhằm thực hiện “*quyền được thông tin*” và “*dân chủ hóa*” về thông tin trong Đảng và trong xã hội, góp phần tích cực trong xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng chi bộ, đảng bộ trong sạch, vững mạnh, khắc phục sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống; thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

- Báo cáo viên, tuyên truyền viên là chiến sỹ tiên phong đấu tranh phê phán các tư tưởng lạc hậu, bảo thủ, cơ hội, chống các quan điểm sai trái, chống chiến lược “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch và sự “tự diễn biến” trong nội bộ, nhất là trên mặt trận tư tưởng, góp phần bảo vệ quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

### *1.3- Chức năng, nhiệm vụ chủ yếu của báo cáo viên*

Theo các quy định của Đảng, báo cáo viên có chức năng, nhiệm vụ sau:

- Cung cấp thông tin, bao gồm cả những thông tin có tính nội bộ, về tình hình quốc tế, trong nước; phổ biến, giải thích các quan điểm, đường lối, chủ trương chính sách lớn, mới, chỉ thị, nghị quyết, pháp luật của Đảng và Nhà nước trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại...

- Phân tích, bình luận, làm rõ nội dung, ý nghĩa chính trị của các sự kiện, các nhiệm vụ. Trên cơ sở lý luận, thực tiễn khoa học, xác đáng, có sức thuyết phục cao, báo cáo viên làm rõ bản chất các sự vật, hiện tượng, từ đó chỉ ra các nguyên nhân, dự báo chiều hướng, khả năng và triển vọng của tình hình, định hướng thông tin, nhất là những thông tin có tính chính trị cao.

- Báo cáo viên thực hiện thông tin hai chiều, nắm bắt và hướng dẫn dư luận xã hội. Vì vậy, báo cáo viên là kênh thông tin quan trọng, là cầu nối giữa Đảng với quần chúng nhân dân. Từ định hướng thông tin, báo cáo viên động viên, cổ vũ người nghe, tạo ra sự chuyển biến từ nhận thức đến hành động theo mục tiêu chính trị đề ra.

#### *1.4- Quyền và nghĩa vụ của báo cáo viên*

Thông báo Kết luận số 225-TB/TW, ngày 03/3/2009 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về *cải tiến, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các loại hình tuyên truyền* nêu rõ: Quy định quyền và trách nhiệm của báo cáo viên “*được dự một số cuộc họp, hội nghị của cấp ủy, được tiếp cận một số tài liệu của các cấp ủy có liên quan và cần thiết cho công tác tuyên truyền miệng*”.

Quy chế cung cấp thông tin phục vụ công tác tuyên truyền miệng của Đảng (Ban hành kèm theo Quyết định số 340-QĐ/TW, ngày 03-12-2010 của Ban Bí thư Trung ương Đảng) chỉ rõ “*Trách nhiệm của báo cáo viên các cấp của Đảng trong việc quản lý và sử dụng thông tin*”. Theo đó, báo cáo viên có trách nhiệm và quyền lợi như sau:

- Quản lý và sử dụng thông tin theo đúng quy định của Quy chế hoạt động báo cáo viên và những quy định khác của Đảng và Nhà nước; chấp hành nghiêm kỷ luật phát ngôn, giữ gìn bí mật của Đảng và Nhà nước.

- Khi thực hiện công tác tuyên truyền miệng theo sự phân công phải truyền tải đầy đủ, chính xác và trung thực nội dung thông tin do Ban Tuyên giáo chỉ đạo, hướng dẫn và chịu trách nhiệm về những thông tin mà báo cáo viên đưa ra.

- Báo cáo viên các cấp của Đảng được hưởng một số chế độ theo quy định.

## ***2- Yêu cầu đối với mỗi báo cáo viên, tuyên truyền viên***

### ***2.1- Những tiêu chuẩn về phẩm chất***

- Có lập trường quan điểm đúng đắn, có bản lĩnh chính trị vững vàng, trung thành với mục tiêu lý tưởng và sự nghiệp đổi mới của Đảng.

- Có tính Đảng, tính chiến đấu và ý thức tổ chức kỷ luật cao, đặc biệt là kỷ luật phát ngôn.

- Có phẩm chất đạo đức và tinh thần trách nhiệm cao; nhiệt tình, tâm huyết với nghề nghiệp, khiêm tốn học hỏi, gương mẫu và có mối quan hệ tốt với mọi người.

### ***2.2- Những tiêu chuẩn chủ yếu về năng lực***

- Nắm vững lý luận Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Có trình độ hiểu biết nhất định về các lĩnh vực: chính trị, tư tưởng, kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học. Biết vận dụng tâm lý học, phương pháp sư phạm và nghiệp vụ tuyên truyền, nhất là tuyên truyền miệng.

- Có khả năng tiếp nhận và xử lý thông tin, diễn đạt rõ ràng các vấn đề nêu lên, có phương pháp vận động thuyết phục quần chúng nhân dân, đồng thời có năng lực tự chủ và giao tiếp, đối thoại với người nghe...

*2.3- Nhiệm vụ rèn luyện, nâng cao phẩm chất, năng lực của báo cáo viên, tuyên truyền viên*

Do tính đặc thù của hoạt động tuyên truyền miệng, báo cáo viên, tuyên truyền viên phải không ngừng nâng cao phẩm chất và năng lực để đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ.

- Trước hết, cần rèn luyện bản lĩnh chính trị, sự nhạy bén chính trị để nói đúng quan điểm, đường lối của Đảng, không tùy tiện phát ngôn theo tùy hứng chủ quan; thận trọng, nhưng dám nói lên sự thật, nói đúng sự thật, bảo vệ chân lý một cách phù hợp.

- Rèn luyện tinh thần độc lập suy nghĩ, có ý thức trách nhiệm cao, nhiệt tình, sẵn sàng với công việc được giao. Báo cáo viên phải có lòng yêu nghề, coi tuyên truyền miệng như một nghề nghiệp, gắn bó, tâm huyết, trách nhiệm, niềm tin để truyền tâm huyết, niềm tin đến người nghe.

- Hoạt động của báo cáo viên là loại hình lao động trí tuệ, cần phải có sự cần cù, sâu sắc, sáng tạo trong nghiên cứu, tổng hợp, phân tích và phương pháp trình bày, nhất là nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ nói, biểu cảm; biết kế thừa, nhưng không bắt chước máy móc những phương pháp mà người khác đã trình bày.

- Báo cáo viên phải không ngừng học tập và tự rèn luyện. Thông qua hoạt động thực tiễn để vừa nâng cao kiến thức và bồi dưỡng vốn sống thực tế. Ngoài năng khiếu nói, báo cáo viên còn thường xuyên tự rèn luyện kỹ năng nói, nâng cao năng lực chuyên môn, tăng cường giao lưu, trao đổi, học hỏi kinh nghiệm của đồng nghiệp và thâm nhập thực tế của ngành, địa phương.

- Báo cáo viên cần thường xuyên tham dự các hội nghị thông tin, lớp tập huấn, bồi dưỡng để được cung cấp thông tin mới, phương pháp nghiệp vụ, nhất là đối với những báo cáo viên mới tham gia công tác.

- Báo cáo viên cần phải có nhận thức, hiểu biết toàn diện, sâu rộng về kiến thức xã hội.

### **III- Lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyên truyền miệng và hoạt động của báo cáo viên, tuyên truyền viên ở cơ sở**

#### ***1- Vai trò lãnh đạo của cấp ủy đảng đối với công tác tuyên truyền miệng, hoạt động của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên ở cơ sở***

Chỉ thị 17-CT/TW nhấn mạnh “*Cấp ủy đảng, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm lãnh đạo xây dựng, quản lý và chỉ đạo hoạt động của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên của ngành, cấp và đơn vị mình, phát huy vai trò của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên, ưu thế của công tác tuyên truyền miệng trên mặt trận tư tưởng - văn hóa. Tất cả các tổ chức đảng từ Trung ương đến cơ sở đều phải có lực lượng báo cáo viên, tuyên truyền viên*”.

Lãnh đạo của cấp ủy đảng đối với công tác báo cáo viên, tuyên truyền viên ở cơ sở gồm:

- Lãnh đạo hoạt động và tổ chức, xây dựng lực lượng báo cáo viên, tuyên truyền viên, vì báo cáo viên, tuyên truyền viên là đội ngũ tuyên truyền miệng có tổ chức của Đảng, do Đảng lựa chọn và quyết định, là công cụ quan trọng hàng đầu trong việc trực tiếp tuyên truyền, giáo dục đường lối, chủ trương của Đảng, truyền đạt quan điểm, chỉ thị, nghị quyết của Đảng tới đảng viên và quần chúng nhân dân.

- Nâng cao nhận thức của tổ chức Đảng, trước hết là đồng chí



bí thư của cấp ủy và thủ trưởng cơ quan, đơn vị, của mỗi cán bộ, đảng viên, nhận thức được tầm quan trọng đối với công tác tuyên truyền miệng, đối với công tác giáo dục chính trị ngay trong nội bộ Đảng và quần chúng nhân dân.

- Tăng cường vai trò lãnh đạo của cấp ủy đảng trong việc xây dựng và ban hành quy chế hoạt động báo cáo viên của cấp ủy, trong đó quy định rõ vị trí quan trọng và chức năng, nhiệm vụ cụ thể, tiêu chuẩn, chế độ chính sách và quyền hạn của đội ngũ báo cáo viên cấp ủy để báo cáo viên dựa vào những quy định thống nhất hoạt động.

- Căn cứ vào đề nghị của ban tuyên giáo, cấp ủy ra quyết định công nhận báo cáo viên (có sự bổ sung, điều chỉnh định kỳ), chỉ đạo, định hướng những nội dung quan trọng về chương trình, kế hoạch, trực tiếp tổ chức quán triệt sớm các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên và cấp mình cho đội ngũ báo cáo viên cùng cấp; kiểm điểm, tổng kết rút kinh nghiệm về lãnh đạo của cấp ủy đối với công tác này. Với các đảng bộ, chi bộ cơ sở, đồng chí bí thư, phó bí thư hoặc một đồng chí trong cấp ủy trực tiếp phụ trách công tác này.

## ***2- Vai trò của ban tuyên giáo đối với công tác tuyên truyền miệng, xây dựng đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên ở cơ sở***

Ban tuyên giáo là cơ quan tham mưu giúp cấp ủy tổ chức, quản lý và điều hành hoạt động của đội ngũ báo cáo viên. Nội dung bao gồm:

- *Tổ chức, xây dựng lực lượng báo cáo viên, tuyên truyền miệng*

Hệ thống báo cáo viên được tổ chức ở tất cả các cấp từ Trung ương đến các tỉnh, thành, huyện, quận, xã, phường và đảng bộ cơ sở; ở tất cả các tổ chức, ban ngành đoàn thể, các đảng ủy khối, đảng ủy trực thuộc Trung ương, trong lực lượng vũ trang (quân

đội, công an), trong các hội quần chúng. Ban tuyên giáo cơ sở có trách nhiệm giúp cấp ủy lựa chọn những cán bộ, đảng viên có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực và trình độ, nhất là có khả năng truyền đạt tham gia là báo cáo viên. Đề xuất để cấp ủy ra quyết định công nhận báo cáo viên. Tham mưu cho cấp ủy xây dựng quy chế hoạt động báo cáo viên, xác định nội dung, chương trình, kế hoạch hoạt động hàng năm, 6 tháng và từng tháng để báo cáo với cấp ủy.

*- Quản lý, điều hành, tổ chức hoạt động báo cáo viên*

Ban tuyên giáo cơ sở trực tiếp giúp cấp ủy chỉ đạo và quản lý hoạt động báo cáo viên: Định kỳ tổ chức các hội nghị để cung cấp thông tin và định hướng tuyên truyền cho báo cáo viên, chỉ đạo tổ chức và theo dõi, kiểm tra hoạt động của đội ngũ báo cáo viên. Quản lý và kiểm soát nội dung thông tin của báo cáo viên đảm bảo đúng định hướng tư tưởng chính trị. Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ tuyên truyền miệng cho báo cáo viên. Tham mưu đề xuất với cấp ủy đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện làm việc, chế độ, chính sách đối với báo cáo viên, tuyên truyền viên. Tổ chức các hội nghị sơ kết, tổng kết, đánh giá hoạt động báo cáo viên, tuyên truyền miệng.

#### **IV- Tăng cường công tác tuyên truyền miệng trong tình hình mới**

##### *1- Đánh giá công tác tuyên truyền miệng trong thời gian qua*

###### *1.1- Những kết quả đạt được*

- Công tác tuyên truyền miệng và hoạt động của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên đã có bước phát triển, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ công tác tư tưởng trong từng thời kỳ, góp phần tăng cường sự gắn bó giữa Đảng với nhân dân, tạo sự thống nhất về tư tưởng trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội.

- Công tác tuyên truyền miệng đã đi vào nề nếp, bám sát cơ sở, có cố gắng đổi mới nội dung và phương thức hoạt động để phù hợp với tình hình thực tiễn và trình độ nhận thức, yêu cầu của cán bộ, đảng viên và nhân dân ở mỗi đơn vị, thực sự là một trong những kênh quan trọng, có hiệu quả cao của công tác tư tưởng - văn hóa.

- Đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên được phát triển cả về số lượng và chất lượng, có nhiều hoạt động phong phú, tích cực, làm tốt vai trò là lực lượng nòng cốt, chủ lực thực hiện công tác tuyên truyền miệng của Đảng.

### *1.2- Nhưng hạn chế, yếu kém*

Bên cạnh những thành tựu đạt được, công tác tuyên truyền miệng ở cơ sở vẫn còn nhiều hạn chế yếu kém, nhất là trong việc thực hiện các chủ trương của Đảng về công tác tuyên truyền miệng và hoạt động của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên như:

- Một số cấp ủy và ban tuyên giáo chưa nhận thức đầy đủ ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác tuyên truyền miệng; chưa thực sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyên truyền miệng và việc xây dựng lực lượng, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên. Không ít cán bộ lãnh đạo chưa tích cực tham gia công tác tuyên truyền miệng với vai trò báo cáo viên, tuyên truyền viên. Nhiều đảng viên chưa chủ động tham gia tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho quần chúng.

- Chất lượng công tác tuyên truyền miệng còn hạn chế, chưa đáp ứng tốt nhu cầu của cán bộ, đảng viên, nhân dân có trình độ ngày càng cao và có nhiều nguồn thông tin. Tính thuyết phục, tính hấp dẫn chưa cao, gần đây có biểu hiện né tránh những vấn đề bức xúc mà dư luận quan tâm. Phương thức hoạt động còn nặng

về tuyên truyền một chiều từ trên xuống, ít chú trọng trao đổi, đối thoại trực tiếp với cán bộ, đảng viên và nhân dân.

- Lực lượng báo cáo viên, tuyên truyền viên đông nhưng chưa mạnh, nhiều vùng, lĩnh vực thiếu và yếu. Chất lượng còn nhiều hạn chế, chưa đủ sức giải đáp có sức thuyết phục những vướng mắc do thực tiễn cuộc sống đặt ra.

- Các chế độ, chính sách, điều kiện về cơ sở vật chất, kỹ thuật và tài chính cho công tác tuyên truyền miệng và hoạt động của báo cáo viên, tuyên truyền viên đã lạc hậu nhưng chậm được khắc phục...

## ***2- Yêu cầu mới của sự nghiệp cách mạng trong giai đoạn tới đối với công tác tuyên truyền***

- Từ nay đến giữa thế kỷ XXI toàn Đảng, toàn dân ta phải ra sức phấn đấu xây dựng nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Cùng với thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử mà đất nước ta đạt được trong gần 30 năm đổi mới, chúng ta cũng đang và sẽ phải đương đầu, phải giải quyết những khó khăn, thách thức mới do tác động của mặt trái kinh tế thị trường và quá trình hội nhập, nhất là những tác động về mặt xã hội, tư tưởng, tâm lý.

- Cuộc cách mạng khoa học công nghệ, nhất là công nghệ thông tin và xu hướng toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ, sâu sắc, tạo ra nhiều cơ hội và cả những thách thức gay gắt đối với quá trình phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

- Các thế lực cơ hội, phản động, thù địch tăng cường chống phá ta trên nhiều mặt, nhất là trên lĩnh vực chính trị, tư tưởng, thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình” ngày càng thâm độc, nham hiểm hơn. Cuộc đấu tranh ý thức hệ tiếp tục diễn ra dai dẳng, quyết liệt.

- Những năm tới trên lĩnh vực tư tưởng nói chung đang và sẽ xuất hiện nhiều vấn đề, lĩnh vực tư tưởng mới cần được nhận thức, đánh giá đúng để có xử lý chính xác.

Tình hình trên cho thấy, đã và đang xuất hiện nhiều vấn đề mới, đòi hỏi những người làm công tác tư tưởng nói chung và tuyên truyền miệng nói riêng phải tích cực, chủ động nghiên cứu, giải quyết; đòi hỏi Đảng ta phải đổi mới tư duy và nâng cao năng lực lãnh đạo ở lĩnh vực trọng yếu này.

### ***3- Một số nhiệm vụ chủ yếu để triển khai thực hiện tốt công tác tuyên truyền miệng***

- Trước hết cần phải quán triệt, nâng cao hơn nữa nhận thức của cấp uỷ về vị trí và tầm quan trọng của công tác tuyên truyền miệng trong công tác tư tưởng của Đảng. Xác định đây là một trong những kênh thông tin quan trọng nhất, trực tiếp truyền bá sâu rộng chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, phổ biến, giáo dục, quán triệt các quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; định hướng tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân trước các vấn đề, sự kiện quan trọng xảy ra trong và ngoài địa bàn; góp phần tạo sự thống nhất tư tưởng trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội, củng cố niềm tin, cổ vũ phong trào cách mạng. Đồng thời, đây là một trong những vũ khí sắc bén, kịp thời đấu tranh chống âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, phê phán các quan điểm sai trái, lệch lạc, phản động. Tuyên truyền miệng và đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên là một mắt khâu quan trọng, trực tiếp nối liền Đảng, Nhà nước với nhân dân, Trung ương với địa phương và cơ sở để vừa đưa chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật, chính sách của Nhà nước đến với nhân dân, vừa nắm bắt, phản ánh trung thực, kịp thời tư tưởng, tâm tư, nhu cầu, lợi ích, nguyện vọng của nhân dân đối với lãnh đạo Đảng, Nhà nước; gắn truyền

đạt với đối thoại, trao đổi, truyền tải trực tiếp những thông tin nội bộ cần thiết phục vụ công tác tư tưởng đối với tất cả các đối tượng ở mọi hoàn cảnh, điều kiện một cách linh hoạt.

- Xác định rõ công tác tuyên truyền miệng là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, trước hết là cấp ủy đảng, các đảng viên hoạt động trên mọi lĩnh vực đều phải có trách nhiệm làm nhiệm vụ tuyên truyền miệng, trực tiếp tham gia tuyên truyền đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; kịp thời thông tin và định hướng tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, coi đó là một tiêu chuẩn để đánh giá năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu, chất lượng công tác của các cấp ủy, tính tiên phong, gương mẫu và phẩm chất chính trị của mỗi đảng viên. Thực tế chỉ ra rằng, chỉ khi nào cấp ủy, cán bộ, đảng viên nhận thức rõ vị trí, tầm quan trọng của công tác tuyên truyền miệng, xác định rõ trách nhiệm của mình, tự giác, tích cực tham gia làm công tác tuyên truyền miệng thì mới tạo nên sự chuyển biến và hiệu quả thực sự của công tác tuyên truyền miệng.

- Cấp ủy và ban tuyên giáo phải thường xuyên chăm lo xây dựng và bồi dưỡng đội ngũ làm công tác tuyên truyền miệng, đặc biệt là đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên. Tăng cường công tác kiểm tra về công tác tuyên truyền miệng (cả chế độ kiểm tra thường xuyên lẫn kiểm tra đột xuất). Trước những vấn đề tư tưởng mới nảy sinh, cần tập trung chỉ đạo thống nhất, thông suốt và giải quyết kịp thời. Cấp ủy và ban tuyên giáo phải thường xuyên gặp gỡ cán bộ, đảng viên và lực lượng nòng cốt trong các đoàn thể nhân dân để nắm chắc tình hình tư tưởng, nhất là trước những biến động phức tạp của tình hình trong những thời điểm nhạy cảm nhằm góp phần ổn định tình hình chính trị - xã hội trên địa bàn... Định kỳ tổ chức khảo sát, điều tra, đánh giá kết quả và tổ chức rút kinh nghiệm về công tác tuyên truyền miệng. Trong nhiệm kỳ

của cấp ủy, nên có các nghị quyết chuyên đề về lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyên truyền miệng.

- Hiệu quả tuyên truyền phụ thuộc chủ yếu vào nội dung và phương pháp truyền đạt. Vì vậy, việc đổi mới nội dung và phương pháp tuyên truyền được xác định là khâu đột phá trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động của công tác tuyên truyền miệng. Nội dung tuyên truyền phải đảm bảo tính Đảng, tính chiến đấu, tính quần chúng và tính khoa học. Cho nên, nội dung bài nói của báo cáo viên phải đạt tới yêu cầu định hướng thông tin, định hướng tư tưởng về các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, về các sự kiện chính trị trọng đại trong nước và trên thế giới, từ đó chủ động giải thích cho người nghe nhận thức đúng hơn, sâu hơn, tạo dựng được niềm tin và hành động tích cực đối với người nghe. Tính tư tưởng, tính chiến đấu đòi hỏi báo cáo viên, khi thông tin về những quan điểm khác nhau phải có định hướng, phân tích theo lập trường, quan điểm của Đảng; lập luận chặt chẽ, lý lẽ sắc bén, dẫn chứng sát thực, sinh động có tính thuyết phục cao, để khẳng định và bảo vệ quan điểm, chủ trương và đường lối đúng đắn của Đảng.

- Tăng cường chất lượng thông tin theo hướng nâng cao tính thời sự, nhạy bén, kịp thời. Bám sát tình hình thực tiễn, những vấn đề mới nảy sinh để kịp thời tuyên truyền giải thích. Nội dung tuyên truyền cần ngắn gọn, dễ hiểu, sát với đời sống người dân; vấn đề tuyên truyền cần rõ ràng, cụ thể không nói nhiều lý luận cao xa; nội dung tuyên truyền được chuyển tải bằng ngôn ngữ của đối tượng, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số; gắn nội dung tuyên truyền với tình hình và nhiệm vụ chính trị của địa phương; nội dung phải cụ thể, thiết thực, có số liệu, tư liệu, sự kiện, căn cứ, lập luận rõ ràng, phù hợp với nhận thức của đồng bào, phù hợp với từng đối tượng cụ thể. Nội dung tuyên truyền

phải kết hợp hài hòa giữa xây và chống, giữa biểu dương cái tốt, cái mới, phê phán cái sai, cái lạc hậu, khắc phục tính chất cực đoan một chiều, dẫn tới những hậu quả xấu của kết quả tuyên truyền.

- Trong hoạt động tuyên truyền miệng, có nhiều phương pháp để chuyển tải thông tin. Mỗi phương pháp đều có những ưu thế và hạn chế nhất định. Tùy theo tình hình, đặc điểm đối tượng mà có những phương pháp tuyên truyền phù hợp. Qua đánh giá của các tầng lớp nhân dân về những phương pháp tuyên truyền miệng có hiệu quả trên địa bàn, cho thấy: các phương pháp thuyết trình, phương pháp đối thoại, phương pháp thông qua người có uy tín có hiệu quả rất cao. Do đó, cần tăng cường thực hiện các phương pháp này một cách hợp lý với chủ đề nội dung và đối tượng. Trong điều kiện dân chủ hóa các lĩnh vực của đời sống xã hội hiện nay và trình độ nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân ngày càng được nâng lên, cần tăng cường các phương pháp đối thoại và kết hợp hài hòa đối thoại với độc thoại. Những phương pháp đối thoại như tọa đàm, trao đổi, thảo luận, tranh luận, hỏi-đáp... là những phương pháp rất phù hợp trong tình hình hiện nay.

- Xây dựng đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên có trình độ lý luận chính trị, trình độ chuyên môn; có khả năng nghiệp vụ phân tích, tổng hợp và kiến thức sư phạm cần thiết để làm công tác tuyên truyền miệng; nhiệt tình và có trách nhiệm với công việc, có ý thức tổ chức kỷ luật. Lựa chọn những báo cáo viên tinh thông nghiệp vụ, có kinh nghiệm thực tiễn, am hiểu đồng bào dân tộc (từ ngôn ngữ, chữ viết cho đến phong tục tập quán, lối sống, lối hành xử...) để xây dựng một đội ngũ báo cáo viên chuyên trách trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tiếp tục củng cố, kiện toàn và tổ chức đội ngũ tuyên truyền viên ở các thôn, làng, xác định rõ tuyên truyền viên là lực lượng trực tiếp làm công tác tuyên truyền



miệng ở đảng bộ cơ sở, chi bộ đảng và các cụm dân cư. Tuyên truyền viên phải là những đảng viên, đoàn viên, hội viên trung thành với lý tưởng cách mạng, thật thà, gương mẫu trong công tác và cuộc sống; chấp hành nghiêm chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, có ý thức tổ chức kỷ luật; được quần chúng tin cậy; có trình độ, có nhiệt tình và khả năng tuyên truyền, thuyết phục quần chúng. Chú trọng phát huy vai trò của lực lượng giáo viên, cán bộ y tế, bộ đội và cán bộ hưu trí, cựu chiến binh, trí thức và người có uy tín trong vùng đồng bào.

- Trong thực tế hiện nay, cơ sở vật chất, trang thiết bị của hệ thống làm công tác tuyên truyền miệng ở cơ sở đang còn rất thiếu và yếu. Kinh phí hoạt động hết sức hạn hẹp. Để đảm bảo cho hệ thống công tác tuyên truyền miệng hoạt động có hiệu quả, cần đầu tư đúng mức về cơ sở vật chất, đầu tư và cung cấp trang thiết bị phù hợp với điều kiện phát triển của công nghệ thông tin như máy tính, máy ghi âm, tivi, radio... cho đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên truyền. Đồng thời cũng tập huấn cho đội ngũ làm công tác tuyên truyền biết sử dụng thành thạo, phát huy ưu thế của công nghệ thông tin trong thực hiện nhiệm vụ của mình, nhằm phát huy tối đa ưu thế công nghệ thông tin trong công tác tư tưởng. Tăng cường đầu tư có trọng tâm đối với những địa bàn trọng điểm. Đảm bảo cung cấp đủ kinh phí cho hoạt động tuyên truyền; cung ứng kịp thời và đầy đủ nguồn tài liệu phù hợp với từng địa bàn, nhất là các tài liệu, tư liệu, bản tin, băng ghi âm, ghi hình, đĩa hình... giúp cho báo cáo viên, tuyên truyền viên tiếp cận nhanh với các ấn phẩm thông tin mới mang tính thời sự, đa dạng, phong phú và hấp dẫn./.

## *Chuyên đề 6*

# **CÔNG TÁC GIÁO DỤC LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ VÀ GIÁO DỤC TRUYỀN THÔNG CÁCH MẠNG Ở CƠ SỞ**

## **A- Công tác giáo dục lý luận chính trị**

### **I- Khái quát chung**

#### ***1- Khái niệm***

*Giáo dục lý luận chính trị* là quá trình phổ biến, truyền bá một cách cơ bản, có hệ thống nền tảng tư tưởng, cương lĩnh, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho cán bộ, đảng viên và nhân dân. Nhiệm vụ cơ bản của giáo dục lý luận chính trị là nâng cao nhận thức lý luận, qua đó xây dựng thế giới quan khoa học, nhân sinh quan cách mạng, phương pháp luận duy vật, biện chứng, đạo đức, lối sống, tạo nên bản lĩnh chính trị, niềm tin vào mục tiêu lý tưởng của Đảng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân.

#### ***2- Nội dung của công tác giáo dục lý luận chính trị***

- Phổ biến, truyền bá những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nền tảng tư tưởng của Đảng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân.

- Phổ biến quan điểm, đường lối của Đảng qua Cương lĩnh, các nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Nhiệm vụ chính trị của địa phương.

- Phổ biến chủ trương, định hướng lớn của Đảng, các chính sách, biện pháp của Nhà nước để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng trong mỗi thời kỳ.

- Phổ biến tình hình thời sự chính trị trong Đảng, xã hội và định hướng tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, nhân dân.

### ***3- Vai trò công tác giáo dục lý luận chính trị***

Công tác giáo dục lý luận chính trị là biện pháp chủ yếu để giác ngộ quần chúng. Trang bị cho cán bộ, đảng viên và nhân dân những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, làm cho mọi người có nhận thức đúng đắn, niềm tin vững chắc vào lý tưởng cộng sản, vào con đường và biện pháp do Đảng vạch ra để thực hiện lý tưởng đó; giác ngộ và động viên quần chúng hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị cụ thể mà các tổ chức, đoàn thể chính trị - xã hội giao cho họ trong từng giai đoạn cách mạng.

Thông qua nghiên cứu, giáo dục lý luận chính trị, trình độ lý luận chính trị trong toàn Đảng được nâng cao, là cơ sở quan trọng để Đảng xây dựng đường lối chính trị đúng đắn. Công tác giáo dục lý luận chính trị góp phần làm cho toàn Đảng thống nhất mục tiêu lý tưởng, cương lĩnh, đường lối, thống nhất về ý chí, hành động, khắc phục biểu hiện suy thoái tư tưởng chính trị.

Công tác giáo dục lý luận chính trị góp phần nâng cao ý thức tự giác tu dưỡng đạo đức cách mạng, khắc phục chủ nghĩa cá nhân trong đội ngũ cán bộ, đảng viên. Đồng thời, góp phần vào việc nâng cao năng lực tổ chức, tập hợp, động viên, giáo dục, thuyết phục quần chúng của đội ngũ cán bộ của Đảng.

### ***4- Yêu cầu, nhiệm vụ công tác giáo dục lý luận chính trị trong thời kỳ mới***

#### *4.1- Yêu cầu*

*Một là*, tạo ra sự nhất trí cao đối với đường lối của Đảng, có ý chí nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hoá thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, vững bước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

*Hai là*, xây dựng con người Việt Nam đủ khí phách, bản lĩnh, phẩm chất, đạo đức và kiến thức trong thời kỳ mới, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

*Ba là*, phát huy tinh thần cách mạng tiến công, giữ vững và tăng cường chủ động trên trận địa tư tưởng, làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn và hành động “diễn biến hòa bình” trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa của các thế lực thù địch.

#### *4.2- Nhiệm vụ*

*Một là*, tiếp tục giáo dục tư tưởng trong Đảng và nhân dân kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối đổi mới của Đảng, làm cho ý chí kiên định đó trở thành lập trường chính trị không thể lay chuyển, kiên quyết đấu tranh chống những quan điểm sai trái, thù địch, ngăn ngừa ảnh hưởng của chủ nghĩa cơ hội dưới mọi màu sắc. Kiên định nhưng phải sáng tạo, phát triển không ngừng.

Tích cực thực hiện có hiệu quả việc xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, các tổ chức đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh; ngăn chặn và từng bước đẩy lùi tham nhũng, lãng phí, ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên.

*Hai là*, tiếp tục giáo dục sâu rộng trong Đảng và nhân dân đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Giai đoạn hiện nay cần tập trung quán triệt quan điểm cơ bản của Đảng “Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng nước kém phát triển” và phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước “công nghiệp theo hướng hiện đại”.

*Ba là*, giáo dục nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, kiến thức và năng lực thực tiễn của cán bộ, đảng viên và nhân dân, đưa việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trở thành việc làm thường xuyên, góp phần ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân.

*Bốn là*, giáo dục, nâng cao cảnh giác, chống các âm mưu thủ đoạn và hành động “diễn biến hoà bình” gây bạo loạn, lật đổ và răn đe quân sự của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch. Nhất là làm thất bại tư tưởng ly khai tự trị, âm mưu thành lập cái gọi là “Nhà nước Đêga” của bọn phản động FULRO lưu vong.

Giáo dục cho cán bộ, đảng viên và nhân dân hiểu bản chất và mức độ nguy hiểm của chiến lược “diễn biến hoà bình”, động viên nhân dân tích cực tham gia chống lại âm mưu và thủ đoạn “diễn biến hòa bình” để bảo vệ chế độ, bảo vệ chủ quyền quốc gia. Đồng thời, phải tăng cường phát huy truyền thống đại đoàn kết dân tộc, không ngừng củng cố mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân.

## **II- Công tác giáo dục lý luận chính trị ở cơ sở**

### ***1- Đối tượng, nội dung giáo dục lý luận chính trị ở cơ sở***

- Công tác giáo dục lý luận chính trị ở cơ sở thuộc hệ giáo dục phổ cập, vì vậy phải quan tâm đến mọi thành viên ở cơ sở, trước hết là cán bộ, đảng viên và đội ngũ cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị ngoài diện đào tạo, bồi dưỡng do trường chính trị tỉnh phụ trách và các đoàn viên, hội viên của các đoàn thể cơ sở.

- Nội dung cơ bản của giáo dục lý luận chính trị ở cơ sở là những vấn đề cơ bản, thiết thực nhất của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Cương lĩnh, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ sở.

### ***2- Tổ chức lực lượng làm công tác giáo dục lý luận chính trị ở cơ sở***

Toàn bộ cán bộ, đảng viên trong hệ thống chính trị ở cơ sở đều có trách nhiệm trong công tác giáo dục lý luận chính trị ở cơ sở, nhất là công tác giác ngộ quần chúng, đoàn viên, hội viên về chủ nghĩa Mác - Lênin, về Đảng quang vinh, về Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, về Nhà nước Pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, về trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn công dân... Trong đó, Ban tuyên giáo cấp xã là cơ quan tham mưu và là lực lượng chủ yếu trực tiếp giúp cấp ủy tổ chức học tập nghị quyết và các chỉ thị của Đảng.

### ***3- Một số vấn đề về giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh***

- Xây dựng quy hoạch, kế hoạch bồi dưỡng lý luận chính trị hàng năm cho các đối tượng: Bí thư đảng bộ, chi bộ, cấp ủy viên; trưởng thôn; đảng viên mới; đối tượng phát triển đảng;

trưởng các ban, ngành, đoàn thể... Kế hoạch được cấp ủy thông qua gửi lên Trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện để đưa vào kế hoạch mở lớp.

Những cơ sở có điều kiện và khả năng cần chủ động xây dựng kế hoạch mở lớp tại chỗ. Trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện hỗ trợ về giảng viên, tài liệu, thủ tục mở lớp và cấp chứng chỉ cho học viên...

- Thực hiện các hình thức tuyên truyền, giáo dục lý luận chính trị sinh động, thiết thực, như tổ chức lớp học kết hợp tổ chức thi tìm hiểu về lịch sử truyền thống dân tộc, về Đảng, Bác Hồ, về đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật; thi bí thư chi bộ, trưởng thôn giỏi...

- Tổ chức cho cán bộ chủ chốt của hệ thống chính trị học tập các chương trình chuyên đề có liên quan đến đường lối, quan điểm của Đảng do Ban Tuyên giáo Trung ương ban hành, giới thiệu những chuyên đề nhân các ngày lễ lớn, học tập, nghiên cứu các chuyên đề về tư tưởng Hồ Chí Minh...

- Giao nhiệm vụ cho cán bộ, đảng viên phụ trách hộ dân, tuyên truyền giác ngộ quần chúng.

### **III- Quy trình tổ chức học tập, quán triệt và triển khai thực hiện nghị quyết của Đảng**

#### ***1- Mục đích của công tác tổ chức học tập, quán triệt và triển khai thực hiện nghị quyết của Đảng***

- Việc học tập, quán triệt đường lối, nghị quyết, chỉ thị, quyết định... (gọi chung là nghị quyết) của Đảng nhằm giúp cán bộ, đảng viên nắm vững những luận điểm cơ bản trong các văn kiện, qua đó, tích cực thực hiện một cách sáng tạo trong thực tiễn công tác và đời sống, nâng cao ý chí, tinh thần cách mạng đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống.

- Thông qua thảo luận và xây dựng chương trình hành động ở đơn vị, ngành, địa phương, cơ sở tạo ra phong trào thi đua thực hiện thắng lợi nghị quyết.

- Tuyên truyền, phổ biến sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân, tạo sự tin tưởng và quyết tâm thực hiện nghị quyết của Đảng, chấp hành nghiêm chỉnh chính sách, pháp luật của Nhà nước, tích cực tham gia vào các phong trào thi đua yêu nước, tạo sự thống nhất về ý chí và hành động trong toàn Đảng, toàn dân và toàn quân.

## **2- Quy trình chung**

Đối với ban tuyên giáo các đảng ủy xã, phường, thị trấn trong quá trình tham mưu tổ chức học tập nghị quyết của Đảng ở địa phương cần chú ý một số vấn đề cơ bản:

- Xây dựng kế hoạch học tập nghị quyết, chuẩn bị tài liệu và những điều kiện vật chất khác, thông báo sớm để đảng viên sắp xếp công việc đến dự đông đủ, nghiêm túc. Cố gắng tổ chức để tất cả đảng viên trong Đảng bộ được học. Nếu số lượng đảng viên đông có thể phân chia thành hai, ba lớp nối tiếp nhau, hoặc tổ chức học tập kỹ cho đội ngũ đảng ủy viên, bí thư chi bộ, chi ủy viên để về truyền đạt, hướng dẫn lại cho đảng viên trong chi bộ.

- Lựa chọn, bố trí báo cáo viên nắm chắc tinh thần nội dung cơ bản của nghị quyết và có phương pháp trình bày, phân tích dễ hiểu, dễ nhớ để giúp người học hiểu đúng, hiểu rõ nghị quyết.

- Mỗi lần học nghị quyết nhất thiết phải có báo cáo của cấp uỷ về dự thảo chương trình, kế hoạch thực hiện nghị quyết của cơ sở.

- Cố gắng bảo đảm cho mỗi chi bộ có ít nhất một cuốn Văn kiện nghị quyết và cuốn tài liệu học tập nghị quyết (tài liệu dành



cho cán bộ, đảng viên ở cơ sở) giúp đảng viên trong chi bộ nghiên cứu sâu và kỹ hơn.

- Khi đã học nghị quyết, đã có chương trình, kế hoạch thực hiện nghị quyết phải tập trung chỉ đạo có hiệu quả, tạo chuyển biến thực sự, đảm bảo “nói đi đôi với làm”. Đảng viên nào không làm, làm không đầy đủ hoặc làm trái nghị quyết của Đảng phải bị phê bình, xử lý nghiêm túc.

### **Quy trình cụ thể bao gồm các nội dung:**

#### *2.1- Công tác chuẩn bị*

##### *a. Nắm vững nội dung cốt lõi và tinh thần của văn bản*

Bám sát, nắm vững cơ sở lý luận - thực tiễn, diễn biến của quá trình hình thành những chủ trương, quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp được nêu trong nghị quyết, từ đó xác định:

- Sự cần thiết, tầm quan trọng, ý nghĩa của nghị quyết.
- Những nội dung cơ bản và mới của nghị quyết (so với các nghị quyết thuộc lĩnh vực này).

##### *b. Nghiên cứu tinh thần chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên*

- Xác định rõ mục đích, yêu cầu.
- Nội dung những việc cần làm, thời hạn hoàn thành...

#### *2.2- Tham mưu với cấp ủy*

- Xác định nội dung các công việc cấp ủy cần làm:
  - + Báo cáo nhanh nghị quyết cho cán bộ chủ chốt hoặc toàn thể cán bộ, đảng viên trong đảng bộ (nếu thấy cần thiết).
  - + Ban hành hướng dẫn, kế hoạch (nếu cần) cho các cấp ủy trực thuộc.
  - + Tổ chức các hội nghị do cấp ủy chủ trì.

+ Xây dựng và triển khai thực hiện chương trình hành động, kế hoạch thực hiện nghị quyết.

- Xác định các nội dung cấp ủy cần quyết định hay cho ý kiến.

- Xây dựng văn bản và trình xin ý kiến.

### *2.3- Báo cáo nhanh nghị quyết (nếu cần thiết)*

- Xác định đối tượng báo cáo nhanh: Cho cán bộ chủ chốt hoặc toàn thể cán bộ, đảng viên.

- Thời gian: Ngay sau khi kết thúc Hội nghị quán triệt, học tập nghị quyết ở cấp trên, không cần chờ đến khi có văn bản chính thức.

- Nội dung báo cáo nhanh:

+ Ý nghĩa, tầm quan trọng của nghị quyết.

+ Những nội dung cơ bản nhất của nghị quyết.

+ Yêu cầu triển khai thực hiện nghị quyết.

### *2.4- Xây dựng các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn*

- Việc xác định hình thức văn bản căn cứ vào yêu cầu, nhiệm vụ của cấp trên và tính chất, tầm quan trọng của nghị quyết.

- Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn không được sao nguyên văn bản của tỉnh, huyện, nhưng cũng tránh bỏ sót những nội dung cần thiết.

- Văn bản hướng dẫn cần ngắn gọn, dễ hiểu, không dùng cách nói đa nghĩa; truyền tải đủ các nội dung mà cấp dưới cần thực hiện bảo đảm đưa nghị quyết vào cuộc sống một cách hiệu quả nhất. Hướng dẫn phải chi tiết, cụ thể, nhưng vẫn bảo đảm cho sáng tạo, phù hợp với đặc điểm, tình hình địa phương, cơ sở.

### *2.5- Chuẩn bị tổ chức hội nghị học tập, quán triệt*

#### *a. Xây dựng kế hoạch tổ chức các hội nghị học tập, quán triệt*

Căn cứ vào chỉ thị, hướng dẫn của cấp trên và yêu cầu của cấp ủy để xây dựng kế hoạch. Nội dung kế hoạch gồm:

- Đối tượng mở lớp và số lớp cần mở.

- Thời gian và nội dung học tập, quán triệt (chú ý phân bố thời gian hợp lý, tránh chồng chéo với các hội nghị khác của địa phương, cấp trên).

- Nội dung chương trình, dự kiến báo cáo viên.

- Tài liệu, kinh phí, địa điểm, phương tiện, hội trường, tiến độ hoàn thành.

- Dự kiến nhân sự tổ chức thực hiện; thành lập ban tổ chức (nếu thấy cần thiết).

### *b. Chuẩn bị tài liệu*

- Yêu cầu: Tài liệu cần được chuẩn bị đầy đủ, bảo đảm yêu cầu chuyển tải được những nội dung cơ bản, cốt lõi của nghị quyết, phân tích làm rõ cơ sở lý luận - thực tiễn của những điểm mấu chốt và mới trong nghị quyết.

- Các loại tài liệu: Văn bản chính thức; các tài liệu do Ban Tuyên giáo Trung ương biên soạn cho các đối tượng khác nhau (xác định đúng đối tượng để lựa chọn tài liệu); các tài liệu của địa phương, cơ sở (nếu cần phải xin ý kiến cấp ủy để tổ chức biên soạn).

Tùy thuộc tính chất của nghị quyết mà Ban Tuyên giáo Trung ương biên soạn các loại tài liệu khác nhau. Thông thường, Ban Tuyên giáo Trung ương biên soạn 4 loại tài liệu cho các đối tượng khác nhau:

+ Tài liệu nghiên cứu dùng cho cán bộ chủ chốt và báo cáo viên.

+ Tài liệu học tập dùng cho cán bộ, đảng viên ở cơ sở.

+ Tài liệu hỏi đáp dùng cho hội viên, đoàn viên các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân.

+ Tài liệu tham khảo dùng cho những người nghiên cứu sâu về nghị quyết.

### *c. Báo cáo viên*

Báo cáo viên phải chuẩn bị kỹ bài giới thiệu nghị quyết: vừa trình bày được những nội dung chính của nghị quyết vừa phân tích có sức thuyết phục những cơ sở lý luận - thực tiễn và điều kiện để thực hiện những chủ trương, quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp mới trong nghị quyết.

Điều đặc biệt lưu ý là tùy từng đối tượng mà báo cáo viên có phương pháp truyền đạt thích hợp và gợi mở được những vấn đề cần thảo luận.

### *2.6- Xây dựng dự thảo chương trình hành động*

Chương trình hành động không phải là nghị quyết của cấp ủy cấp dưới để thực hiện nghị quyết của cấp ủy cấp trên; cũng không phải là “chép” lại nghị quyết cấp trên.

Chương trình hành động phải thể hiện một số nội dung phù hợp (không phải tất cả nội dung) trong nghị quyết mà địa phương, ngành cần triển khai thực hiện. Một số nội dung này đáp ứng những yêu cầu, đòi hỏi của địa phương, ngành; đồng thời địa phương, ngành có điều kiện để thực hiện có hiệu quả.

### *2.7- Tổ chức lớp học tập, quán triệt*

- Ổn định lớp và giới thiệu báo cáo viên truyền đạt nghị quyết.

- Phần truyền đạt nghị quyết, lưu ý:

+ Tổ chức theo dõi báo cáo viên trình bày trên lớp.

Trong quá trình báo cáo viên trình bày, nếu thấy có vấn đề gì cần rút kinh nghiệm thì vào giờ giải lao cần gặp riêng để trao đổi.

+ Theo dõi học viên trong lớp học.

+ Quan sát để xem học viên có tiếp thu tốt hay không bài truyền đạt của báo cáo viên để rút kinh nghiệm.

+ Rút kinh nghiệm buổi nghe truyền đạt nghị quyết.

- Phân thảo luận, các vấn đề cần lưu ý:

+ Gợi ý những vấn đề cần đi sâu thảo luận để nắm vững nội dung cốt lõi và mới của nghị quyết và chương trình hành động.

+ Điều hành, hướng dẫn thảo luận.

+ Tạo không khí dân chủ, tự do tư tưởng, thẳng thắn để thảo luận.

+ Tập trung thảo luận để nắm nội dung cơ bản và mới của nghị quyết, của chương trình hành động, đặc biệt thảo luận những giải pháp cơ bản để thực hiện chương trình hành động của cấp ủy.

- Giải đáp và kết luận.

Mời báo cáo viên hoặc thường trực cấp ủy giải đáp những vấn đề học viên còn thắc mắc và kết luận những vấn đề quan trọng cần nắm vững khi quán triệt và thực hiện nghị quyết.

*2.8- Sơ kết, rút kinh nghiệm và báo cáo về đợt tổ chức học tập, quán triệt nghị quyết*

Tập trung rút kinh nghiệm những nội dung:

- Công tác chuẩn bị.

- Công tác tổ chức các lớp.

- Kết quả, hiệu quả.

- Các bài học kinh nghiệm.

- Viết báo cáo gửi cấp trên.

*2.9- Triển khai chương trình, kế hoạch thực hiện nghị quyết*

- Cấp ủy dự thảo và thông qua chương trình, kế hoạch thực hiện nghị quyết.

- Chuẩn bị điều kiện về tài chính, vật chất, kỹ thuật và con người để thực hiện chương trình, kế hoạch thực hiện nghị quyết.

- Xây dựng và thông qua kế hoạch tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch.

- Từng bước thực hiện theo kế hoạch đã được thông qua.

- Đánh giá, sơ kết, rút kinh nghiệm và bổ sung giải pháp thực hiện theo định kỳ.

- Tổng kết việc thực hiện chương trình hành động.

*2.10- Kiểm tra, giám sát việc tổ chức học tập, quán triệt và triển khai thực hiện nghị quyết của cấp dưới*

Đảng ủy cơ sở cần thường xuyên kiểm tra cán bộ, đảng viên thực hiện các quy định về học tập giáo dục lý luận chính trị, kịp thời biểu dương những tấm gương học tập tốt; nhắc nhở, phê bình những trường hợp lười học, ngại học. Hàng năm, khi phân tích chất lượng chi bộ, đảng viên cần lấy kết quả học tập, nhất là học tập lý luận chính trị làm một tiêu chuẩn để xem xét, đánh giá. Việc kiểm tra, đánh giá cần thực hiện theo các bước:

- Xây dựng và ban hành kế hoạch kiểm tra, giám sát.

- Thành lập và tổ chức các đoàn kiểm tra, giám sát.

- Theo dõi, giám sát quá trình học tập, thực hiện nghị quyết ở cơ sở.

- Báo cáo đánh giá cho cấp ủy.

*2.11- Tổ chức tuyên truyền nghị quyết trong nhân dân*

- Việc giáo dục nghị quyết, trước hết thông qua các hình thức sinh hoạt của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở cơ sở, chú trọng bồi dưỡng đội ngũ cán bộ để họ phát huy được vai trò tích cực trong việc tổ chức học tập và thực hiện nghị quyết trong tổ chức, đoàn thể mình.

- Gắn nội dung tuyên truyền, phổ biến nghị quyết với nội dung các kỳ sinh hoạt thôn, làng, tổ dân phố. Sử dụng có hiệu quả hệ thống truyền thanh xã, phường, thị trấn để giúp nhân dân hiểu được những điều thật cần thiết trong nghị quyết.

Tài liệu phổ biến rộng rãi dành cho nhân dân là cuốn Hỏi - Đáp do Ban Tuyên giáo Trung ương biên soạn và các tài liệu tuyên truyền, phổ biến nghị quyết của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy (nếu có). Chương trình hành động của đảng bộ phải được tuyên truyền, phổ biến rộng rãi và trở thành các phong trào hoạt động cụ thể của nhân dân hưởng ứng và làm theo nghị quyết của Đảng.

### ***3- Về tổ chức giáo dục sâu rộng chính sách, pháp luật của Nhà nước***

- Chính sách, pháp luật của Nhà nước là sự thể chế hoá quan điểm, đường lối của Đảng. Vì vậy, giáo dục chính sách, pháp luật chính là nội dung, hình thức giáo dục lý luận chính trị. Cần có kế hoạch tổ chức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nghiên cứu về các chính sách, pháp luật hiện hành, nhất là các chính sách, pháp luật có quan hệ trực tiếp đến đời sống của nhân dân như Luật đất đai, Luật bảo vệ rừng, Luật hợp tác xã, Pháp lệnh dân chủ ở xã, phường, thị trấn, Pháp lệnh chống tham nhũng, Pháp lệnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Bộ luật hình sự, Bộ luật dân sự, Luật nghĩa vụ quân sự, Luật giáo dục, Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo,...

- Mọi đảng viên phải học, nắm vững và thực hiện nghiêm túc, đồng thời phổ biến sâu rộng và vận động nhân dân chấp hành đúng chính sách, pháp luật hiện hành của Nhà nước.

- Hình thức giáo dục chủ yếu là thông qua sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt đoàn thể thôn, làng, tổ dân phố... Mặt khác, cần thường xuyên theo dõi kiểm tra, kịp thời biểu dương những gương chấp

hành tốt; nhắc nhở phê phán những trường hợp làm sai, nhất là những việc cố ý làm trái quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Sử dụng có hiệu quả tử sách pháp luật của xã, phường, đơn vị.

## **B- Công tác giáo dục truyền thống cách mạng ở cơ sở**

### **I- Mục đích của giáo dục truyền thống**

1- Truyền thống là thói quen được hình thành từ lâu đời trong lối sống và nếp nghĩ, được truyền lại từ thế hệ này sang thế hệ khác. Truyền thống có tính cộng đồng và tính lịch sử; có tính ổn định và bền vững tương đối; có thể trở thành những chuẩn mực, định hướng hành động cho các cá nhân và cộng đồng.

2- Truyền thống cách mạng là truyền thống của giai cấp công nhân và nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Giáo dục truyền thống cách mạng nhằm nâng cao lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc cho quần chúng nhân dân là một nhiệm vụ thường xuyên, cần thiết đối với Đảng trong tiến trình xây dựng và phát triển đất nước.

### **II- Nội dung chủ yếu của giáo dục truyền thống cách mạng**

**1- Giáo dục chủ nghĩa yêu nước:** Yêu nước là giá trị truyền thống cao quý nhất của nhân dân ta được hun đúc suốt quá trình hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước, trở thành cội nguồn sức mạnh của dân tộc. Ngày nay giáo dục truyền thống yêu nước cần gắn liền với yêu chủ nghĩa xã hội, đó là mục tiêu lý tưởng của Đảng ta và của dân tộc ta.

**2- Giáo dục truyền thống đoàn kết, gắn bó trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam:** Lòng nhân ái “thương người như thể thương thân”, truyền thống đoàn kết hợp tác, giúp nhau trong khó khăn,



hoạn nạn... là truyền thống cực kỳ quý báu của dân tộc ta, ngày nay được Đảng ta kế thừa và phát huy trên tinh thần của chủ nghĩa nhân đạo mác-xít, trên tinh thần quốc tế vô sản cao cả.

**3- Truyền thống anh hùng, bất khuất trong đấu tranh dựng nước và giữ nước** của dân tộc được Đảng ta phát huy và phát triển thành chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong chiến đấu và lao động sáng tạo trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

**4- Cần cù và sáng tạo trong lao động** là nét đẹp truyền thống của nhân dân ta. Trong cách mạng, truyền thống ấy được kế thừa và phát huy trên tinh thần tự hào và tự tôn dân tộc, trở thành thái độ lao động mới, lao động sáng tạo, có kỷ luật, có kỹ thuật, có năng suất lao động cao, phấn đấu vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

**5- Tinh thần lạc quan cách mạng trong cuộc sống và trong sự nghiệp đấu tranh cách mạng.** Đây cũng là truyền thống tốt đẹp của dân tộc được Đảng ta phát huy và phát triển trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Trong quá trình cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng, cùng với những truyền thống vốn có của dân tộc thì nhiều giá trị tinh thần mới được hình thành và phát triển, trở thành truyền thống tốt đẹp của nhân dân ta như tinh thần dân chủ, thi đua yêu nước, “uống nước nhớ nguồn”, “đền ơn đáp nghĩa”, tinh thần quốc tế thủy chung trong sáng...

Giáo dục truyền thống cách mạng là nhằm “xây dựng những con người và thế hệ Việt Nam gắn bó thiết tha với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội”; có đạo đức trong sáng; có ý chí kiên cường xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; giữ gìn và phát huy các giá trị của văn

hóa dân tộc, có năng lực tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, phát huy tiềm năng của dân tộc và con người Việt Nam; có ý thức cộng đồng và phát huy tính tích cực của cá nhân, làm chủ tri thức khoa học và công nghệ hiện đại, có tư duy sáng tạo, có kỹ năng thực hành giỏi, có tác phong công nghiệp, có tính tổ chức và kỷ luật; có sức khỏe, là những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng” vừa “chuyên” như lời căn dặn của Bác Hồ.

### **III- Hình thức giáo dục truyền thống cách mạng**

Tùy theo nội dung và điều kiện cụ thể của từng cơ sở mà có thể lựa chọn các hình thức phù hợp. Theo sự tập hợp từ các ngành, địa phương, có một số hình thức sau:

1- Tổ chức mít-tinh tuyên truyền cổ động ở cơ sở vào dịp các ngày lễ lớn của dân tộc và cách mạng. Tổ chức tốt công tác tuyên truyền miệng, thông tin cổ động về đề tài này qua hoạt động của các đoàn thể chính trị-xã hội ở địa phương.

2- Tổ chức sinh hoạt chính trị tư tưởng; thi tìm hiểu các đề tài về truyền thống cách mạng; nêu gương; tham quan; lễ hội quần chúng; các hoạt động về nguồn...

3 - Sử dụng các loại hình văn học nghệ thuật, thể thao...

Cần tổ chức sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm công tác giáo dục truyền thống theo định kỳ hàng tháng, quý, năm. Tổ chức rút kinh nghiệm sau mỗi đợt phát động phong trào, tổ chức các hội thi... Đây là việc làm cần thiết góp phần quan trọng vào việc nâng cao hiệu quả công tác giáo dục truyền thống cách mạng.

## *Chuyên đề 7*

# **CÔNG TÁC KHOA GIÁO CƠ SỞ**

### **I- Khái quát về công tác khoa giáo**

#### ***1- Khái niệm công tác khoa giáo***

Công tác khoa giáo là một bộ phận quan trọng của công tác tuyên giáo; là hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng trong các lĩnh vực giáo dục-đào tạo và dạy nghề; khoa học-công nghệ và môi trường; công tác trí thức; chăm sóc sức khỏe nhân dân; công tác dân số; công tác gia đình, trẻ em; thể dục-thể thao; các vấn đề an sinh xã hội và phòng chống tệ nạn xã hội nhằm thực hiện đường lối của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân, chăm lo nhân tố con người, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học-công nghệ vào sản xuất và đời sống, góp phần thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

#### ***2- Vai trò, vị trí của công tác khoa giáo***

- Công tác khoa giáo là lĩnh vực hoạt động phục vụ mục tiêu phát triển con người toàn diện.

- Công tác khoa giáo là khâu đột phá phục vụ quá trình CNH, HĐH đất nước.

- Nâng cao tiềm lực khoa học-công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

- Góp phần xây dựng và phát triển đội ngũ trí thức, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Như vậy, công tác khoa giáo có vai trò là động lực thúc đẩy quá trình phát triển đất nước nhanh và bền vững.

### ***3- Nhiệm vụ công tác khoa giáo ở cơ sở***

- Công tác khoa giáo góp phần phát triển kinh tế-xã hội ở xã, phường, thị trấn.

- Công tác khoa giáo góp phần thực hiện công bằng xã hội về giáo dục và chăm sóc sức khỏe nhân dân.

- Công tác khoa giáo gắn với phong trào xóa đói, giảm nghèo.

- Mọi hoạt động khoa giáo đều góp phần vào đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn.

- Công tác khoa giáo tham gia tích cực vào quá trình xây dựng nông thôn mới.

## **II- Hoạt động lãnh đạo công tác khoa giáo của cấp uỷ đảng cơ sở**

### ***1- Lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ khoa giáo ở cơ sở***

#### ***1.1- Về giáo dục và đào tạo***

- Đảng bộ xã, phường, thị trấn cần tập trung lãnh đạo và chỉ đạo các cơ sở giáo dục tại địa phương quán triệt, tuyên truyền phổ biến rộng rãi trong cán bộ, đảng viên và nhân dân thực hiện tốt ba mục tiêu của ngành giáo dục và đào tạo là nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài.

- Đảng bộ lãnh đạo việc thực hiện kết hợp giữa giáo dục nhà trường với giáo dục gia đình và xã hội; thực hiện xã hội hóa giáo dục, chăm lo xây dựng cơ sở vật chất cho các trường học. Huy động sự tham gia của các đoàn thể chính trị-xã hội vào công tác giáo dục, khuyến khích phát triển các quỹ khuyến học của các tổ chức, dòng họ, gia đình; tuyên truyền, vận động nhân dân đóng góp các nguồn lực, xây dựng cơ sở vật chất, giám sát tiến độ và chất lượng thực hiện phổ cập giáo dục ở cơ sở.

- Đảng bộ lãnh đạo thực hiện xóa mù chữ và chống tái mù chữ, củng cố kết quả phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục trung học cơ sở và tiến tới phổ cập giáo dục bậc trung học cho con em địa phương. Chỉ đạo tốt cuộc vận động “Toàn dân đưa trẻ đến trường”.

- Đối với vùng nông thôn cần triển khai thực hiện tốt Đề án đào tạo nghề cho nông dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số. Kết hợp chặt chẽ việc đào tạo nghề với việc bồi dưỡng, phổ biến kiến thức kỹ thuật cho người dân.

- Theo dõi chống việc các trường thu nhiều khoản đóng góp không hợp lý, thực hiện miễn giảm học phí cho người học, hỗ trợ kinh phí học tập cho học sinh, đảm bảo công bằng xã hội trong giáo dục.

### *1.2- Về khoa học và công nghệ*

- Đảng bộ tổ chức quán triệt sâu rộng để các tầng lớp nhân dân có nhận thức sâu sắc về vai trò và vị trí của khoa học và công nghệ trong quá trình CNH, HĐH.

- Để phổ biến những tiến bộ khoa học và công nghệ ở cơ sở, đưa tiến bộ khoa học và công nghệ vào thực tiễn sản xuất. Mỗi xã nên có quy hoạch, lựa chọn và gửi con em địa phương đi đào tạo để trở thành cán bộ khoa học, trở về phục vụ tại địa phương và có biện pháp thu hút cán bộ khoa học là người địa phương về cơ sở công tác. Xây dựng đội ngũ cộng tác viên khoa học. Thực hiện liên kết giữa địa phương với các cơ sở làm công tác nghiên cứu, triển khai ứng dụng tiến bộ khoa học vào sản xuất và đời sống đóng trên địa bàn và gần địa bàn.

- Hướng dẫn ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ trong sản xuất, tạo bước chuyển biến rõ rệt về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nông sản hàng hóa, tăng

nhanh thu nhập, tích lũy cho nông dân và người lao động. Phát triển mạnh ngành, nghề địa phương. Làm tốt việc bảo quản và chế biến sản phẩm nông nghiệp để nâng cao hiệu quả sử dụng, đáp ứng yêu cầu tiêu dùng và xuất khẩu.

- Chú trọng đẩy mạnh công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến công, qua đó hướng dẫn các tiến bộ khoa học và công nghệ mới, thông tin, phổ biến tri thức khoa học, nhất là ở các xã, thôn, làng vùng sâu, vùng xa, giúp bà con nâng cao năng suất cây trồng, vật nuôi, hiệu quả sản xuất, kinh doanh.

- Đối với khoa học xã hội, cần chú trọng công tác giáo dục lý luận chính trị, pháp luật, truyền thống lịch sử, văn hóa, truyền thống cách mạng của địa phương,... cho cán bộ, đảng viên và nhân dân thông qua các hình thức tuyên truyền miệng, sinh hoạt chi bộ, đoàn thể quần chúng, hệ thống đài truyền thanh...

### *1.3- Về chăm sóc sức khỏe nhân dân*

- Cấp ủy cơ sở quan tâm chỉ đạo thực hiện tốt những mục tiêu cơ bản nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ở cơ sở; coi trọng và tăng cường dịch vụ y tế cộng đồng, chăm sóc sức khỏe cho trẻ em, người bị di chứng chiến tranh, người nghèo, dân tộc thiểu số, vùng căn cứ cách mạng, vùng sâu, vùng xa. Tăng cường chăm sóc sức khỏe, thể chất nhằm tăng tuổi thọ bình quân; cải thiện môi trường sống, sử dụng nước sạch, hố xí hợp vệ sinh...

- Đảng bộ cơ sở cần quan tâm lãnh đạo việc củng cố tổ chức và hoạt động của mạng lưới y tế cơ sở. Tăng cường công tác truyền thông, giáo dục sức khỏe cho cộng đồng. Đẩy mạnh và tổ chức tốt việc thực hiện các chương trình y tế quốc gia, công tác vệ sinh phòng bệnh, phòng chống dịch, trồng và sử dụng thuốc nam, phát huy y học cổ truyền. Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, bảo vệ sức khỏe cho nhân dân. Chú ý chăm sóc sức khỏe cho các

gia đình chính sách, người có công với cách mạng, người nghèo. Giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng.

#### *1.4- Về dân số-kế hoạch hóa gia đình*

- Đảng ủy lãnh đạo và quán triệt trong toàn bộ cán bộ, đảng viên và nhân dân về đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực dân số-kế hoạch hóa gia đình.

- Lãnh đạo và chỉ đạo các ngành, các tổ chức ở cơ sở thực hiện chương trình dân số- kế hoạch hóa gia đình theo các chương trình mục tiêu đã đề ra, như giảm tăng dân số, quy mô dân số, nâng cao chất lượng dân số về thể chất, trí tuệ và tinh thần.

- Triển khai chương trình dân số-kế hoạch hóa gia đình; tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, tạo sự chuyển biến về nhận thức, hành vi và trách nhiệm của tổ chức đảng, của mỗi đảng viên và mỗi người dân đối với công tác dân số-kế hoạch hóa gia đình.

#### *1.5- Công tác gia đình*

- Cần chú ý việc phát động phong trào xây dựng gia đình văn hóa, gia đình hiếu học, gia đình mẫu mực hiếu thảo, gia đình làm ăn giỏi...; chống bạo lực gia đình. Thông qua những phong trào này mà tôn vinh những gia đình tiêu biểu trên các mặt công tác.

- Cung cấp tới từng gia đình các kiến thức, kỹ năng sống, như: kỹ năng làm cha mẹ, kỹ năng ứng xử giữa các thành viên với nhau và giữa các thành viên trong gia đình với cộng đồng. Giáo dục và vận động mọi gia đình tự nguyện, tự giác, tích cực thực hiện nếp sống văn minh.

- Vận động các gia đình tích cực tham gia xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước, pháp lệnh dân chủ ở xã, phường, thị trấn, phát triển các hình thức tổ hòa giải; giữ gìn và phát huy văn hóa gia

đình và truyền thống tốt đẹp của dòng họ; xây dựng tình làng nghĩa xóm, đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau, nhắc nhở, động viên nhau thực hiện tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

#### *1.6- Về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em*

- Chăm lo phát triển toàn diện cho trẻ em về sức khỏe, trí tuệ, đạo đức, văn hóa tinh thần, đồng thời hạn chế mức thấp nhất sự xâm hại đối với trẻ em.

- Có biện pháp giải quyết tốt một số mục tiêu quan trọng như: giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng, giúp đỡ để mọi trẻ em được học tập theo quy định, giảm trẻ em thất học, bỏ học, lưu ban, thu hút trẻ em quá độ tuổi vào các lớp học, tích cực phòng, chống tình trạng trẻ em bị xâm hại, trẻ em làm trái pháp luật, trẻ em đi lang thang kiếm sống; đầu tư và huy động các nguồn lực để phát triển nhà trẻ, lớp mẫu giáo, điểm văn hóa, vui chơi cho trẻ em.

#### *1.7- Về thể dục, thể thao*

- Nhiệm vụ của công tác thể dục, thể thao ở cơ sở là tạo ra phong trào tập thể dục và thể thao sôi nổi, rộng rãi và đều khắp, góp phần nâng cao thể lực và phát huy tinh thần dân tộc của con người Việt Nam, góp phần hạn chế những tiêu cực, tệ nạn xã hội trong thanh, thiếu niên, phát triển con người toàn diện, có sức khỏe, có các phẩm chất trí tuệ, đạo đức, có cuộc sống hạnh phúc.

- Đẩy mạnh chủ trương “xã hội hóa” các hoạt động thể dục, thể thao. Đảng bộ cần tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, tập trung chỉ đạo hoạt động thể dục, thể thao quần chúng, tạo ra phong trào luyện tập, rèn luyện thân thể thường xuyên trong các tầng lớp nhân dân. Tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”, đưa việc luyện tập thể dục, thể thao trở thành thói quen, nếp sống hàng ngày của mọi người dân.



- Hình thành các điểm luyện tập, tổ chức các câu lạc bộ, chọn thanh, thiếu niên, người cao tuổi làm nòng cốt. Đa dạng hóa các hình thức tổ chức tập luyện và thi đấu thể dục thể thao quần chúng, như các hội, nhóm, câu lạc bộ ở cơ sở. Giữ gìn và phát triển các môn thể thao dân tộc, các hình thức và phương pháp rèn luyện thân thể cổ truyền.

- Phát triển thể dục thể thao trong trường học theo hướng: Nâng cao sức khỏe, bảo đảm sự phát triển bình thường của cơ thể học sinh. Phát triển thể lực, dạy các kỹ năng vận động cơ bản và cần thiết cho cuộc sống. Hình thành thói quen rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh và giáo dục các phẩm chất đạo đức, nhân cách. Phát hiện và góp phần bồi dưỡng trẻ em có năng khiếu và tài năng thể thao.

## ***2- Phương thức, cơ chế lãnh đạo của đảng bộ cơ sở đối với công tác khoa giáo***

### *2.1- Phương thức lãnh đạo*

Đảng bộ cơ sở lãnh đạo công tác khoa giáo với bốn phương thức sau:

*Một là*, Đảng bộ họp bàn, ra quyết định về công tác khoa giáo, từng lĩnh vực trong công tác khoa giáo.

Để đảng bộ họp bàn, ra quyết định có chất lượng, đảng ủy phân công mỗi đồng chí phụ trách từng ngành chuẩn bị nội dung. Trong văn bản chuẩn bị cần đánh giá đúng thực trạng tình hình, mặt mạnh, mặt yếu; nêu rõ mục tiêu, chỉ tiêu, biện pháp... trên tất cả các nội dung cần lãnh đạo, gắn với việc giải quyết các yếu tố và điều kiện có liên quan, kèm theo các kiến nghị cụ thể với đảng bộ, hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân, các ban, ngành, đoàn thể cần giải quyết để tạo điều kiện cho ngành mình thực hiện.

Ban tuyên giáo hoặc đồng chí thường vụ phụ trách nghiên

cứu bản dự thảo, nhân sao và gửi cho các ban ngành, đoàn thể liên quan, nêu gợi ý, đề nghị góp ý kiến, sau đó tập hợp các ý kiến, báo cáo với ban thường vụ đảng ủy để bàn, đưa ra đảng ủy thảo luận, ra nghị quyết về toàn bộ hay từng mặt công tác khoa giáo.

Trong nghị quyết cần ghi rõ mục tiêu, kế hoạch, giải pháp... xác định rõ trách nhiệm của từng tổ chức, ngành, đoàn thể trên từng công việc cụ thể. Sau đó họp liên tịch: đảng ủy, hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân, các ngành, đoàn thể bàn và đưa việc thực hiện nội dung nghị quyết vào chương trình công tác của mình để thực hiện.

*Hai là*, Đảng bộ lãnh đạo bằng cách chăm lo công tác tổ chức, cán bộ, bồi dưỡng, lựa chọn cán bộ đưa ra ứng cử vào các cơ quan chính quyền, đề nghị bổ nhiệm vào các cương vị chủ chốt của các ngành thuộc khối khoa giáo. Thông qua vai trò của đảng viên trong các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể bảo đảm nghị quyết về công tác khoa giáo được thực hiện ở từng cộng đồng, đơn vị cơ sở.

*Ba là*, Đảng bộ lãnh đạo bằng việc giám sát, kiểm tra, sơ kết, tổng kết, kịp thời uốn nắn các lệch lạc, sớm phát hiện ra các nhân tố mới, các cá nhân, tập thể, cộng đồng tiên tiến, tích cực... để phổ biến, nhân rộng điển hình nhằm nhanh chóng phát huy rộng rãi kinh nghiệm tốt, cách làm hay trong nhân dân.

*Bốn là*, Đảng bộ lãnh đạo thông qua sự gương mẫu của từng đảng viên trong thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác khoa giáo; đồng thời vận động các gia đình, xóm, thôn, làng... cùng thực hiện. Đảng viên ở mọi cương vị công tác phải nắm bắt và phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng của quần chúng với tổ chức đảng ở cơ sở, đồng thời là người trực tiếp làm công tác định hướng tư tưởng cho quần chúng ở cơ sở.

## 2.2- Cơ chế lãnh đạo của đảng bộ cơ sở

- Về mục tiêu, kế hoạch, biện pháp thực hiện: Sau khi có nghị quyết của cấp ủy, Ban tuyên giáo họp để cụ thể hóa việc thực hiện, xác định các mục tiêu, biện pháp và phân công trách nhiệm triển khai nghị quyết của Đảng bộ. Từng thành viên phải đưa các mục tiêu, giải pháp có liên quan vào chương trình, kế hoạch công tác của đơn vị mình, cụ thể là:

Hội đồng nhân dân xã đưa nội dung, nghị quyết của Đảng bộ vào chương trình công tác của Hội đồng để bàn, ra nghị quyết, tạo điều kiện và giám sát Ủy ban nhân dân thực hiện.

Ủy ban nhân dân chịu trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo, quản lý, phối hợp điều hành công việc hàng ngày, giải quyết các điều kiện và chế độ chính sách cụ thể để triển khai từng mặt công tác sau khi có nghị quyết của Đảng và Hội đồng nhân dân.

Các ngành trong khối khoa giáo thực hiện công việc cụ thể theo chỉ đạo, hướng dẫn của ngành dọc, đồng thời thực hiện nghị quyết của cấp ủy địa phương nhằm tạo điều kiện thực hiện tốt công việc chuyên môn hàng ngày.

Các tổ chức xã hội, các đoàn thể quần chúng làm tốt công tác tư tưởng, nâng cao nhận thức, vận động đoàn viên, hội viên đóng góp về nhân lực, vật lực, tài lực.

- Về lễ lối làm việc

Ban tuyên giáo cơ sở tổ chức giao ban định kỳ (hàng tháng, quý) để nắm bắt tình hình, đôn đốc, động viên, giải quyết kịp thời các vấn đề nảy sinh, tạo điều kiện để công tác khoa giáo được triển khai đến từng thôn, làng và tới từng gia đình. Trong quá trình triển khai thực hiện, ban tuyên giáo cơ sở thực hiện phối hợp các lực lượng và có kế hoạch giám sát, kiểm tra định kỳ (hàng năm) phát hiện những kinh nghiệm hay, cách làm tốt và uốn nắn các lệch lạc để nghị quyết được triển khai hiệu quả.

### **III- Một số tác nghiệp công tác khoa giáo ở cơ sở**

#### ***1- Chuẩn bị dự thảo nghị quyết của cấp ủy về công tác khoa giáo***

##### ***1.1- Tổ chức lực lượng, xây dựng chương trình, kế hoạch***

- Bộ phận chỉ đạo: đồng chí đại diện thường trực cấp ủy, đồng chí phụ trách tuyên giáo, đồng chí Phó chủ tịch ủy ban nhân dân phụ trách văn hóa-xã hội và đồng chí phụ trách ngành...

- Bộ phận thực hiện, khảo sát, điều tra, nghiên cứu, soạn thảo: Ban tuyên giáo.

- Xây dựng chương trình, cách làm, phân công trách nhiệm giữa các bộ phận...

- Giải quyết các điều kiện vật chất cho việc chuẩn bị dự thảo.

##### ***1.2- Xây dựng đề cương dự thảo nghị quyết***

- Đề cương đánh giá sơ bộ thực trạng tình hình và nêu các phương án về mục tiêu, nội dung, biện pháp, bước đi, điều kiện cần thiết... để giải quyết vấn đề với các phương án khác nhau.

- Sao gửi văn bản dự thảo đến các ban, ngành, đoàn thể... có liên quan để lấy ý kiến đóng góp cho dự thảo.

- Tập hợp ý kiến, báo cáo với thường vụ cấp ủy, cấp ủy họp bàn ra nghị quyết về toàn bộ hay từng lĩnh vực công tác khoa giáo.

#### ***2- Tổ chức hướng dẫn, quán triệt, thực hiện nghị quyết***

Sau khi có các văn bản chỉ đạo của Trung ương, cấp ủy cấp trên hoặc nghị quyết của cấp ủy cơ sở, ban tuyên giáo cần giúp cấp ủy tổ chức, hướng dẫn và tổ chức thực hiện nghị quyết, nên được tiến hành như sau:

##### ***Bước 1: Chuẩn bị tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết***

- Nắm và phân loại đối tượng để có hình thức, phương pháp truyền đạt cho phù hợp.

- Nắm các thông tin về tình hình kinh tế, xã hội về các lĩnh vực khoa giáo có liên quan để gắn với việc truyền đạt nghị quyết.

- Chuẩn bị tài liệu: nghị quyết, đề cương dành cho báo cáo viên, phụ lục, hướng dẫn, câu hỏi, chương trình hành động...

- Phối hợp với các bộ phận thông tin đưa trên đài truyền thanh, bản tin, các hình thức thông tin khác của các đoàn thể, các hội...

- Báo cáo với cấp ủy về kế hoạch chuẩn bị triển khai.

### *Bước 2: Truyền đạt nghị quyết*

- Truyền đạt, quán triệt nghị quyết theo một đề cương thống nhất: dù ở đối tượng nào cũng cần nói gọn, rõ với mức độ khác nhau về lý do ra nghị quyết; mục đích, yêu cầu, ý nghĩa của nghị quyết; nội dung nghị quyết: nghị quyết nhằm giải quyết vấn đề gì? cần làm gì? làm như thế nào? ai làm? ở đâu? tổ chức nào thực hiện...?

- Thảo luận tinh thần, nội dung nghị quyết, có yêu cầu cụ thể đối với các đối tượng khác nhau khi thảo luận.

*Bước 3: Xây dựng chương trình hành động thực hiện nghị quyết:* gắn với nội dung của nghị quyết là chương trình hành động thực hiện nghị quyết. Vì vậy, chương trình hành động phải cụ thể, sát thực mang tính thực tiễn cao.

### *Bước 4: Chỉ đạo thực hiện nghị quyết*

- Chọn địa bàn làm thí điểm rút kinh nghiệm, sau đó nhân ra đại trà.

- Xây dựng điển hình, nhân tố mới.

Trong quá trình triển khai cần giúp cấp ủy theo dõi, chỉ đạo kịp thời và xây dựng đơn vị, cá nhân điển hình vận dụng nghị quyết vào thực tiễn địa phương.

Việc làm này cần nghiêm túc, khách quan, tránh duy ý chí và có kế hoạch giúp đỡ các nhân tố điển hình phát triển đúng hướng, vững chắc, lâu dài.

- Sơ kết việc thực hiện nghị quyết, nhằm phổ biến cách làm hay, kinh nghiệm tốt nhằm kịp thời có chủ trương, biện pháp phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm để việc thực hiện nghị quyết có hiệu quả cao.

### ***3- Tổ chức kiểm tra việc thực hiện nghị quyết***

- Xác định vấn đề cần kiểm tra, mục tiêu, yêu cầu và địa bàn kiểm tra.

- Thành lập đoàn kiểm tra.

- Thu thập thông tin trước khi kiểm tra.

- Tiến hành kiểm tra: Tùy theo đối tượng, nội dung, mục đích, yêu cầu của kiểm tra để xác định hình thức kiểm tra cho phù hợp (kiểm tra trực tiếp hoặc gián tiếp).

*\* Phương pháp kiểm tra:*

Nghe báo cáo (báo cáo viết hay báo cáo miệng tại hội nghị) do các đồng chí có trách nhiệm chính trình bày, kết hợp với tọa đàm, phỏng vấn, trò chuyện...

Nghiên cứu hồ sơ, tài liệu, sổ sách... phản ánh công việc của cơ quan, lãnh đạo, cá nhân, cơ sở...

Quan sát trực tiếp các công việc, hoạt động của các đối tượng kiểm tra.

Tham khảo ý kiến, nhận xét, đánh giá của các bộ phận, lĩnh vực có liên quan tới nội dung kiểm tra.

Thăm dò dư luận từ nhiều phía.

Ngoài ra có thể dùng phương pháp trắc nghiệm nếu thấy cần thiết.

Tất cả các phương pháp trên cần được vận dụng linh hoạt, tổng hợp nhằm thu được các thông tin chính xác, trung thực, khách quan.

*\* Xử lý và tổng hợp thông tin trong suốt quá trình kiểm tra:* trong suốt quá trình kiểm tra từng nội dung, biện pháp, điều kiện... đều phải được xử lý thông tin để rút ra kết luận từng vấn đề. Tổ chức cuộc họp nội bộ đoàn kiểm tra để thảo luận, đánh giá từng mặt, từng vấn đề và đánh giá toàn bộ để đi đến nhận định kết luận. Nếu vấn đề lớn có ý kiến trái ngược nhau phải tổ chức tọa đàm, trao đổi hoặc phải tiến hành hội thảo để kết luận mang tính khách quan.

*\* Báo cáo kết luận đợt kiểm tra:*

Báo cáo kết quả kiểm tra cần ngắn gọn, gửi cho cấp ủy và có thể gửi tới các đồng chí có trách nhiệm chính thuộc diện kiểm tra; bàn và thống nhất đối tượng được mời để thông báo nội dung báo cáo kết quả kiểm tra; báo cáo trong cuộc họp cần nói gọn, rõ nội dung, mục đích, yêu cầu, hình thức, phương pháp tiến hành kiểm tra. Kết quả kiểm tra cần kết luận rõ ràng cái đúng, sai, vấn đề tồn tại, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm... Xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân, nêu gương tốt, phê phán cái xấu...

Trao đổi thảo luận công khai về nội dung báo cáo, nhất là đối với các phần có ý kiến khác nhau, các ý kiến bảo lưu và các kết luận trong báo cáo kiểm tra.

Tất cả các ý kiến thảo luận cũng như những kết luận cần được ghi biên bản và được lưu trữ trong hồ sơ kiểm tra.

Sau khi kiểm tra lãnh đạo đoàn kiểm tra và ban tuyên giáo họp rút kinh nghiệm, thống nhất những vấn đề cần báo cáo và kiến nghị với cấp ủy.

Cần có kế hoạch theo dõi việc phát huy ưu điểm, sửa chữa khuyết điểm của các địa bàn được kiểm tra.

#### ***4- Một số lưu ý để làm tốt công tác khoa giáo ở cơ sở***

- Nắm vững các văn bản, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác khoa giáo.

- Tổ chức quán triệt các văn kiện của Đảng thuộc lĩnh vực khoa giáo trong đảng viên, cán bộ và nhân dân. Khi nghiên cứu để truyền đạt, các báo cáo viên cần kết hợp với cán bộ thuộc các chuyên môn để tìm hiểu một số khái niệm chuyên môn có liên quan đến nội dung truyền đạt. Nếu không có sự chuẩn bị kỹ, việc sai sót về nội dung chuyên môn sẽ ảnh hưởng lớn đến sự thu hút người nghe, nhất là khi truyền đạt cho cán bộ, đảng viên thuộc các chuyên ngành liên quan đến chuyên môn đó.

Đối với các đối tượng khác nhau nên có yêu cầu nghiên cứu và quán triệt với mức độ khác nhau. Với cán bộ, đảng viên thuộc chuyên ngành liên quan mật thiết với nghị quyết, chỉ thị hay kết luận, cần có những chuyên đề trình bày sâu chứ không nên học đồng đều như mọi đối tượng khác.

- Tham mưu cho cấp uỷ địa phương xây dựng các văn bản chỉ đạo công tác khoa giáo, hướng dẫn thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết và chỉ thị về khoa giáo, cần chú ý mấy điểm sau:

+ Điều tra tình hình thực tiễn tại địa phương thông qua việc tiến hành lấy số liệu từ cơ sở, phỏng vấn các đối tượng,... để có những bằng chứng sát thực khi đề ra chương trình hành động. Người ta gọi đó là phương pháp làm chính sách dựa trên bằng chứng.

+ Căn cứ vào quan điểm, mục tiêu và các nhóm nhiệm vụ, giải pháp trong nghị quyết, chỉ thị hay chương trình hành động của cấp trên mà cụ thể hoá thành chương trình hành động của cấp mình. Tránh hiện tượng sao chép một cách nguyên văn các văn bản của cấp trên và coi như thế là đủ.



+ Trong hướng dẫn thực hiện cần nêu các giải pháp cụ thể, nhấn mạnh các giải pháp ưu tiên, hướng dẫn cấp dưới những yêu cầu cụ thể khi vận dụng vào từng cơ sở trong địa phương. Cần đề ra các chỉ tiêu cụ thể và chọn những chỉ tiêu ưu tiên.

+ Trong kiểm tra cần đối chiếu với mục tiêu, chỉ tiêu và giải pháp, tránh kiểm tra chung chung và phải tổ chức kiểm tra tại hiện trường cơ sở.

- Thường xuyên quan tâm nắm bắt tình hình công tác tư tưởng của đội ngũ cán bộ và các tầng lớp nhân dân khi làm công tác khoa giáo và xây dựng kế hoạch bồi dưỡng tư tưởng, tuyên truyền, giáo dục cho các đối tượng này; đồng thời phát hiện những vấn đề bức xúc hay điểm nóng để tham mưu cho cấp ủy giải quyết. Đặc biệt phải lưu ý công tác tác dự báo, phát hiện sớm những khuynh hướng tư tưởng trái chiều hoặc không đồng thuận với các chủ trương, chính sách của Đảng để tìm nguyên nhân khắc phục. Chú trọng phát hiện kịp thời những gương người tốt, việc tốt, nhiệt tình trong thực hiện các chính sách để kịp thời biểu dương khích lệ; đồng thời phát hiện những biểu hiện lệch lạc về tư tưởng và hành động cần khắc phục kịp thời trong thực hiện công tác khoa giáo. Đặc biệt cần phát hiện kịp thời những bức xúc, điểm nóng xảy ra do những mâu thuẫn xuất hiện trong quá trình thực hiện công tác khoa giáo hoặc các âm mưu của các thế lực thù địch, các phần tử xấu lợi dụng việc thực hiện các mặt công tác khoa giáo./.

## *Chuyên đề 8*

# **CÔNG TÁC LỊCH SỬ ĐẢNG Ở CƠ SỞ**

**I- Quy trình triển khai biên soạn lịch sử đảng bộ xã, phường, thị trấn, lịch sử phong trào, lịch sử truyền thống các ngành, đoàn thể**

Nghiên cứu, biên soạn lịch sử đảng bộ xã, phường, thị trấn, lịch sử phong trào, lịch sử truyền thống các ngành, đoàn thể là một công tác quan trọng của các cấp ủy Đảng địa phương, đơn vị, góp phần vào công tác tuyên truyền, giáo dục lịch sử truyền thống cho cán bộ, đảng viên và nhân dân trên địa bàn.

Công tác nghiên cứu, biên soạn lịch sử đảng bộ, lịch sử phong trào, lịch sử truyền thống do ban thường vụ cấp ủy đảng trực tiếp chỉ đạo.

Đối với những địa phương không đủ khả năng triển khai, ban tuyên giáo cấp huyện trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện.

Để triển khai công tác biên soạn lịch sử đảng bộ xã, phường, thị trấn, lịch sử phong trào, lịch sử truyền thống các ngành, đoàn thể, cần thực hiện theo quy trình sau:

***1- Thống nhất về nhận thức và chỉ đạo của cấp ủy đảng và ra nghị quyết chuyên đề***

Các cấp lãnh đạo Đảng, chính quyền, đoàn thể thống nhất nhận thức về vị trí, tầm quan trọng của công tác nghiên cứu lịch sử đảng.

Trên cơ sở đó, các cấp ủy đảng ra  *nghị quyết (hoặc thông báo Kết luận của cấp ủy)* về việc triển khai nghiên cứu, biên soạn lịch sử đảng bộ, lịch sử phong trào, lịch sử truyền thống và có kế hoạch chỉ đạo những công việc trước mắt cũng như lâu dài, đầu tư những điều kiện cần thiết cho triển khai các công việc.

## **2- Xin chủ trương của ban thường vụ cấp huyện**

Các cấp ủy địa phương, đơn vị gửi tờ trình xin chủ trương của ban thường vụ cấp huyện, đồng thời gửi ban tuyên giáo cấp huyện, thị, thành ủy để có ý kiến tham mưu đề xuất với ban thường vụ huyện, thị, thành ủy.

Nội dung tờ trình nêu rõ mục đích, yêu cầu, chủ trương của cấp ủy địa phương, thời gian triển khai biên soạn lịch sử đảng bộ, lịch sử phong trào, lịch sử truyền thống.

## **3- Thành lập Ban chỉ đạo**

Cấp ủy ra quyết định thành lập Ban chỉ đạo, gồm các thành viên trong ban thường vụ cấp ủy và các ban ngành liên quan. Trực tiếp đồng chí bí thư, hoặc phó bí thư làm trưởng ban chỉ đạo.

Ban chỉ đạo có nhiệm vụ chỉ đạo các công việc liên quan đến công tác nghiên cứu, biên soạn, kết luận về nội dung, tổ chức hội thảo, nghiệm thu nội dung bản thảo lịch sử.

*Tuy nhiên*, trong điều kiện xã, phường, thị trấn, ban ngành, đoàn thể không đủ khả năng để triển khai công tác biên soạn lịch sử, thì ban thường vụ huyện, thị, thành ủy chỉ đạo ban tuyên giáo cấp huyện tham mưu, trực tiếp triển khai biên soạn giúp các địa phương, đơn vị.

Trong trường hợp này, ban thường vụ cấp huyện thành lập Ban chỉ đạo, giao Ban tuyên giáo cấp huyện phối hợp với các địa phương, đơn vị để cùng triển khai thực hiện.

#### **4- Thành lập Ban biên soạn** (Ban biên tập, tổ nghiên cứu)

Ban chỉ đạo ra quyết định thành lập Ban biên soạn, gồm có chủ biên và các thành viên là những người có chuyên môn về lịch sử Đảng và lịch sử, có kinh nghiệm nghiên cứu biên soạn các đề tài khoa học lịch sử.

Chủ biên có nhiệm vụ biên tập và chịu trách nhiệm trước Ban chỉ đạo và cấp ủy địa phương về nội dung.

#### **5- Dự trù kinh phí**

Kinh phí nghiên cứu, biên soạn lịch sử đảng bộ, lịch sử phong trào, lịch sử truyền thống sử dụng từ ngân sách nhà nước do UBND các cấp duyệt theo kế hoạch.

Các cấp ủy địa phương xây dựng kế hoạch và dự trù kinh phí hoạt động nghiên cứu biên soạn lịch sử, bao gồm: chi khai thác tư liệu, photo tài liệu, đề cương, nhuận bút, bản thảo, tổ chức hội thảo, xăng xe, in ấn..., trình ban thường vụ, UBND cấp huyện duyệt cấp kinh phí triển khai.

Trong trường hợp các địa phương không tự đứng ra triển khai biên soạn, mà do huyện trực tiếp chỉ đạo triển khai, thì nguồn kinh phí phục vụ nghiên cứu, biên soạn lịch sử đảng do huyện chủ động có kế hoạch duyệt cấp.

#### **6- Xây dựng kế hoạch triển khai**

Cấp ủy cơ sở (hoặc cấp ủy huyện, thị, thành phố) giao ban tuyên giáo cơ sở (hoặc ban tuyên giáo huyện, thị, thành ủy) xây dựng kế hoạch triển khai công tác biên soạn lịch sử đảng bộ địa phương, nêu rõ: mục đích, yêu cầu, thời gian cụ thể triển khai từng nội dung công việc; phân công các bộ phận tuyên giáo, văn phòng và các ban ngành liên quan chịu trách nhiệm từng nội dung công việc...

7- Họp Ban chỉ đạo, Ban biên soạn thống nhất các nội dung triển khai.

8- Ban biên soạn tập trung nghiên cứu, biên soạn nội dung đã được phân công, gửi Chủ biên để biên tập.

9- Ban chỉ đạo và Ban biên soạn thống nhất thời gian hội thảo đóng góp nội dung bản thảo.

10- Gửi bản thảo cho đại biểu nghiên cứu, góp ý nội dung trước khi hội thảo từ 20 ngày đến một tháng.

11- Tổ chức Hội thảo tham gia góp ý bản thảo.

12- Ban biên soạn, Chủ biên biên tập chỉnh sửa nội dung góp ý tại hội thảo.

13- Ban chỉ đạo, ban thường vụ cấp ủy nghiệm thu nội dung. Ban biên soạn bàn giao bản thảo.

14- Gửi bản thảo về ban tuyên giáo huyện thẩm định nội dung và xin chủ trương của ban thường vụ huyện về việc in ấn, xuất bản.

15- Tiến hành in ấn, phát hành: Cấp ủy địa phương liên hệ với nhà xuất bản để triển khai công việc in ấn theo kế hoạch.

(Quy trình trên áp dụng cho các cấp ủy xã, phường thị trấn và các ban, ngành, đoàn thể cơ sở trong quá trình triển khai biên soạn lịch sử Đảng bộ, lịch sử phong trào, lịch sử truyền thống)

**II- Những nội dung chủ yếu trong công tác nghiên cứu, biên soạn lịch sử đảng bộ, lịch sử phong trào, lịch sử truyền thống**

***1- Chuẩn bị cho việc viết cuốn lịch sử đảng bộ, lịch sử phong trào, lịch sử truyền thống***

*1.1- Công tác tổ chức*

- Thành lập Ban chỉ đạo biên soạn, chịu trách nhiệm trước cấp ủy về chỉ đạo quá trình triển khai.

- Thành lập đội ngũ biên soạn (*Ban biên soạn, Tổ biên tập, Tổ nghiên cứu*) là những người trực tiếp nghiên cứu nội dung.

- Sử dụng đội ngũ cộng tác viên là những người đã qua hoạt động thực tiễn, am hiểu tình hình địa bàn, đã từng giữ chức vụ chủ chốt của Đảng, chính quyền và đoàn thể qua các thời kỳ đã nghỉ hưu và cả cộng tác viên kiêm nhiệm đang công tác ở một số cơ quan có điều kiện tham gia nghiên cứu lịch sử đảng.

Đội ngũ cộng tác viên giúp cung cấp tư liệu, góp ý nội dung, hoặc trực tiếp tham gia nghiên cứu trên từng lĩnh vực.

### *1.2- Xây dựng kế hoạch tổng thể*

- Căn cứ nghị quyết của cấp ủy, ban tuyên giáo cơ sở (hoặc huyện, thị) phối hợp với Ban biên soạn lập kế hoạch tổng thể, nêu rõ mục đích, yêu cầu, thời gian triển khai từng nội dung công việc, từ lúc có chủ trương của cấp ủy, cho đến khi kết thúc. Thời gian triển khai từ 1,5 năm đến 2 năm.

### *1.3- Kế hoạch làm tư liệu*

- Do Ban biên soạn xây dựng và triển khai công tác tư liệu trước khi nghiên cứu, biên soạn.

- Kế hoạch phải nêu được mục đích yêu cầu, thời gian tiến hành, nội dung các tư liệu cần khai thác, địa điểm, người cung cấp tư liệu.

- Kế hoạch khai thác tư liệu phải được thông qua Ban chỉ đạo để chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan phối hợp trong việc cung cấp tư liệu.

### *1.4- Kế hoạch nghiên cứu biên soạn*

- Do Ban biên soạn xây dựng, cụ thể các bước tiến hành:

+ Lập đề cương sơ lược về đề tài nghiên cứu.

+ Lập đề cương chi tiết. Đề cương chi tiết thể hiện tương đối

đầy đủ các nội dung yêu cầu cần trình bày của từng vấn đề trong từng thời kỳ lịch sử.

+ Tiến hành tổ chức nghiên cứu biên soạn.

### *1.5- Xây dựng đề cương sơ lược (đề cương tổng quát)*

Đề cương sơ lược phải thể hiện được những nội dung sau:

- Xác định rõ tiêu đề, tên của cuốn sách.

- Nêu được bố cục cuốn sách, gồm mấy chương, mấy mục. Việc phân chương phải phù hợp với đặc điểm tình hình, quá trình hình thành và phát triển của cấp ủy và phong trào cách mạng ở địa phương qua từng giai đoạn lịch sử.

Thông thường, bố cục của một cuốn sách lịch sử đảng, lịch sử phong trào, lịch sử truyền thống có thể chia thành các chương sau:

+ Chương mở đầu (chương một).

+ Chương viết về giai đoạn trước cách mạng tháng tám 1945.

+ Chương viết về giai đoạn chống thực dân Pháp 1945-1954.

+ Chương viết về giai đoạn chống Mỹ 1954-1965.

+ Chương viết về giai đoạn chống Mỹ 1965-1975.

+ Ba chương viết về giai đoạn xây dựng CNXH từ 1975 đến nay: (thời kỳ khôi phục sau 1975 đến trước thời kỳ đổi mới 1986; thời kỳ thực hiện đường lối đổi mới của Đảng (Đại hội VI-1986) đến Đại hội VII 1995); thời kỳ tiếp tục sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa (Đại hội VIII -1996 đến nay).

Tuy nhiên, tùy đặc thù của từng địa phương, đơn vị, từng ngành để phân chia các chương theo thời gian cho phù hợp, có thể gắn với các mốc: đổi mới, chia tách tỉnh, huyện, xã.

- Nội dung từng chương phải gắn với từng giai đoạn lịch sử chung của toàn Đảng và phù hợp với từng giai đoạn cách mạng ở địa phương.

- Phần kết luận: Đánh giá khái quát quá trình hình thành và phát triển của Đảng bộ địa phương, vai trò lãnh đạo đối với phong trào cách mạng quần chúng, rút ra các bài học kinh nghiệm.

- Phần phụ lục: Tổng hợp các tổ chức cách mạng, danh sách cấp ủy của đảng bộ các thời kỳ, các thành tích và khen thưởng, danh sách Bà mẹ Việt Nam Anh hùng...

Đề cương sơ lược được thông qua Ban chỉ đạo, Ban biên soạn góp ý thống nhất.

### *1.6- Xây dựng đề cương chi tiết*

- Đề cương chi tiết có thể coi như là bản dự thảo sơ lược lần thứ nhất.

- Sau khi tiến hành sưu tầm, khai thác tư liệu, trên cơ sở đề cương sơ lược đã được thống nhất, sẽ tiến hành xây dựng đề cương chi tiết của từng chương và tổ chức nghiên cứu, biên soạn.

- *Yêu cầu của đề cương chi tiết:*

+ Bám sát bố cục đề cương sơ lược (đề cương tổng quát).

+ Trình bày đầy đủ các sự kiện theo nội dung của từng chương, mục trong từng giai đoạn lịch sử: Bối cảnh tình hình trong nước, trong tỉnh, huyện và địa phương; âm mưu địch; chủ trương của Đảng, cấp ủy địa phương.

+ Trình bày đầy đủ đường lối, chính sách của Đảng, của đảng bộ qua các giai đoạn, các thời kỳ.

+ Trình bày phong trào cách mạng của quần chúng do Đảng, đảng bộ địa phương lãnh đạo.

+ Các chủ trương và biện pháp xây dựng Đảng của đảng bộ địa phương; kết quả đạt được, có số liệu cụ thể.

+ Những kinh nghiệm lãnh đạo của đảng bộ qua các giai đoạn



và các thời kỳ, từ đó rút ra kết luận có tính chất lý luận (đúc rút trong phần kết luận, bài học kinh nghiệm).

## ***2- Phương pháp và hình thức nghiên cứu***

### ***2.1- Mục đích, yêu cầu của việc nghiên cứu***

Để tiến hành nghiên cứu lịch sử đảng bộ, lịch sử phong trào, lịch sử truyền thống, trước tiên cần phải nắm rõ mục đích của việc nghiên cứu, đó là:

- Nhằm dựng lại bức tranh chân thực của quá khứ, từ đó tổng kết thành những bài học kinh nghiệm; tuyên truyền, giáo dục truyền thống của đảng bộ cho cán bộ, đảng viên và quần chúng ở địa phương.

- Khẳng định những thành công của sự lãnh đạo của đảng bộ địa phương đúng với ý nghĩa và tầm vóc lịch sử, đồng thời nghiên cứu các sai lầm, khuyết điểm, lý giải nguyên nhân của nó trong điều kiện lịch sử cụ thể của thời điểm đó.

- Làm sáng tỏ vai trò và sức mạnh to lớn của quần chúng trong đấu tranh cách mạng, đưa tới thắng lợi của cách mạng giải phóng dân tộc và những thành tựu quan trọng của sự nghiệp đổi mới.

- Nghiên cứu lịch sử đảng để đánh giá đúng mức vai trò và thành tích của các cấp ủy, của tập thể, đoàn thể và cá nhân (người lãnh đạo, đảng viên, quần chúng).

### ***Yêu cầu:***

- Nghiên cứu lịch sử đảng gắn liền với đấu tranh bác bỏ những luận điểm sai lầm và sự xuyên tạc lịch sử, xác minh, điều chỉnh những quan điểm sai lệch với sự thật lịch sử.

- Phải tuân thủ theo đúng qui trình và phương pháp nghiên cứu.

- Làm rõ nguyên tắc tính Đảng của giai cấp công nhân

Việt Nam, tính lịch sử, tính khoa học. Trong đó tính Đảng vô sản là nguyên tắc phương pháp luận không thể thiếu của khoa học lịch sử.

## *2.2- Phương pháp, hình thức nghiên cứu*

### *a- Phương pháp nghiên cứu*

- Trong nghiên cứu lịch sử Đảng phải đảm bảo phương pháp chung, đó là phương pháp lịch sử:

+ Nghiên cứu các hiện tượng lịch sử đang trong quá trình vận động, phát triển.

+ Phải nghiên cứu trong hoàn cảnh lịch sử cụ thể.

### *b- Hình thức nghiên cứu*

- Có thể nghiên cứu theo hình thức bổ dọc, hoặc bổ ngang vấn đề, tùy theo yêu cầu và thời gian thực hiện.

+ Nghiên cứu theo hình thức bổ dọc là nghiên cứu từng chuyên đề lịch sử bổ dọc theo thời gian.

Ví dụ: - Chuyên đề về công tác tư tưởng.

- Chuyên đề về xây dựng lực lượng vũ trang.

- Chuyên đề về xây dựng kinh tế...

Hình thức nghiên cứu này thường được triển khai khi nghiên cứu một công trình lịch sử lớn. Nghiên cứu các chuyên đề trước, để có điều kiện đi sâu, nắm được bản chất của vấn đề đó. Sau khi nghiên cứu các chuyên đề bổ dọc, sẽ tiến hành nghiên cứu tổng hợp các vấn đề trong mối quan hệ biện chứng với nhau.

+ Nghiên cứu bổ ngang là nghiên cứu tất cả các vấn đề diễn ra trong cùng một thời gian, trong mối quan hệ biện chứng với nhau.

Hình thức nghiên cứu này được tiến hành chủ yếu trong quá trình biên soạn lịch sử hiện nay ở địa phương.

- Trong nghiên cứu, có thể dùng phương pháp so sánh: so sánh sự nghiệp của nhân vật này với nhân vật khác, so sánh nước ta với nước khác, ở thời đại này với thời đại khác.

Có thể so sánh ngay trong sự nghiệp của mỗi nhân vật giữa các thời kỳ khác nhau.

### *2.3- Những vấn đề cần lưu ý trong nghiên cứu và trình bày lịch sử đảng bộ, lịch sử phong trào, lịch sử truyền thống*

a- Trong nghiên cứu và trình bày phải trung thực, khách quan; phân tích, đánh giá các vấn đề của lịch sử đảng bộ phải xuất phát từ quan điểm lịch sử cụ thể, phân tích trên cơ sở của những dữ kiện, những phong trào cụ thể của địa phương.

b- Nghiên cứu và trình bày các vấn đề, các sự kiện một cách cụ thể, theo một quá trình, trình tự theo thời gian, có sự phát triển.

c- Tôn trọng sự thật, các sự kiện lịch sử. Có đến đâu viết đến đó, không thêm bớt. Không được thần thánh hóa lãnh tụ.

d- Trình bày một cách trung thực ưu điểm và cả những khuyết điểm (nếu có) trong quá trình lãnh đạo phong trào cách mạng của Đảng bộ địa phương.

g- Liều lượng của những sự kiện chung của toàn quốc, toàn Đảng trong cuốn lịch sử địa phương các cấp phải được thể hiện cân đối, hợp lý.

Lịch sử của toàn đảng là lịch sử các đảng bộ địa phương, thậm chí từ các chi bộ cơ sở của Đảng làm nên. Do vậy cần đi sâu trình bày sự kiện, phong trào của địa phương, cơ sở. Nhưng khi trình bày thì cái chung của toàn Đảng cũng phải được đưa ra một cách cân đối và hợp lý. Đây không chỉ là nghiệp vụ mà còn là phương pháp cần chú ý trong nghiên cứu.

h- Việc biên soạn lịch sử đảng bộ và các ban ngành đối với những tỉnh, huyện, địa phương mới tách ra, cũng cần phải chú ý

đến những vấn đề như tài liệu, tư liệu, nhận định, đánh giá, cách tính lịch sử các đại hội sau khi tách ra, việc thừa kế cuốn sử cũ... trong khi nghiên cứu.

i- Các nội dung công bố trong các cuốn lịch sử Đảng phải tuân thủ các vấn đề có tính nguyên tắc sau:

+ Chính xác. Có thể thiếu sẽ bổ sung, nhưng không được sai.

+ Đã được kết luận, nhất trí của các cấp lãnh đạo và được sự đồng ý của các cấp lãnh đạo địa phương cho phép công bố.

+ Không trái với đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng trên các lĩnh vực đấu tranh chính trị, quân sự, ngoại giao, xây dựng và phát triển kinh tế- xã hội, cả về đường lối đối nội, đối ngoại trong quan hệ quốc tế...

+ Bảo đảm nguyên tắc đoàn kết dân tộc, đoàn kết toàn dân, đoàn kết quốc tế.

k- Quan tâm, tổ chức và đầu tư thích đáng cho công tác sưu tầm, bảo quản và lưu trữ tư liệu, tài liệu phục vụ cho nghiên cứu. Thiếu tư liệu, việc nghiên cứu lịch sử chỉ là những suy diễn cảm tính, thiếu căn cứ.

Vì vậy, phải có tương đối đủ những tài liệu cần thiết của từng lĩnh vực (chính trị, kinh tế, xã hội, quân sự...), mới đi vào nghiên cứu.

**III- Công tác sưu tầm, khai thác tư liệu, nghiên cứu, biên soạn, lịch sử đảng bộ, lịch sử phong trào, lịch sử truyền thống ở địa phương**

### ***1- Tâm quan trọng***

#### ***1.1- Khái niệm***

Trong khoa học lịch sử đảng, *tư liệu là tài liệu (văn bản, hiện vật...)* được sử dụng cho việc nghiên cứu, tìm hiểu lịch sử đảng.

*Tư liệu- tài liệu*: đồng nghĩa với nhau.

### *1.2- Tầm quan trọng*

- Mỗi một công trình nghiên cứu lịch sử đảng, dù lớn hay nhỏ, dù về toàn Đảng hay của một đảng bộ, đều phải có *tương đối đủ, chính xác những tư liệu cơ bản*.

+ Tư liệu càng đầy đủ, chính xác, phong phú bao nhiêu thì giá trị của công trình càng lớn bấy nhiêu.

+ Không đủ tư liệu, hoặc tư liệu không chính xác, sẽ không thể có công trình nghiên cứu lịch sử đảng có giá trị khoa học.

*Tư liệu giữ vị trí rất quan trọng* trong nghiên cứu lịch sử đảng và công tác tư liệu phải *đi trước một bước*.

- Sưu tầm, khai thác tư liệu là công việc quan trọng, cần thiết, không thể thiếu trong quá trình nghiên cứu, biên soạn lịch sử đảng bộ, lịch sử phong trào, lịch sử truyền thống.

Với tầm quan trọng trên, yêu cầu các cấp ủy phải làm tốt công tác lưu trữ các loại tư liệu, nhất là tư liệu thành văn.

## **2- Công tác tư liệu**

### *2.1- Lập danh sách các nhân chứng lịch sử cần khai thác tư liệu*

Lập danh sách cụ thể họ tên, chức vụ công tác, địa chỉ nơi ở trong và ngoài tỉnh của các nhân chứng lịch sử, là những cán bộ lãnh đạo, cán bộ, chiến sỹ và nhân dân trực tiếp tham gia hoạt động, công tác trên địa bàn qua các thời kỳ lịch sử để có kế hoạch triển khai phù hợp.

### *2.2- Xây dựng kế hoạch sưu tầm, khai thác tư liệu*

- Nêu mục đích, yêu cầu khai thác tư liệu.

- Có đề cương xác định rõ những nội dung cần khai thác là gì? và gửi trước đến những người mà mình cần khai thác.

Xác định những nội dung cần khai thác, tập trung vào các thời kỳ trước 1945, chống Pháp 1945-1954, chống Mỹ 1954-1975, thời kỳ từ sau 1975 đến nay.

- Xác định các nguồn tư liệu cần khai thác: tư liệu thành văn, tư liệu hồi ký.

- Địa điểm khai thác: trong và ngoài tỉnh.

- Xác định thời gian, tiến độ triển khai công tác sưu tầm khai thác tư liệu.

- Báo cáo với Ban chỉ đạo về kế hoạch sưu tầm tư liệu để phối hợp triển khai theo nội dung kế hoạch đã đề ra.

### ***3- Các loại tư liệu chính***

Từ nội dung nghiên cứu, biên soạn lịch sử đảng bộ, lịch sử phong trào, lịch sử truyền thống, để xác định các loại tư liệu lịch sử sau: tư liệu thành văn, hồi ký-tiểu sử, hiện vật, ảnh...

#### ***3.1- Tư liệu thành văn***

Nguồn tư liệu này được lưu trữ tại các trung tâm lưu trữ của Đảng, nhà nước, Trung tâm lưu trữ của Văn phòng Tỉnh ủy; UBND tỉnh; huyện, thị, thành ủy; UBND huyện, thị, thành phố; văn phòng các ban ngành, đoàn thể các cấp, quân sự, công an...

Bao gồm các loại tư liệu sau:

- *Văn kiện Đảng*: nghị quyết, chỉ thị, báo cáo... của đảng bộ, nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp, hội nghị các cấp ủy, hội nghị ban thường vụ các cấp từ tỉnh đến huyện, xã.

- *Biên bản* các kỳ đại hội, hội nghị BCH, hội nghị ban thường vụ huyện ủy...

- *Bài viết, bài nói* của các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng, của đảng bộ các cấp (bí thư, ủy viên thường vụ...).

- Báo cáo tổng kết hàng năm của cấp ủy, UBND, các ngành, đoàn thể, về các lĩnh vực chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội...

- Báo cáo tổng kết chuyên đề của cấp ủy, các ngành, đoàn thể...

- Những ấn phẩm tham khảo và nghiên cứu: sách, báo về những vấn đề về thế giới, những vấn đề chung của toàn Đảng... đặc biệt những tác phẩm của các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Trung ương, địa phương...

### 3.2- Tư liệu hồi ký, tiểu sử

- Hồi ký, tiểu sử được khai thác từ các đồng chí hoạt động trực tiếp trong các thời kỳ.

- Tư liệu hồi ký rất quan trọng, được sử dụng khi nguồn tư liệu thành văn nghèo nàn, không được lưu trữ đầy đủ.

Hồi ký góp phần dựng lại bức tranh chân thật của lịch sử, dựng lại một cách gần đủ, gần đúng với những gì lịch sử đã diễn ra... qua những nhân chứng lịch sử đã từng sống, hoạt động ở thời kỳ đó.

- Tư liệu hồi ký, tiểu sử là những ghi chép, hồi ức lại những gì đã diễn ra trong quá khứ về quá trình hoạt động của cá nhân nhân chứng lịch sử trực tiếp tham gia công tác hoặc chứng kiến trong thời kỳ lịch sử đó, bao gồm hồi ký của những đồng chí lãnh đạo Trung ương, địa phương, cán bộ, chiến sỹ và nhân dân trực tiếp tham gia hai thời kỳ kháng chiến chống thực dân, đế quốc và thời kỳ xây dựng CNXH, bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

- Thông qua hồi ký, các nhân chứng lịch sử sẽ giúp cho những nhận xét, đánh giá từng thời kỳ cách mạng, gợi ý cho người nghiên cứu tiếp tục tìm tòi, để có kết luận chính xác khi trình bày sự kiện, nhân vật.

- Tuy nhiên hồi ký *không thể thay thế* Văn kiện Đảng mà *chỉ có thể bổ sung cho văn kiện*: Dùng lời nhận xét, đánh giá của lãnh tụ trong hồi ký về phong trào thời kỳ đó để góp phần khẳng định thêm sự phân tích, chứng minh của người nghiên cứu.

Hoặc dùng lời nhận xét của lãnh tụ trong hồi ký để làm kết luận cho sự phân tích về một tác phẩm, một sự kiện lịch sử.

Trích lại một câu nói của lãnh tụ trong hồi ký nhận định về tình thế, một chủ trương, *khi mà không tìm thấy một văn bản nào khác*.

### ***Một số vấn đề cần lưu ý trong sử dụng tư liệu hồi ký:***

- Công việc khai thác, sưu tầm tư liệu hồi ký cần phải làm trước và thường xuyên.

- Trước khi khai thác hồi ký cần phải có đề cương xác định rõ những nội dung cần khai thác và gửi đến cho những nhân chứng chuẩn bị trước.

- Mỗi thời kỳ lịch sử có người hoạt động ở các lĩnh vực này, có người hoạt động ở lĩnh vực khác, do đó khi khai thác nên tập trung vào lĩnh vực hoạt động chính, trực tiếp của nhân chứng đó, còn các lĩnh vực khác chỉ là phụ, khai thác thêm.

- Sử dụng tư liệu hồi ký cần phải *chú ý thận trọng, phải phân tích, đối chiếu xác minh, chọn lọc*, vì có nhiều lý do mà đôi khi còn có những điểm thiếu chính xác, thiếu toàn diện, thiếu khách quan.

3.3- *Tư liệu hiện vật, ảnh...* được lưu giữ từ các cá nhân, đơn vị.

### ***4- Một số biện pháp trong khai thác và sử dụng các nguồn tư liệu***

- Phát hiện và lựa chọn tư liệu.

- Phân tích các tư liệu.

- Nhận xét tổng hợp, hệ thống tư liệu có quan hệ với đề tài cần nghiên cứu.



- *Khi sử dụng tư liệu cần chú ý:*

+ Đảm bảo tính Đảng, tính khoa học của tư liệu. Tư liệu có hoàn cảnh lịch sử cụ thể với những ưu điểm và có khi có cả những hạn chế, do vậy, tuyệt đối không được cắt xén, gò ép tư liệu cho phù hợp với tư tưởng chủ quan của người viết.

+ Chỉ sử dụng những tư liệu đã được xác minh khoa học.

+ Khi trích lại tư liệu từ sách, báo, phải tìm đến nguyên bản, không trích lại.

Làm tốt công tác sưu tầm, khai thác tư liệu sẽ quyết định về chất lượng nội dung của mỗi công trình.

Do vậy các cấp ủy cần quan tâm chỉ đạo công tác này để việc nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng địa phương đạt được kết quả tốt.

### ***5- Tổ chức thực hiện***

- Ban chỉ đạo cấp xã (hoặc cấp huyện) chỉ đạo ban tuyên giáo, văn phòng cấp ủy chuẩn bị các điều kiện về phương tiện, phối hợp với ban biên soạn triển khai kế hoạch sưu tầm khai thác tư liệu.

- Ban biên soạn chịu trách nhiệm về nội dung khai thác tư liệu, trực tiếp khai thác tư liệu từ các nhân chứng; phối hợp với ban chỉ đạo, ban tuyên giáo, văn phòng cấp ủy triển khai khai thác tư liệu thành văn tại các Trung tâm lưu trữ.

- Sau khi phát hành cần tổ chức tuyên truyền, giáo dục lịch sử của đảng bộ, lịch sử phong trào cho cán bộ, đảng viên và nhân dân trên địa bàn.

*Chuyên đề 9*

**KỸ NĂNG SOẠN THẢO VĂN BẢN CỦA ĐẢNG  
VỀ CÔNG TÁC TUYÊN GIÁO**

**I- Khái niệm về soạn thảo văn bản**

Soạn thảo văn bản của cấp ủy, cơ quan, tổ chức đảng là căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mục đích ban hành văn bản, nội dung của vấn đề cần văn bản hoá, tổ chức thu thập thông tin, xây dựng bản thảo, sửa chữa và hoàn chỉnh bản thảo thành văn bản chính thức.

Công tác soạn thảo văn bản là một quá trình từ xác lập vấn đề cần văn bản hoá, xác định thể loại văn bản cần sử dụng, xác định phạm vi, đối tượng, thời gian hiệu lực của văn bản, thu thập và xử lý thông tin, xây dựng bản thảo, cho đến sửa chữa và hoàn chỉnh bản thảo, trình duyệt và nhân bản ban hành.

**II- Một số yêu cầu cơ bản của việc soạn thảo văn bản**

Để cho văn bản có chất lượng cao, có đầy đủ giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành, soạn thảo văn bản phải đảm bảo một số yêu cầu cơ bản sau đây:

***1- Về nội dung***

Nội dung là thành phần quan trọng nhất của văn bản. Yêu cầu về nội dung gồm hai mặt:

- Những thông tin đưa vào văn bản phải được xử lý và bảo

đảm chính xác. Các quyết định đề ra phải phù hợp với đường lối, quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và sát với hoàn cảnh thực tế, tạo cơ sở cho văn bản có tính ứng dụng pháp lý cao.

- Nội dung của vấn đề văn bản hoá phải được thể hiện bằng một thể loại văn bản phù hợp với tổ chức, nội dung và mục đích ban hành văn bản.

## ***2- Về thẩm quyền và thể thức***

Văn bản phải được ban hành đúng thẩm quyền và đầy đủ thể thức theo quy định của Đảng.

Văn bản lãnh đạo, quản lý chỉ có hiệu lực trong phạm vi thẩm quyền của cơ quan lãnh đạo, quản lý. Mỗi cấp ủy, cơ quan, tổ chức đảng có phạm vi hoạt động khác nhau và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được xác định, trong đó có thẩm quyền ban hành văn bản.

## ***3- Về thời gian***

Mỗi vấn đề, mỗi sự việc đều có tính thời điểm của nó. Soạn thảo văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, cơ quan, tổ chức đảng trên mọi lĩnh vực phải đảm bảo hoàn thành có chất lượng và đúng thời gian quy định để ban hành được kịp thời.

Trong công tác lãnh đạo của Đảng, lãnh đạo công tác tư tưởng giữ vị trí hàng đầu. Tính chủ động, tính kịp thời là phương châm công tác tư tưởng của Đảng. Văn bản ban hành kịp thời sẽ tạo điều kiện phát huy được tính chủ động, đem lại hiệu quả cao cho công tác tư tưởng.

## ***4- Về ngôn ngữ và văn phong***

Phải sử dụng ngôn ngữ và văn phong thích hợp với mỗi loại văn bản. Đối với các văn bản (báo cáo chính trị, diễn văn...) thì

thể văn thích hợp để sử dụng là văn phong chính luận. Đối với các văn bản thuộc phạm vi lãnh đạo thực hiện, tổ chức quản lý, điều hành, giao tiếp thì sử dụng văn phong hành chính - công vụ.

Sử dụng ngôn ngữ trong quá trình soạn thảo văn bản phải chặt chẽ, chính xác, không dùng những câu, chữ có thể hiểu nhiều nghĩa.

### ***5- Về thể thức và kỹ thuật trình bày***

Văn bản là bộ mặt của cơ quan, tổ chức đảng. Hình thức trình bày phải thể hiện tính trang nghiêm, tính thẩm mỹ. Kỹ thuật trình bày phải theo đúng quy định của Văn phòng Trung ương Đảng.

## **III- Quy trình soạn thảo văn bản**

### ***1- Định nghĩa***

Quy trình soạn thảo văn bản là những bước đi cần thiết được sắp xếp theo trình tự hợp lý trong quá trình soạn thảo một văn bản nhằm đảm bảo yêu cầu về chất lượng và tiến độ.

### ***2- Các bước của quy trình soạn thảo văn bản***

Mỗi loại văn bản đòi hỏi một quy trình soạn thảo cụ thể, thích ứng với nó. Tuy nhiên, từ những quy trình riêng biệt, có thể tìm ra những nét chung nhất để xác định một quy trình tổng quát cho phép định hướng từ đầu một cách hợp lý nhất đối với soạn thảo văn bản, là cơ sở để xác định quy trình cụ thể cho từng loại văn bản dự định soạn thảo.

Quy trình soạn thảo văn bản gồm các bước sau đây:

- Xác định vấn đề cần văn bản hoá;
- Xác định mức độ cần thiết phải phổ biến và yêu cầu về thời gian của văn bản;
- Xác định loại văn bản cần sử dụng để thực hiện yêu cầu văn bản hóa;

- Thu thập và xử lý thông tin cho văn bản;
- Xây dựng văn bản - trao đổi - sửa chữa;
- Duyệt văn bản;
- Ban hành hành văn bản theo thẩm quyền.

Cán bộ được phân công soạn thảo văn bản phải nắm chắc ý tưởng của lãnh đạo và chủ đề của văn bản. Căn cứ nội dung của vấn đề cần văn bản hoá để xác định:

- Tính chất của văn bản (văn bản chỉ đạo hay văn bản thông thường);

- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện;
- Mức độ pháp lý;
- Yêu cầu về thời gian;
- Thể loại văn bản cần sử dụng;
- Yêu cầu về thu thập thông tin cho văn bản.

Thu thập và xử lý thông tin là khâu rất quan trọng, góp phần bảo đảm chất lượng của văn bản được soạn thảo.

Những thông tin đưa vào văn bản phải qua xử lý chặt chẽ, bao gồm việc kiểm tra độ tin cậy của thông tin, bảo đảm trung thực, chính xác. Xử lý thông tin bao gồm các bước sau:

- Kiểm tra độ tin cậy của thông tin. So sánh, đối chiếu các thông tin đã thu thập. Trường hợp có mâu thuẫn hoặc chưa thật rõ thì phải đến tận nơi để xác minh tính chính xác.

- Phân tích thông tin để tìm hiểu bản chất, nguyên nhân của tình hình.

- Tổng hợp thông tin, sắp xếp các thông tin đã được kiểm tra, phân tích có hệ thống, phục vụ cho việc đánh giá tình hình, xây dựng nội dung văn bản.

Xây dựng văn bản bao gồm những bước đi cụ thể, xây dựng đề cương, tiến hành dự thảo văn bản, lấy ý kiến góp ý, bổ sung, sửa chữa, trình lãnh đạo thông qua.

Bản dự thảo chỉ trở thành văn bản chính thức để ban hành sau khi được cấp ủy hoặc thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền xét duyệt, hoàn chỉnh về nội dung và hoàn thành các thủ tục hành chính theo quy định.

Quy trình soạn thảo một văn bản thông thường:

- Xác định mục đích, nội dung vấn đề cần văn bản hoá và loại văn bản cần sử dụng;

- Xây dựng bản thảo;

- Thông qua lãnh đạo;

- Xử lý kỹ thuật về mặt hành chính;

- Ký văn bản và ban hành.

#### **IV- Soạn thảo một số văn bản về công tác tuyên giáo**

Thực hiện chức năng cơ quan tham mưu của cấp ủy đảng, ban tuyên giáo các cấp có nhiệm vụ giúp cấp ủy soạn thảo hoặc chủ trì phối hợp với các cơ quan trực tiếp có liên quan soạn thảo các văn bản của cấp ủy đảng về lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyên giáo.

Những điểm cần chú ý trong việc soạn thảo một số văn bản thường dùng của các cơ quan lãnh đạo Đảng các cấp về lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyên giáo.

##### ***1- Nghị quyết***

Nghị quyết của Đảng có nhiều loại, mỗi loại có yêu cầu cụ thể về nội dung và cách soạn khác nhau. Ở đây, chỉ đề cập đến

nghị quyết của cấp ủy đảng về chủ trương, nhiệm vụ công tác tư tưởng.

Nghị quyết về chủ trương, nhiệm vụ công tác tư tưởng là văn bản phản ánh một cách cô đúc các quan điểm của cơ quan lãnh đạo Đảng về nhận định tình hình, đề ra các chủ trương, nhiệm vụ, biện pháp công tác tư tưởng. Việc lựa chọn những vấn đề cần ra nghị quyết phải xuất phát từ tình hình thực tiễn và yêu cầu của nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng trên lĩnh vực tư tưởng.

Thông thường, nghị quyết của cấp ủy đảng được ban hành nhằm đáp ứng yêu cầu lãnh đạo giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn trước yêu cầu của tình hình mới.

Trong việc soạn thảo nghị quyết của cấp ủy đảng về công tác tư tưởng cần nắm vững và thực hiện tốt yêu cầu cơ bản của nội dung nghị quyết là đánh giá đúng tình hình tư tưởng và công tác tư tưởng (bối cảnh, thành tựu, yếu kém, nguyên nhân...), xác định đúng phương hướng chung, những nhiệm vụ cụ thể của công tác và các biện pháp thực hiện.

### *1.1- Kết cấu của nghị quyết*

Nội dung của nghị quyết gồm 3 phần:

- Đánh giá tình hình.
- Phương hướng, nhiệm vụ.
- Các biện pháp tổ chức thực hiện.

*Phần thứ nhất*, trên cơ sở đánh giá khái quát tình hình tư tưởng và thực trạng công tác tư tưởng, phân tích nguyên nhân của tình hình đó, làm rõ lý do cần ra nghị quyết.

*Phần thứ hai*, trình bày súc tích, rõ ràng, chính xác những kết luận của hội nghị cấp ủy về nhận định tình hình trong thời gian

tới, xác định phương hướng, nhiệm vụ công tác tư tưởng trong tình hình mới.

*Phần thứ ba*, nêu những biện pháp chủ yếu nhằm tổ chức thực hiện, trách nhiệm của các cơ quan công tác và các cơ quan trực tiếp có liên quan hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện nghị quyết, báo cáo kết quả với cấp ủy.

Soạn thảo nghị quyết là công trình của tập thể, cần thu hút trí tuệ của nhiều người. Tổ chức lấy ý kiến của các đối tượng cần thiết ngay từ khi xây dựng đề cương.

### *1.2- Văn phong của nghị quyết*

Văn phong phải hàm súc, ngôn ngữ dễ hiểu, chuẩn mực, phản ánh chính xác tư tưởng, quan điểm của Đảng và các quyết định của các cấp ủy. Khi cần nêu lý lẽ để giải thích, biện luận, chứng minh các nội dung của nghị quyết phải chọn lọc, cân nhắc kỹ, viết ngắn gọn, tránh dùng những câu, chữ sáo rỗng.

Nghị quyết của các cấp ủy đảng các địa phương và cơ sở phải do bí thư, hoặc phó bí thư, thay mặt ban chấp hành hoặc ban thường vụ ký.

## **2- Quyết định**

### *2.1- Định nghĩa*

Quyết định là văn bản để ban hành hoặc bãi bỏ các quy chế, quy định, quyết định cụ thể về chủ trương, chính sách, tổ chức bộ máy, nhân sự thuộc phạm vi quyền hạn của cấp ủy, cơ quan, tổ chức đảng.

### *2.2- Kết cấu và hình thức của văn bản quyết định*

Quyết định được kết cấu bởi hai phần:

- Phần đầu nêu những căn cứ để ra quyết định hoặc tóm tắt mục đích để ban hành quyết định.



- Phần thứ hai là quyết định cụ thể. Nếu nội dung bao gồm nhiều vấn đề thì trình bày theo chương, mục, điều... nếu nội dung bao gồm ít vấn đề thì trình bày theo từng điều 1, 2, 3... cuối cùng có các điều khoản thi hành, quy định, thời gian có hiệu lực, phạm vi đối tượng thực hiện.

### **3- Chỉ thị**

#### **3.1- Định nghĩa**

Chỉ thị là văn bản của cấp ủy cấp trên gửi cho các cấp dưới để chỉ đạo thực hiện chủ trương, chính sách hoặc một nhiệm vụ công tác nhất định. So với nghị quyết, nội dung của chỉ thị ít, mức khái quát và phạm vi nội dung thường hẹp hơn.

Ví dụ: trên cơ sở nhiệm vụ của việc biên soạn lịch sử, xét vai trò quan trọng của việc biên soạn lịch sử *đảng bộ, lịch sử phong trào, lịch sử truyền thống cách mạng ở địa phương*, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy đã tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị 06-CT/TU ngày 25/4/2011 về *“tăng cường công tác nghiên cứu, biên soạn lịch sử đảng bộ, lịch sử phong trào, lịch sử truyền thống cách mạng ở địa phương”*.

Các công văn, thông báo, thông tri truyền đạt các quyết định của cấp ủy, hướng dẫn công tác cho các cấp, ít nhiều đều có tính chất “chỉ thị” để thi hành.

#### **3.2- Kết cấu của chỉ thị**

Nội dung của một chỉ thị gồm 3 phần:

- *Phần mở đầu* trình bày ngắn gọn lý do cần ban hành chỉ thị, chủ yếu là nêu rõ thực trạng tình hình và những vấn đề đặt ra phải giải quyết.

- *Phần thứ hai* làm rõ mục đích, yêu cầu cần đạt tới, các nhiệm vụ cụ thể phải tiến hành.

- *Phần thứ ba* gồm các biện pháp tổ chức thực hiện, phân công các cơ quan có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc việc chấp hành chỉ thị, tổng kết và báo cáo kết quả với cấp ủy.

Chỉ thị cần viết cụ thể, ngắn gọn, phù hợp với tính chất của một văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp ủy đảng.

#### ***4- Thông tri***

Thông tri là văn bản của cấp ủy cấp trên gửi các cấp dưới để giải thích, hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị hoặc một chủ trương của cấp ủy đã ban hành. Thẩm quyền ban hành thông tri như thẩm quyền ban hành chỉ thị.

Thông tri cần được viết ngắn, gọn, hướng dẫn giải quyết những vấn đề cụ thể đang đặt ra để bảo đảm tổ chức thực hiện.

Ví dụ: Thông tri 05-TT/TU, ngày 16/6/2011 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy để triển khai thực hiện Chỉ thị 03-CT/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh việc “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”.

Cần phân biệt thông tri và thông tư. Các cơ quan đảng không ra thông tư. Thông tư là một văn bản qui phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của một số cơ quan nhà nước (bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc chính phủ).

#### ***5- Thông báo***

Thông báo là văn bản dùng để thông tin về một vấn đề, một sự việc cụ thể để cơ quan, cá nhân có liên quan biết hoặc thực hiện.

Thông báo được sử dụng để truyền đạt thông tin chính thức về một sự kiện quan trọng hoặc một quyết định của cơ quan lãnh đạo Đảng cho các chủ thể có liên quan biết (ví dụ: thông báo thi hành kỷ luật) hoặc trong phạm vi rộng hơn, cho các đảng viên

và toàn dân biết (ví dụ: thông báo sau mỗi kỳ họp của Ban Chấp hành đảng bộ).

## **V- Soạn thảo những văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của ban tuyên giáo các cấp**

### ***1- Công văn***

Công văn là loại văn bản mang tính chất giao tiếp hoặc điều hành công việc cụ thể. Về nội dung, công văn thường nhằm vào việc xử lý một công việc nhất định. Về cách thể hiện, ngoài tính khuôn mẫu cao, còn phải viết ngắn gọn, chính xác, kể cả trong dùng từ và lựa chọn kiểu câu.

Tính khuôn mẫu của công văn còn thể hiện ở việc phải ghi trích yếu, nhất là những công văn có nội dung quá một trang. Việc ghi trích yếu công văn tạo điều kiện thuận lợi cho việc đăng ký, theo dõi giải quyết, lập hồ sơ, lưu trữ và phục vụ khai thác, sử dụng công văn.

### ***2- Báo cáo***

#### ***2.1- Định nghĩa***

Báo cáo là văn bản dùng để tường trình về tình hình hoạt động của cấp ủy, cơ quan đảng hoặc về một đề án, một vấn đề, một sự việc nhất định.

#### ***2.2- Các loại báo cáo***

Báo cáo tình hình tư tưởng và công tác tư tưởng bao gồm nhiều loại: báo cáo thường kỳ, báo cáo chuyên đề, báo cáo nhanh. Báo cáo thường kỳ gồm báo cáo tuần, báo cáo tháng, báo cáo quý, báo cáo 6 tháng, báo cáo tổng kết năm. Báo cáo tuần, báo cáo tháng phản ánh biểu hiện tư tưởng mới nảy sinh, những công tác chính đã tiến hành trong tuần, trong tháng. Báo cáo quý, báo cáo 6 tháng, sơ kết, đánh giá, phân tích những diễn biến mới về tư tưởng, kết quả sơ bộ về các mặt công tác, nhất là công tác trọng

tâm. Khi có những vấn đề phức tạp mới nảy sinh, báo cáo phải đề xuất phương hướng, biện pháp giải quyết và xin ý kiến cấp trên. Báo cáo năm và báo cáo chuyên đề mang tính tổng kết và đề ra phương hướng, nhiệm vụ mới. Báo cáo nhanh khi có tình hình đặc biệt, những việc đột xuất.

### 2.3- Yêu cầu chung đối với các loại báo cáo

- *Phản ánh trung thực và khoa học.* Nêu rõ những sự kiện tác động đến tình hình tư tưởng và công tác tư tưởng. Không né tránh những vấn đề gai góc. Phải xuất phát từ thực tiễn để suy nghĩ sâu về công tác tư tưởng. Đánh giá kết quả công tác phải khách quan, công bằng, làm rõ ưu điểm, khuyết điểm, nguyên nhân và những vấn đề đặt ra phải giải quyết. Tránh tư tưởng thành tích, che dấu khuyết điểm, chủ quan, hời hợt, phiến diện, cục bộ, không sâu sát tình hình, dẫn đến những nhận định, đánh giá sai lệch.

- *Chính xác, cụ thể.* Xác định rõ yêu cầu cụ thể của mỗi báo cáo để thu thập và chọn lọc những thông tin cần thiết, phản ánh đúng thực chất của vấn đề, có dẫn chứng xác thực. Báo cáo mô tả cụ thể tình hình, đồng thời phải mang tính khái quát. Báo cáo không tràn lan, tản mạn, đi quá sâu vào những chi tiết vụn vặt mà quên tính tổng quát của báo cáo. Tránh viết sơ lược, đại khái, công thức, những kết luận mơ hồ, thiếu căn cứ.

- *Kịp thời* là yêu cầu có ý nghĩa quan trọng đối với mục đích và tác dụng của việc làm báo cáo. Có báo cáo kịp thời giúp lãnh đạo có chủ trương, biện pháp giải quyết được kịp thời. Đây là yêu cầu của lãnh đạo nói chung và lãnh đạo tư tưởng nói riêng, đòi hỏi sự nhạy bén, miễn cảm về chính trị, tinh thần trách nhiệm đối với công tác tham mưu.

### 2.4- Kết cấu của báo cáo

Mỗi loại báo cáo đều có nét đặc thù, có kết cấu về nội dung

thích hợp với tính chất và phạm vi của báo cáo đó. Thông thường, bố cục của một báo cáo tổng kết công tác tuyên giáo cả năm gồm 2 phần lớn:

- *Phần thứ nhất:* đánh giá tình hình tư tưởng và công tác tư tưởng năm qua. Nêu rõ những diễn biến mới về chính trị - xã hội trong năm tác động đến tình hình tư tưởng và công tác tư tưởng. Những diễn biến mới về tư tưởng trong Đảng và trong xã hội, phân tích những chuyển biến tích cực, những biểu hiện tiêu cực, mức độ và nguyên nhân. Kết quả triển khai các nhiệm vụ công tác tư tưởng, đánh giá những thành tựu, yếu kém và nguyên nhân, những vấn đề tồn tại cần phải giải quyết.

- *Phần thứ hai:* đề ra phương hướng, nhiệm vụ năm tới. Dự báo chiều hướng phát triển của tình hình và yêu cầu đối với công tác tư tưởng. Phương hướng chung, các nhiệm vụ cụ thể, các biện pháp chủ yếu để thực hiện và kiến nghị, đề xuất với cấp trên những vấn đề vượt quá thẩm quyền giải quyết.

**Chú ý:** Kèm theo báo cáo có phụ lục số liệu thống kê phản ánh các mặt hoạt động được nêu trong báo cáo.

### *2.5- Văn phong viết báo cáo*

Viết báo cáo phải bảo đảm tính chính xác cả về nội dung và cách biểu đạt, thể hiện qua cách hành văn cô đúc, súc tích, mạch lạc. Tùy theo từng thể loại báo cáo, có thể vận dụng phương pháp nghị luận, chứng minh cho những nhận định, đánh giá, phân tích nguyên nhân của sự việc, nhưng cũng phải viết ngắn gọn. Tình hình cụ thể, số liệu thống kê có thể làm phụ lục của báo cáo. Không chỉ cán bộ làm công tác tổng hợp, mà tất cả cán bộ tuyên giáo đều phải rèn luyện cách viết báo cáo.

## *Đề cương*

# **BÁO CÁO**

## **Tổng kết công tác tuyên giáo năm...**

### **Phần thứ nhất**

#### **Tình hình tư tưởng và công tác tuyên giáo năm...**

##### **I- Tình hình tư tưởng, tâm trạng xã hội**

- 1- Những thuận lợi cơ bản
- 2- Những khó khăn

##### **II- Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ công tác tuyên giáo năm....**

- 1- Chỉ đạo, định hướng công tác tuyên truyền
- 2- Công tác giáo dục lý luận chính trị
- 3- Công tác khoa giáo
- 4- Công tác Lịch sử Đảng
- 5- Thực hiện việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh
- 6- Công tác phối hợp với các tổ chức trong hệ thống chính trị, các lực lượng trên địa bàn để triển khai công tác tuyên giáo

##### **III- Đánh giá chung**

- 1- Ưu điểm
- 2- Những khó khăn, hạn chế
- 3- Nguyên nhân

## **Phần thứ hai**

### **Phương hướng nhiệm vụ công tác tuyên giáo năm...**

#### **I- Dự báo tình hình**

1- Thuận lợi

2- Khó khăn

#### **II- Phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu của công tác tuyên giáo năm...**

#### **III- Kiến nghị đề xuất**

##### **3- Thông báo**

###### **3.1- Định nghĩa**

Thông báo là văn bản dùng để thông tin về một vấn đề, một sự việc cụ thể để các cơ quan, cá nhân có liên quan biết hoặc thực hiện.

###### **3.2- Các loại thông báo thường dùng trong công tác tuyên giáo**

*Thông báo nội bộ - tài liệu phục vụ sinh hoạt chi bộ hàng tháng*, được xuất bản nhằm thông tin đến đảng viên diễn biến tình hình và nhận định của Đảng về những sự kiện chủ yếu về tình hình trong nước và quốc tế, những quyết định quan trọng của Đảng và Nhà nước. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy bổ sung thêm phần tin địa phương, tổ chức in ấn và phát hành đến chi bộ làm tài liệu thông báo đến đảng viên.

- Thông báo nội bộ cung cấp thông tin cần thiết, chính xác, tổng hợp, có định hướng, góp phần nâng cao nhận thức của đảng viên cơ sở, nhằm thống nhất tư tưởng, quan điểm về những vấn đề thời sự chính trị, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, góp phần tăng cường đoàn kết nhất trí trong Đảng.

- Thông báo nội bộ trở thành một công cụ quan trọng tiến hành công tác tư tưởng ở cơ sở, làm cho sinh hoạt chi bộ có thêm nội dung giáo dục thiết thực, bổ ích, là tài liệu không thể thiếu đối với đảng viên, giúp cho đảng viên và tổ chức cơ sở đảng ở cơ sở đấu tranh, gạt bỏ những thông tin sai lệch lan truyền tại địa phương, chống những tư tưởng và hành động trái với đường lối, quan điểm của Đảng.

#### ***4- Hướng dẫn***

Hướng dẫn là văn bản giải thích, chỉ dẫn cụ thể việc tổ chức thực hiện văn bản của cấp ủy hoặc của cơ quan đảng cấp trên.

Thực hiện chức năng của mình, ban tuyên giáo các cấp có nhiệm vụ hướng dẫn thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quyết định của cơ quan lãnh đạo Đảng về công tác tư tưởng. Đây là một công cụ quan trọng của ngành để góp phần vào việc quán triệt và thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quyết định của cấp ủy.

#### ***5- Diễn văn***

##### ***5.1- Định nghĩa***

Diễn văn là một loại văn bản mang tính diễn thuyết, được dùng ở nhiều cấp, nhiều ngành theo những phạm vi khác nhau, như diễn văn khai mạc, bế mạc đại hội hoặc một hội nghị quan trọng, tại một lễ khánh thành lớn.... ban tuyên giáo các cấp thường được cấp ủy phân công soạn thảo các bài diễn văn của lãnh đạo đọc tại các cuộc mít tinh trọng thể kỷ niệm các ngày lễ lớn hoặc những cuộc mít tinh hưởng ứng một sự kiện chính trị, xã hội quan trọng.

Diễn văn được viết nhằm mục đích để đọc chứ không phải để gửi như các loại văn bản khác. Để truyền đạt những thông tin cần thiết qua diễn văn, người soạn phải chú ý thể hiện nội dung sát với đối tượng người nghe và yêu cầu của việc trình bày các



thông tin sao cho phù hợp. Diễn văn không nên viết dài mà nên viết ngắn gọn, dễ hiểu, giàu hình ảnh, sinh động, có sức lôi cuốn người nghe; khi đưa ra các quan điểm, cần trình bày sao cho có sức thuyết phục cao.

#### *5.2- Kết cấu của diễn văn*

Không có bố cục mẫu chung cho các loại diễn văn, song nhìn chung diễn văn thường có kết cấu gồm 3 phần:

- *Phần thứ nhất* nêu lý do của cuộc mít tinh hoặc buổi thuyết trình. Phần này cũng có thể giới thiệu khái quát những vấn đề chủ yếu sẽ được đề cập trong diễn văn.

- *Phần thứ hai* là các vấn đề muốn nói với thính giả. Đây là phần chính của bài diễn văn.

- *Phần thứ ba* là lời chào và cảm ơn thính giả. Các bài diễn văn tại các cuộc mít tinh có ý nghĩa động viên chính trị nên kết thúc bằng các đoạn văn hoặc một số câu khẩu hiệu có tính cổ động cao.

Trên đây là những điều cần chú ý trong việc soạn thảo một số văn bản về công tác tư tưởng. Nhận thức rõ vai trò quan trọng của văn bản trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng trên lĩnh vực tư tưởng, mỗi cán bộ công tác tuyên giáo phải rèn luyện nâng cao kiến thức và kỹ năng soạn thảo văn bản.

## MỤC LỤC

	Trang
<b>Lời nói đầu</b>	3
<b>Chuyên đề 1: Khái quát công tác tư tưởng ở cơ sở</b>	5
<b>Chuyên đề 2: Công tác tuyên truyền, cổ động ở cơ sở</b>	24
<b>Chuyên đề 3: Công tác Văn hóa văn nghệ ở cơ sở</b>	52
<b>Chuyên đề 4: Năm bắt Dự luận xã hội ở cơ sở</b>	63
<b>Chuyên đề 5: Công tác tuyên truyền miệng và xây dựng đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên</b>	91
<b>Chuyên đề 6: Công tác Giáo dục Lý luận chính trị và giáo dục truyền thống cách mạng ở cơ sở</b>	115
<b>Chuyên đề 7: Công tác Khoa giáo cơ sở</b>	132
<b>Chuyên đề 8: Công tác Lịch sử Đảng ở cơ sở</b>	147
<b>Chuyên đề 9: Kỹ năng soạn thảo văn bản của Đảng về công tác Tuyên giáo</b>	163

**CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN**  
**BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY**

**BAN BIÊN TẬP**

**Thái Thanh Bình**

*Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy - Trưởng Ban*

**Nguyễn xuân Quỳnh**

*- Trưởng phòng TTVHVN - Phó ban*

**Nguyễn Quang Cường**

*- Giám đốc TTTTCTTG - Thành viên*

**Tống Thới Mốc**

*- Trưởng phòng Khoa giáo - Thành viên*

**Vũ Thị Việt Hà**

*- Trưởng phòng Lịch sử Đảng - Thành viên*

**Phạm Huy Toàn**

*- Chánh Văn phòng Ban - Thành viên*

**Võ Hoàng Bình**

*- Phó phòng GDLLCT - Thành viên*

---

In 400 cuốn, khổ 14,5 x 20,5 cm. Tại Công ty Cổ phần In và Dịch vụ văn hóa Gia Lai - 102 Phạm Văn Đồng, TP. Pleiku, Gia Lai. Giấy phép xuất bản số 81/GP-STTTT do Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Gia Lai cấp ngày 27/8/2013.  
In xong và nộp lưu chiểu tháng 9 năm 2013.